

TRẦN-VĂN-TĂNG
NGUYÊN HIỆU-TRƯỞNG TIỂU-HỌC
GIAO - SƯ



TẬP LĂM VĂN

theo **PHƯƠNG PHÁP MỚI**

. LỚP NĂM

LUYỆN THI LUẬN-VĂN VÀO LỚP SÁU
những người tự luyện viết văn

tập
I

TÁC-GIÁ XUẤT-BẢN VÀ PHÁT-HÀNH
Tủ Sách «LƯƠNG - SƯ TIỀN SĨ»

MỚI LẠ !

KHOA - HỌC !

ĐỘC - ĐÁO !

ĐÓ LÀ NHỮNG ĐẶC-ĐIỂM CỦA BỘ SÁCH

TẬP LÀM VĂN theo PHƯƠNG PHÁP MỚI

Bộ sách trình bày một phương-pháp tập làm văn mệnh-danh là CHÍNH-VĂN TÂN CỬU-PHÁP, lần đầu tiên được Soạn-giả phát-hiện và hệ-thống-hóa, đã thu được nhiều kết-quả qua quá-trình trắc-nghiệm, cung-cấp cho Người Dạy và Người Học một phương-tiện tốt để trau-giồi cho người khác hoặc chính mình một căn-bản viết văn trong tinh-thần hào-húng, thận-trọng, thực-tiễn, khoa-học . . .

Tất cả những ai muốn tự-luyện hữu-hiệu một căn-bản hành-văn vững chải, không cứ là học-sinh lớp Năm, cần sử-dụng bộ sách quý này.

TOÀN BỘ TẬP LÀM VĂN theo PHƯƠNG PHÁP MỚI

soạn cho LỚP NĂM chia làm 4 tập :

- * Tập I : Tả đồ vật và cây cối (tức là tập này)
- * Tập II : Tả động-vật, người và hoạt-cảnh.
- * Tập III : Tả cảnh và thuật-su.
- * Tập IV : Thư-tin, Đơn-từ và ghi-luận.

Mỗi tập có nhiều bài tập. Mỗi bài tập trình bày một phương pháp tập làm văn riêng rẽ với một trình độ khác biệt khiến bộ sách MỚI MỀ TỪ ĐẦU ĐẾN CUỐI.

Không dùng Bộ Sách này là chịu một thiệt-thòi lớn !

120.000

Nhà in KHẮC HẠNH
318 Trần-quý-Cáp, Saigon

GIÁ 150\$

TRẦN - VĂN - TĂNG

CỦ-NHÂN LUẬT-KHOA
CỦ-NHÂN CHUYÊN-KHOA NHÂN-VĂN
CỦ-NHÂN GIÁO-KHOA VĂN-CHƯƠNG VIỆT-NAM

TỦ SÁCH
NGUYỄN TRỌNG TUẤN
An Dân Tân Tạo, An Túc - 22031975

Kính dâng các Bà Mẹ
từng nhọc công tập con nói bên nôi !
và những bậc rước mỗ-hôi vì trẻ
để dạy trò ăn nói cho nên lời !

TẬP LÀM VĂN

theo PHƯƠNG-PHÁP MỚI

LỚP NĂM
(LUYỆN THI LUẬN-VĂN VÀO LỚP SÁU)
và những NGƯỜI TỰ-LUYỆN VIẾT VĂN

TẬP I
Miêu-tả ĐỒ VẬT và CÂY CỐI

SOẠN-GIẢ HOÀN-TOÀN GIỮ BẢN QUYỀN VỀ PHƯƠNG-PHÁP SƯ-PHẠM
CẤM MỌI HÌNH-THỨC NGỤY-TÁC
Thư Từ và Tòa Đặt Hàng gửi về 136/2 Phan-thanh-Giản, Gò-Vấp — Gia-Định



PHẦN MỞ ĐẦU

ĐẶC-ĐIỂM CỦA SÁCH

1.— Sách « TẬP LÀM VĂN theo PHƯƠNG-PHÁP MỚI — LỚP NĂM . TẬP I, dùng cho ba tháng đầu niên-khóa nhằm giúp học-sinh trau-giồi khả-năng hành-văn, nhất là 'hề văn miêu-tả đồ vật và cây-cối đã học sơ qua ở lớp bốn. Sách này gồm :

— Đây-đủ phần giáo-khoa căn-bản về môn Tập làm văn và về thể loại văn miêu-tả đồ vật và cây cối.

— Đây-đủ phần hướng-dẫn về cách làm bài theo phương-pháp thực-nghiệm mới và tài-liệu cần dùng để tập làm văn được hiệu quả hơn.

— Hai mươi tám Phiếu làm bài về 28 đề-luận thuộc loại văn miêu-tả đồ vật và cây cối để học-sinh luyện văn theo phương-pháp mới.

2.— Sách soạn đúng chương trình hiện-hành của Bộ Q.G.G.D.

3.— Các đề luận biên-soạn là những đề rất phổ-thông. Các đồ vật và cây cối miêu-tả rất quen thuộc với học-sinh ở bất cứ địa-phương nào vì thế không gây trở ngại cho việc địa-phương-hóa giáo-dục.

4.— Phương-pháp sư-phạm được lưu ý đặc-biệt trong khi biên-soạn :

— Tiệm-tiến : Bài làm từ dễ đến khó dần, từ đơn-giản đến phức-tạp dần.

— Cụ thể : Các Bản văn dùng làm bài tập rút từ những thực-tại ngôn-ngữ thường gặp hàng ngày hoặc từ các bài làm của học-sinh chưa được sửa chữa.

5.— Sách này làm cho môn Tập làm văn nổi bật lên tính-cách thực-nghiệm bằng cách cung cấp cho học-sinh những thực tại ngôn ngữ còn sai lầm hoặc thiếu sót mà họ thường gặp trong ngôn ngữ đàm-thoại hằng ngày để họ phân-tích, đối-chiếu với kinh-nghiệm ngôn ngữ của riêng mình và kiến-thức ngôn-ngữ đã học, rồi tự mình hoặc cộng-tác với giáo-chức sửa chữa các lỗi cho bản văn trở nên đúng. Từ đó đem lại niềm hân-diện cho học-sinh trong khi học tập vì họ đã cùng góp phần đi tìm một thực-tại ngôn-ngữ mới và đúng hơn, đồng thời gây cho học-sinh tập-quán thận trọng, chú ý từng chi-tiết trong khi viết đề hành-văn đúng, giản-dị và rõ nghĩa trong mọi trường hợp.

6.— Phương-pháp trắc nghiệm được áp-dụng sẽ cung cấp cho môn Tập làm văn một phương pháp làm bài tập hoàn toàn mới mẻ, trắcnghiệm khả-năng và kiến-thức ngôn-ngữ của mỗi học-sinh một cách toàn diện, tạo cho học-sinh không-khí học-tập hào-hứng và hăng say trong khi trau dồi TIẾNG MẸ, phá tan sự nhàm chán và quan-niệm lầm-lẫn coi nhẹ môn TẬP LÀM VĂN, một môn học rất khó, đa số học-sinh rất kém nhưng không có phương-pháp học tập tích-cực.

7.— Sách có Phần BÀI CHỮA để học-sinh hoặc người tự-học có thể tự luyện viết văn một mình. Người dùng, sau khi tự nỗ-lực làm các bài tập, sử-dụng phần đó để chữa bài làm của mình. Với những lời giải thích rõ ràng, đầy đủ từng trắc-nghiệm-điểm, người học biết rõ được những sai lầm nhỏ nhặt và thường gặp của mình mới lưu-ý sửa chữa được.

8.— Cùng một đề luận có hai bài tập soạn theo hai phương-pháp tập làm văn khác nhau. Bài tập đầu có bài chữa riêng. Bài tập thứ hai không có bài chữa riêng. Học sinh dùng bản văn đúng của bài tập đầu để chữa bài tập thứ hai có đề tương-tự. Điều này có ba ngụ-y :

— Buộc người học phải chú ý làm và chữa bài tập đầu một cách thận trọng để có bản văn đúng mà chữa bài tập thứ hai cùng đề.

— Tạo cơ hội cho người học, đọc đi đọc lại bản văn đúng về một đề luận. (Chú ý : Bản văn đúng không có nghĩa là Bản văn hay nhất),

— Cung cấp cho giáo-chức một số bài tập không có bài chữa để có thể tức thời tiện-dụng khi cần ra bài tại lớp cho học-sinh làm mà không ngại học-sinh sẽ xem bài chữa sẵn trong sách.

9.— Một bộ PHIẾU KIỂM SOÁT bài làm cũng được ấn hành để dùng kèm với sách này. Với Bộ phiếu đó giáo-chức dành để chấm bài học-sinh được mau chóng, khỏe trí, chính xác và công bình, những điều mà từ trước đến nay giáo-chức hằng ao-uớc nhưng chưa có phương-tiện thực hiện.

Bộ Phiếu này dành để tặng riêng các giáo-chức nào dùng sách này để dạy Tập Làm Văn trong lớp mình. Tác giả sẵn sàng gửi Phiếu tặng giáo-chức nào có nhu-cầu, khi nhận được thư của họ.

10.— Sách có nhiều PHIẾU LÀM BÀI để người học có thể LÀM BÀI TẬP NGAY TRONG ĐÓ. Nếu là người tự học, sau khi làm một bài nào, họ dùng Bài Chữa liên-hệ để tự sửa lấy. Nếu là học-sinh của một lớp, GIÁO-CHỨC BẢO HỌC-SINH XÉ RỜI PHIẾU LÀM BÀI KHỎI SÁCH (xé theo đường in ở ngoài lề Phiếu), điền đầy đủ tên họ người làm bài vào phần đầu của Phiếu, rồi nộp cho mình.

Sau đó, giáo-chức chỉ cần DÙNG PHIẾU KIỂM-SOÁT Bài tập liên-hệ ĐẶT TRÊN PHIẾU LÀM BÀI để TÍNH SỐ LƯỢNG CÁC TRẮC-NGHIỆM ĐIỀM ĐÚNG hay SAI mà học-sinh đã làm. Đoạn, ĐÁNH GIÁ BÀI LÀM THEO THANG ĐIỀM có GHI SẴN TRONG PHIẾU KIỂM SOÁT. Khi chữa bài chung cả lớp, giáo-chức trả Phiếu làm bài lại cho học-sinh và buộc họ dán vào cuốn cũ để sau này xem lại.

PHẦN I

GIÁO - KHOA CĂN - BẢN

KHÁI-NIỆM CĂN-BẢN VỀ MÔN TẬP LÀM VĂN VÀ GIỚI THIỆU SÁCH

I.— TẬP-LÀM-VĂN LÀ GÌ ?

A.— TẬP LÀM VĂN LÀ MỘT MÔN HỌC NGÔN-NGỮ :

Tập-làm-văn, hay luận, là một môn học trong đó học-sinh tập dùng ngôn ngữ dưới hình thức nói hay viết để diễn-lả dùng những điều cảm-giác được qua năm giác quan (mắt thấy, tai nghe, mũi ngửi, lưỡi nếm, tay sờ) và tỏ bày những ý-nghĩ của mình về một đầu đề nhất định.

B.— TẬP LÀM VĂN LÀ MÔN HỌC RẤT QUAN-TRỌNG :

Tập làm văn là môn học cốt yếu và ở trình-độ cao của môn ngôn-ngữ vì :

— Đề dọn đường cho môn Tập-làm-văn, trước khi học nó, học-sinh phải học kỹ sáu môn học khác về ngữ-học là : Học thuộc lòng, Văn-phạm, Ngữ-vựng, Chính-tả, Tập đọc và Tập viết.

— Trong môn Tập-làm-văn ta phải :

1.— TÌM Ý : bằng cách dùng dùng các kiến-thức liên-quan, thu-thập được trong các môn Tập đọc, Học thuộc lòng, v.v...

2.— HÀNH-VĂN : bằng cách dùng đúng các tiếng, tục ngữ, ca-đao, thành-ngữ... (học được trong môn Ngữ-vựng), các lối nói, các cách hành-văn hay (học được trong môn Tập đọc, Học thuộc lòng)... và các cách đặt câu đúng ngữ-pháp (học được trong môn Văn-phạm),

3.— TRÌNH BÀY : bằng cách nói hay viết :

Nếu nói, ta phải dùng các kiến-thức học được trong môn Tập đọc.

Nếu viết, ta phải dùng các kiến-thức học được trong môn Chính tả và năng khiếu tập được nhờ môn Tập viết.

Vì vậy, qua môn Tập-làm-văn, người ta có thể trác-nghiệm những kiến-thức liên-quan đến sáu môn học kia.

II.— THẾ NÀO LÀ MỘT BÀI LUẬN HAY ?

Đó là một bài luận không có một lỗi nào liên-quan đến các môn vừa kể thuộc ba lãnh-vực sau :

A.— Ý-TƯỞNG hay nội-dung :

1.— Ý-tưởng phải *ăn khớp* với *đầu bài*. Chỉ chọn dùng những ý nào liên-quan tới *đầu-đề* mà thôi. Như vậy bài không phạm lỗi *lạc-đề*.

2.— Ý-tưởng phải có *linh-cách đặc-biệt*. Không nêu ra những ý-tưởng quá *phổ-thông*, *tầm-thường*, ai cũng biết rõ.

3.— Ý-tưởng phải *súc-tích*, không quá nghèo nàn thiếu-sót, nhưng cố tránh ý dư, ý lập lại.

4.— Ý-tưởng *xếp-đặt* có *thứ-tự*, *mạch-lạc*. Muốn thế, phải làm bài theo một *dàn bài* hợp-lý, rõ-rệt đã soạn trước.

5.— Ý-tưởng toàn bài phải *đuy-nhất* tức là *phù-hợp* nhau. Tránh các ý *mâu-thuẫn* nhau. Tất cả ý phụ trong bài phải làm nổi bật một vài ý chính nào đó.

6.— Kết-luận phải *tóm lắt*, nêu lên một ý-tưởng mới hoặc *đặc-sắc*.

B.— LỜI VĂN hay hình-thức diễn-tả :

1.— Dùng đúng *từ-ngữ*, *ca dao*, *tục-ngữ*, *thành-ngữ*... Tránh dùng những tiếng chưa rõ nghĩa, có thể gây hiểu-lầm; những tiếng lập lại, thô, tục.

2.— *Viết đúng Văn-phạm* : Đặt câu đúng, ngắn, gãy-gọn, rõ-ràng, giản-đĩ và tự-nhiên. Tuyệt-đối không đặt câu dài dòng, câu-kỳ.

3.— *Dùng đúng dấu chấm câu*.

4.— *Thay đổi cách nói* để cho giọng văn trong bài luôn luôn mới mẻ. Nên dùng cách nói tự-nhiên trong Việt-ngữ.

5.— *Tuyệt-đối tránh những lối văn sáo*, dài dòng mà chưa đựng ý rất ít.

C.— BÀI VĂN hay hình-thức trình bày :

1.— *Chữ viết phải rõ-ràng, dễ đọc*. Không viết quá tháu ho kiểu-cách. Không tẩy xóa nhem-nhuốc.

2.— *Viết phải ngay hàng* (giấy phải gạch sẵn). *Xuống dòng* (hay sang hàng) *đúng chỗ*. Mỗi lần sang hàng viết thụt vào trong một khoảng cách nhỏ.

3.— *Viết đúng chỉnh-tả các chữ*. Chỉ viết hoa những chữ luật buộc.

4.— Từ đầu đến cuối chỉ *viết một màu mực*.

5.— *Cố gắng viết đẹp*, nếu được.

III.— LÀM THẾ NÀO ĐỂ GỎI MÔN TẬP-LÀM-VĂN ?

Muốn giỏi môn Tập-làm-văn phải học kỹ sáu môn học nêu trên để đạt được mục-đích riêng của từng môn học và phải luôn luôn luyện-tập viết văn.

A.— HỌC KỸ ĐỂ ĐẠT TỐT MỤC-TIÊU CỦA SÁU MÔN HỌC SAU:

1.— *Học-thuộc-lòng* : Học thuộc những áng văn, đoạn văn bất hủ. Ngoài các bài Học-thuộc-lòng, cũng cần ghi chép vào vở riêng những đoạn văn hoặc thơ hay, tạo cơ-hội để làm giàu ý-tưởng và bắt chước cách hành-văn của các tác-giả danh tiếng.

2.— *Tập đọc* : Ngoài những bài Tập-đọc, học-sinh cố-gắng đọc thật nhiều những bài văn hay. Với môn này học-sinh còn học được cách trình-bày bản văn bằng lời nói và học nhiều ngữ-vựng mới.

3.— *Ngữ-vựng* : Học kỹ môn này để làm giàu từ-ngữ, thành-ngữ... biết rõ nghĩa và dùng đúng chúng trong khi hành-văn.

4.— *Văn-phạm* : Học kỹ để biết cách đặt câu, chấm câu thật đúng.

5.— *Tập viết* : Tập viết nhiều để luyện khả-năng viết đúng kiểu, rõ ràng và đẹp.

6.— *Chỉnh tả* : Học kỹ để đạt những mục-tiêu của các môn Ngữ-vựng, Văn-phạm, Tập đọc và Tập viết. Ngoài ra còn để viết đúng chỉnh-tả trong khi tập làm văn.

B.— LUYỆN-TẬP VIẾT VĂN THƯỜNG XUYỀN.

1.— Đối với các bài Tập làm văn ở trường.

Học-sinh cần quyết tâm cố-gắng làm đúng các điều sau đây :

a.— Tự đem khả-năng của mình cố làm bài cho hay. Tuyệt-đối không coi ai, kể cả các bài luận mẫu trong sách. Nên xem các bài luận hoặc các đoạn văn trích dẫn của các tác-giả như những văn-liệu phụ mà thôi. Chính bài làm của riêng mình mới giúp ích mình nhiều nhất.

b.— Tôn trọng triệt-đề các nguyên-tắc hướng-dẫn căn-bản và các chỉ-dẫn cần-thiết trong môn Tập-làm-văn.

c. — Sau khi bài làm được chấm hoặc sửa chữa phải chú ý các điểm sai lầm của mình. Phải biết rõ thế nào là sai và làm thế nào để chữa cho đúng. Sau khi chữa, bài chữa phải giữ lại. Phải chú ý đọc đi đọc lại nhiều lần bài đã chữa và so-sánh nó với bài chưa sửa để nhớ rõ các lỗi cần tránh của mình. Điều quan-trọng là không sợ sai lầm mà phải chú ý để biết rõ nó và có quyết-tâm để trong các bài làm sau tuyệt-đối không tái-phạm những lỗi lầm cũ. Có thể, mới mong ngày càng tiến-thủ được ! Quyển sách này được xây dựng trên tinh-thần đó.

2. — Tập viết văn thường xuyên.

Bất cứ khả-năng nào có năng luyện-tập mới phát-triển được. Muốn viết văn giỏi phải thường xuyên tập viết văn. Dĩ nhiên là qua các bài học và bài làm hằng ngày, học-sinh đã học viết văn. Nhưng chúng ta cần có thêm những bài tập viết văn thuần-túy. Có thể, ta mới chú ý luyện-tập riêng khả-năng viết văn được.

Có nhiều cách tập viết văn : viết thư đủ loại cho bạn bè và thân quyến, viết báo, tự đặt vấn đề để viết hoặc dùng các sách Việt-luận, các sách Tập-làm-văn, không phải để đọc suông mà là để khảo-sát, để theo những lời chỉ-dẫn hoặc mô-phỏng các bài luận mẫu mà tự làm các đề tương-tự.

Các bài viết ra nếu có người chữa càng tốt. Nhưng nếu không, nó vẫn có ích vì ngay khi tập viết như vậy, người viết có dịp luyện-tập và vận-dụng nhiều khả-năng, kiến-thức về môn Tập-làm-văn rồi. Chính đó là một lối ôn lại những gì đã học về sáu môn ngôn-ngữ đã đề-cập trên một cách tích-cực vậy.

Học-sinh hiện nay rất kém về môn Tập-làm-văn, phần lớn vì họ không bao giờ tập viết văn ngoài những giờ Tập-làm-văn bắt buộc ở trường. Có lẽ vì công việc tập viết văn thường xuyên là một việc làm thường buồn tẻ và phần lớn đều cho rằng viết xong không ai sửa thì viết làm gì ?

Để giải quyết những trở-ngại đó và nhằm đáp-ứng cho nhu-cầu học-hỏi của học-sinh, Tác-giả đã soạn bộ « TẬP LÀM VĂN » này với một phương-pháp hoàn-toàn mới. Với Bộ sách này học-sinh sẽ tự tập viết văn thường xuyên trong tinh-thần « vừa vui chơi vừa học tập ». Mong rằng nó sẽ là bạn thân của các học-sinh có thiện-chí trau-giồi TIẾNG MẸ.

IV. — NHỮNG ĐIỀU TÂM-NIỆM KHI TẬP LÀM VĂN :

Đề có thể làm một bài luận ít lỗi hoặc không có lỗi, ít nhất học-sinh phải cố tập cho kỹ được đức-tính chú-ý và thận-trọng, cho đến khi nào chúng trở thành những thói quen tốt của mình.

Sau đây là bản đối-chiếu những điều nên làm và những điều phải bỏ liên-quan đến hai đức-tính đó :

NÊN LÀM	PHẢI BỎ
— Đọc chậm và kỹ đầu bài nhiều lần để biết rõ việc phải làm. Gạch dưới chữ quan-trọng, chú-ý đến chúng suốt thời-gian làm văn để khỏi lạc-đi.	— Đọc hấp-tấp không thêm suy-nghĩ kỹ vế đề. Trong khi làm luận không bao giờ đọc lại đề để biết rõ và nhớ kỹ những công việc phải làm.
— Tìm và phân biệt ý chính, ý phụ để lưu-tâm dùng ý phụ làm nổi bật ý chính.	— Không cần biết ý nào chính, ý nào phụ : Làm khi nói quá sơ-sai ý chính và dài dòng ý phụ.
— Chọn lựa thận-trọng tiếng và ý dùng để được thích-hợp và luôn luôn mới mẻ.	— Lập lại tiếng và ý cũ (đã dùng)
— Sắp chữ, nhóm chữ, câu theo một trật-tự hợp-lý.	— Đặt câu trực-trắc, khó nghe, khó hiểu. Tiếng và ý sắp đặt lộn-xộn, bə đầu dùng đó, không để ý chọn lựa.
— Làm dàn-bài để sắp xếp ý-tứ theo một trật-tự hợp-lý nào đó. (Ví dụ : xa gần, trước sau, chính phụ...)	— Dùng chữ, câu, ý... thừa, thiếu, khó, cầu-kỳ, không thích hợp.
— Đặt vào giữa các câu các chữ, nhóm chữ nối ý, giữa các đoạn văn các câu chuyển-mạch để ý-tứ của toàn bài có mạch-lạc chặt chẽ và ăn khớp nhau.	— Làm bài ngay không cần làm dàn bài. Gặp ý nào diễn-tả ngay ý đó khiến các ý lộn-xộn, trùng dụng, mâu-thuẫn...
— Đặt câu đúng, ngắn, trọn nghĩa. Chấm câu đúng, đủ. Dùng tiếng đúng, giản-dị, rõ nghĩa.	— Không chú ý dùng các chữ, nhóm chữ nối ý và các câu chuyển-mạch khiến câu và ý rời rạc, đứt đoạn, khúc mắc...
	— Đặt câu dài dòng, rườm rà. Chấm câu sai hoặc không để ý chấm câu. Dùng tiếng khó, cầu-kỳ, không rõ nghĩa.

NÊN LÀM	PHAI BỎ
— Làm nháp từ đầu bài đến câu diễn-tả. Đọc lại vài lần bản nháp để sửa chữa rồi mới viết vào giấy sạch.	— Không cần làm nháp mà làm ngay vào giấy sạch để rồi sửa chữa nhem-nhuốc cả bài làm.
— Cố gắng viết đẹp. Đọc lại lần chót để xem có chữ nào viết thừa, thiếu, sai chính-tả mà sửa chữa.	— Không đề ý viết đẹp và sửa lỗi chính-tả. Viết xong không đề ý dò lại.

V.— GIỚI-THIỆU BỘ SÁCH « TẬP LÀM VĂN theo PHƯƠNG-PHÁP MỚI LỚP NĂM ».

A.— TRÌNH-BÀY

I.— Bộ sách « Tập làm văn theo phương-pháp mới — Lớp năm » trình-bày thành bốn tập :

a — Tập I (tức tập này) gồm 28 bài tập làm văn miêu-tả đồ vật và cây cối soạn theo Cửu-pháp ở trình-độ thấp dùng cho 3 tháng đầu niên-khóa.

b — Tập II gồm một số bài tập làm văn thuộc loại văn tả thú vật và tả người soạn theo Cửu-pháp ở trình-độ cao hơn tập I dùng cho các tháng kế tiếp trong đệ nhất bán niên-khóa.

c — Tập III gồm một số bài tập làm văn thuộc loại văn tả cảnh và kỹ-thuật soạn theo Cửu pháp ở trình-độ cao hơn tập II dùng cho các tháng kế tiếp trong đệ-nhị bán niên-khóa.

d — Tập IV gồm một số bài tập làm văn thuộc loại đơn từ, thư tín và bình giải để soạn theo Cửu pháp ở trình-độ cao hơn tập III dùng cho các tháng cuối niên-khóa.

2.— Nội dung mỗi tập :

Mỗi tập được chia ra làm 3 phần chính :

a— *Phần I* : Phần Giáo-Khoa căn-bản.

Nội-dung phần này nhằm :

— Lưu-ý người học một số khái-niệm căn-bản cần-thiết cho môn Tập làm văn. Người học cần đọc kỹ, đọc nhiều lần và nếu được, học thuộc lòng càng tốt để áp-dụng trong khi viết văn.

— Nêu những qui-tắc tổng-quát về mỗi thể văn.

— Giới thiệu về Bộ hoặc Tập sách, cách dùng sách và chi-tiết về kỹ-thuật làm từng loại bài tập.

d— *Phần II* : Phần bài tập.

Nội-dung phần này gồm :

— Đề luận.

— Lời hướng-dẫn đại-cương về cách làm từng bài (Về chi-tiết kỹ-thuật làm từng loại bài tập xin xem ở Phần I, từ trang 16 đến trang 23)

— Bản văn dùng làm bài tập.

— Phụ bản cần dùng trong khi làm bài (nếu có).

— Phiếu làm bài riêng (nếu có).

Thông thường, đề tiện-dụng Phiếu làm bài thường bao gồm Đề luận, Lời hướng-dẫn cách làm bài, Dàn bài (nếu có), Bản văn dùng làm bài tập và Phụ-bản (nếu có).

— Lời hướng-dẫn về bài chữa.

e— *Phần III* : Phần bài chữa.

Nội-dung phần này nhằm chỉ-dẫn người dùng sách về :

— Cách chữa riêng từng bài tập đã làm,

— Giải-thích rõ-ràng về mỗi trắc-nghiệm-điểm.

B— PHƯƠNG-PHÁP SỰ-PHẠM.

Hầu hết các Bản văn dùng làm bài tập đều trình bày những thực-lại ngôn-ngữ còn nhiều sai lầm, thiếu sót. Người học sẽ phân-tích, đối-chiếu với kiến-thức và kinh-nghiệm ngôn-ngữ của mình để tự tìm ra các lỗi mà sửa chữa bằng nhiều cách khác nhau cho đúng. Với phương-pháp này, môn tập làm văn sẽ có nhiều tính-chất thực nghiệm.

Soạn-giả đã tìm và hệ-thống-hóa chín phương-pháp trắc-nghiệm căn-bản có thể dùng để trau-giồi môn Tập làm văn được hữu-hiệu hơn. Chín phương pháp ấy gọi tắt là CỬU-PHÁP.

Bất cứ ai muốn tự luyện tập một căn bản viết văn vững chắc, cửu-pháp sẽ giúp ích họ rất nhiều.

Cửu-pháp được lần lượt trình-bày dưới nhiều hình-thức khác nhau trong suốt bộ sách Tập làm văn các lớp Lớn, năm và các lớp tự luyện Tập làm văn cấp cao. Tất cả các bài và các phương-pháp trắc-nghiệm được trình-bày theo trình-tự *tiệm tiến* : từ dễ đến khó dần.

Vì thế, mỗi phương-pháp sẽ có một « thang trình-độ » gồm nhiều bậc được đánh số từ dễ đến khó (Trình-độ dễ nhất đánh số 1).

C- HƯỚNG-DẪN CÁCH LÀM MỖI BÀI TẬP.

Tùy theo phương pháp và trình-dộ được áp-dụng mà mỗi bài tập có một cách làm bài khác nhau.

(Xem đoạn văn dẫn về «CÁCH LÀM BÀI» sau mỗi ĐỀ LUẬN trong các PHIẾU LÀM BÀI).

Nhưng muốn làm bài dễ dàng, mau chóng và có kết-quả mỗi khi làm một bài tập liên-hệ học-sinh cần đọc lại thật kỹ lời hướng-dẫn này:

Mỗi bài tập có một ký-hiệu riêng. Ký-hiệu đó theo sau con số chỉ thứ-tự của Phiếu làm bài.

Thí-dụ : PHIẾU LÀM BÀI SỐ 01/L1. L1 là ký hiệu của bài tập số 01. Ký-hiệu ấy có 2 phần : phần đầu chỉ phương-pháp tập làm văn. Trong sách này thường dùng 1 trong 7 chữ : L, THA, TH, B, Đ, S và D, Phần thứ nhì là con số 1 hoặc 2 chỉ thứ-tự dễ hay khó của bài tập. Số 1 dễ. Số 2 khó hơn.

Khi làm một bài nào, người làm cần :

— Đọc sơ qua Phiếu làm bài từ đầu đến cuối. Chú-ý đến ký-hiệu, Đề luận, Cách làm bài, Bản văn dùng làm bài tập và Phụ-bản (nếu có) để có khái-niệm tổng-quát về phương-pháp làm bài.

— Chú-ý đến Ký-hiệu của bài đó. Tùy theo Ký-hiệu của mỗi bài mà tìm đọc LỜI HƯỚNG-DẪN CÁCH LÀM BÀI LIÊN-HỆ trong phần này để hiểu tỉ-mỉ hơn phương-pháp làm bài.

1- CÁCH LÀM BÀI CÓ KÝ-HIỆU «L 1» (các bài số 01 và 10)

a— Chú-ý đến các cặp chữ, nhóm chữ, phần câu in chữ nét đậm và chữ xiên cùng ở trong một câu, đặt cạnh hoặc cách nhau. Tìm xem chính-tả, vị-tri, ý nghĩa... của nó có đúng hoặc thích-hợp trong câu đó không? Ảnh-hưởng của nó đối với câu văn thế nào? Từ đó, tùy-nghĩ lựa lấy một chữ, nhóm chữ, phần câu in đậm nét hoặc chữ xiên, đúng và thích dụng hơn. Đồng thời gạch bỏ một chữ, nhóm chữ hoặc phần câu in chữ xiên hoặc chữ đậm nét nhưng nếu dùng nó câu sẽ hư hỏng về phương-diện này hay phương-diện khác.

b— Chú ý những cặp câu (một câu in chữ đậm, một câu in chữ xiên) có nghĩa gần giống nhau, cùng ở trong một đoạn văn, đặt cạnh hoặc cách nhau và cũng làm công việc như trên.

c— Cuối cùng soát lại xem số đơn-vị (Đơn-vị là danh-từ để gọi thay một chữ, một nhóm chữ, một phần câu hoặc một câu) đã bỏ hoặc số đơn-vị in chữ xiên hoặc chữ đậm nét còn lại có đúng với con số cho biết trong phần « CÁCH LÀM BÀI » không? Nếu dư hoặc sót cần phải xét lại bài làm.

2- CÁCH LÀM BÀI CÓ KÝ-HIỆU L? (các bài số 15 và 28).

Bài soạn ở trình-dộ cao hơn nên những cặp đơn-vị để chọn lựa (chữ, nhóm chữ, phần câu hoặc câu) không được chỉ-dịnh đủ, nghĩa là chỉ có một đơn vị được chỉ-dịnh bằng chữ in đậm nét mà thôi.

Đơn vị in bằng chữ đậm nét ấy có thể được chọn hoặc bị gạch bỏ. Vì vậy, người làm bài phải :

a— Hễ thấy trong câu có một chữ, nhóm chữ, phần câu in đậm nét là đoán biết ngay cùng trong câu ấy phải có một đơn-vị tương-ứng có nghĩa tương-tự hoặc nghĩa trái lại để ta chọn lựa. Hãy tìm ra nó.

b) Hễ thấy trong một đoạn văn có một câu in đậm nét là biết ngay đoạn văn ấy cũng có một câu có nghĩa tương-đương hoặc ít nhất là có một phần ý nghĩa giống nhau, nhưng câu đặt khác nhau, đặt đúng hơn hoặc phạm nhiều lỗi về một phương-diện nào đó. Hãy tìm ra nó.

c— Khi đã tìm ra thành-phần tương-đương tức là đã có đủ cặp để so-sánh, chọn lựa thì làm bài y như cách làm bài có ký-hiệu L1.

d— Đơn-vị tìm được dĩ-nhiên không được in chữ đậm nét. Nếu là đơn-vị phải gạch bỏ thì không cần gạch dưới. Nhưng nếu là đơn-vị được chọn thì phải gạch dưới để giáo-chức chấm bài biết rằng trong khi làm bài ta đã tìm ra đúng nó để rồi chọn lựa sau khi so sánh nó với đơn-vị bị gạch

3- CÁCH LÀM BÀI CÓ KÝ-HIỆU THA 1 (các bài số 2 và 9)

Khi thấy có một chữ hoặc nhóm chữ in đậm nét đứng trước một hay nhiều gạch thì biết ngay nó là đơn-vị phải gạch bỏ để thay vào đơn-vị thích-dụng khác rút trong Phụ-bản.

Nếu theo sau các đơn-vị in đậm nét là các khoảng trống có nhiều chấm thì đơn-vị phải tìm để thay vào là phần câu hoặc câu (gồm có ít nhất 5 chữ).

Người làm bài phải :

a— Căn cứ vào tự loại của chữ in đậm nét hoặc của chữ dẫn đầu nhóm chữ in đậm nét đứng kế trước các gạch mà đoán xem chữ thay vào hoặc chữ dẫn đầu nhóm chữ thay là tự-loại gì (danh-từ, tính-từ động-từ...) để tìm chữ, nhóm chữ thay thế chứa trong Phụ bản.

b— Đếm số gạch sau các đơn-vị có gạch dưới để biết từ-ngữ, nhóm chữ dùng thay vào đó có mấy chữ mà tìm các từ-ngữ, nhóm chữ có số chữ như thế trong Phụ-bản, loại các từ-ngữ hoặc nhóm chữ không có số chữ như vậy trong khi tìm hầu rút ngắn thì giờ.

c— Lấy nghĩa của các đơn-vị in chữ đậm tức đơn-vị phải thay thế hoặc nghĩa của cả câu chứa đựng đơn-vị ấy làm chuẩn, liên-tưởng hoặc đoán ra nghĩa của các đơn-vị phải tìm để thay thế. Các đơn-vị phải tìm để thay hoặc phân nghĩa hoặc đồng nghĩa với những đơn vị in chữ đậm nét nhưng làm cho câu có ý nghĩa hợp lý hay rõ ràng hơn.

d— Sau khi đã dùng một đơn-vị nào trong Phụ-bản để thay vào các khoảng trống thì lập tức gạch bỏ đơn-vị đã được thay và đọc lại cả câu hoặc đoạn văn có đơn-vị vừa thay để xem có đúng về nghĩa và lời không. Nếu không phải chữa lại.

e— Mỗi khi dùng một đơn-vị nào trong Phụ bản phải đánh dấu ngay để khỏi mất công nhìn lại chúng trong các lần tìm kiếm sau và khỏi dùng làm lại chúng trong các lần khác. Như vậy, khi tìm một đơn-vị nào trong Phụ-bản chỉ nhìn đến các đơn-vị chưa đánh dấu mà thôi.

g— Sau khi đã làm hết bài, kiểm lại xem :

- Các đơn-vị trong Bản văn vừa bị thay thế đã bỏ hết chưa?
- Các đơn-vị để thay thế kê trong Phụ-bản đã dùng hết chưa?
- Các khoảng trống để điền thành-phần thay thế đã điền hết chưa?

Nếu có một đơn-vị nào chưa dùng hết ắt có một chỗ trống chưa điền đủ, cần phải soát lại và sửa các chỗ sót liên-hệ.

4.— CÁCH LÀM BÀI CÓ KÝ-HIỆU THA? (các bài số 16 và 25)

Trong trình-độ 2 của loại bài tập này, các đơn-vị phải thay thế không được chỉ-định rõ bằng cách in chữ đậm nét nhưng được cho biết rằng: chúng ở liền trước các gạch hoặc các khoảng trống có nhiều chấm. Ta dùng chữ, nhóm chữ điền-khuyết vào chỗ có gạch và phần câu hoặc câu điền-khuyết vào chỗ có nhiều chấm.

Người làm bài phải :

a.— Đọc toàn thể phần câu hiện có. Chú ý các chữ, nhóm chữ, phần câu hoặc câu ở ngay trước các khoảng trống để tìm ra chỗ sai lầm hoặc không thích-dụng về chính-tả, ý-nghĩa hay cách đặt câu của nó. Từ đó, xác-định được đơn-vị phải thay thế.

b.— Có thể xác-định đơn-vị phải thay thế bằng cách căn-cứ vào ý nghĩa của các đơn-vị kê trong Phụ-bản để phỏng đoán ra đơn-vị phải thay thế trong Bản văn.

c.— Làm các công việc như cách làm bài tập có Ký-hiệu THA 1 nghĩa là :

— Đoán tự-loại của chữ phải thay hoặc chữ dẫn đầu nhóm chữ phải thay, nếu được.

— Đếm số gạch để đoán từ-ngữ hoặc nhóm chữ phải thay có mấy chữ. Nếu là khoảng trống ngắn có nhiều chấm thì chỗ đó phải điền-khuyết phần câu hoặc câu ngắn. Nếu là khoảng trống dài thì dùng phần câu hoặc câu dài điền vào.

— Đoán nghĩa của các đơn-vị thay thế sẽ tìm trong Phụ-bản.

— Tìm và điền đơn-vị thay thế vào Bản văn và bỏ các đơn-vị đã bị thay trong Bản văn. Đoạn, kiểm-soát lại bằng cách đọc cả câu hoặc cả đoạn văn với các đơn-vị mới thay vào, xem có gì trực-trực không, nếu có cần phải làm lại.

— Làm dấu các đơn-vị đã dùng trong Phụ-bản để khỏi phải mất công tìm kiếm hay dùng làm về sau.

5.— CÁCH LÀM BÀI TẬP CÓ KÝ-HIỆU TH1 (các bài số 3 và 14).

a.— Chú ý đọc phần câu còn lại để hiểu ý của nó, đoán ý cả câu và ý của các đơn-vị còn thiếu phải thêm vào.

b.— Từ các chữ, nhóm chữ, phần câu đứng trước và sau khoảng trống đoán tự-loại của các đơn-vị còn thiếu, nếu được.

c.— Nếu khoảng trống cần điền-khuyết là những gạch thì đếm số gạch để biết đơn-vị cần tìm để điền-khuyết vào đó có bao nhiêu chữ hầu để chọn ra nó trong Phụ-bản. Ví dụ có hai gạch thì ta tìm từ-ngữ hoặc nhóm chữ nào có 2 chữ mà thôi.

d.— Nếu khoảng trống có nhiều chấm thì đơn-vị phải tìm để thay vào đó là phần câu hoặc câu.

e.— Chú ý đọc các câu còn lại ở trước và sau khoảng trống có nhiều chấm để hiểu ý của đoạn văn và đoán ra ý của câu còn thiếu. Ý của câu còn thiếu, phải thêm vào có thể :

- Hoặc là tiếp nối ý của câu kể trước.
- Hoặc là giới thiệu ý của câu kể sau.
- Hoặc là nối ý của hai câu đi kể trước và kể sau.

Từ khái-niệm đó, đọc các câu kê trong Phụ-bản để tìm điền vào thật đúng một câu có nội-dung thích-hợp cho 1 trong 3 điều-kiện trên.

g.— Sau khi đã dùng một đơn-vị nào trong Phụ bản điền-khuyết vào Bản văn, phải đọc lại cả câu hoặc cả đoạn văn để xem nó có đúng về lời và ý không. Nếu không, phải sửa chữa lại.

h.— Làm dấu các đơn-vị đã dùng trong Phụ-bản để khỏi mất công tìm và dùng lại chúng trong các lần sau. Như vậy, khi tìm một

đơn-vị để điền-khuyết ta chỉ chọn trong số những đơn-vị chưa được chọn còn lại (đơn-vị chưa đánh dấu).

i.— Sau cùng, kiểm lại các đơn-vị trong Phụ-bản xem đã dùng hết chưa. Nếu thừa hoặc thiếu cần phải soát lại cả bài làm.

6.— CÁCH LÀM BÀI TẬP CÓ KÝ-HIỆU TH2 (các bài số 17 và 23).

Cách làm loại bài này y như cách làm bài có ký-hiệu TH1 vừa đề cập ở mục 5. Vì tất cả các khoảng trống đều có nhiều chấm, nên không làm công việc ghi ở khoản c mục ấy. Người làm bài phải thận trọng và tinh ý để tìm ra thật đúng chỗ nào điền-khuyết chữ, nhóm chữ, chỗ nào điền-khuyết phần câu hoặc câu. Thông thường, khoảng trống nào ngắn thì điền vào chữ, nhóm chữ; khoảng trống nào dài thì điền vào phần câu hoặc câu.

7.— CÁCH LÀM BÀI TẬP CÓ KÝ-HIỆU B1 (các bài số 4 và 11)

a.— Đọc trước Phụ-bản vài lần để nhớ các đơn-vị cần bỏ trong Bản văn.

b.— Chú ý đọc kỹ từng câu, từng đoạn trong Bản-văn để tìm ra đơn-vị thừa cần bỏ.

Muốn tìm đúng đơn-vị dư để bỏ ta chọn các đơn-vị có một trong những đặc-diểm sau :

- Làm cho câu hoặc đoạn văn đọc lên chói tai, khó nghe.
- Làm cho câu hoặc đoạn văn khó hiểu, có thể bị hiểu lầm.
- Làm cho câu hoặc đoạn văn vô-nghĩa.

— Đem lại một nghĩa dư, vô-ích nghĩa là nếu bỏ đơn-vị ấy nghĩa của câu hoặc đoạn văn không vì thế mà thương tổn, suy giảm.

— Lập lại chữ, câu, nghĩa... đã dùng trước hoặc sau nó. Nhưng chữ, câu, nghĩa... dùng trước hoặc sau nó không thể bỏ được.

— Đem lại một nghĩa mâu-thuẫn với nghĩa đã có trước hoặc sau đó.

— Đem lại một nghĩa tuy không mâu-thuẫn nhưng khác hẳn hay không liên-quan gì với nghĩa của chữ, phần câu hoặc đoạn văn kể trước hoặc kể sau nó, làm gián-đoạn ý trong bài.

— Đứng sai chỗ mà bố-cục đã sắp cho nó.

— Chữ, nhóm chữ, phần câu đứng ở đầu câu nhưng kể sau đó có một chữ viết hoa để ta chọn lựa. Vậy đơn-vị đứng đầu câu có thể bị bỏ.

c.— Nhờ một trong những đặc-diểm vừa nêu mà đoán được đơn-vị dư. Nếu là chữ ta nghĩ là chữ dư phải phân biệt chữ đó tự-loại gì. Từ đó lật Phụ-bản tìm xem đơn-vị bị nghi là dư đó có trong ấy không.

d.— Nếu có, thì tiếp tục tìm kiếm trong Bản văn một đơn-vị như thế (đơn-vị thứ hai, thứ ba, thứ tư... nếu có) và xét xem chúng có phải là thành phần bỏ được không. Nếu không có đơn-vị nào bỏ được thì đơn-vị bị nghi là dư đầu tiên chính là đơn-vị phải bỏ.

e.— Sau khi bỏ đơn-vị dư phải đọc lại câu hoặc đoạn văn có đơn-vị dư đã bỏ, chú-ý xem nó có đúng về lời hoặc ý không.

g.— Những đơn-vị đã bỏ trong Bản văn phải làm dấu trong Phụ-bản để dễ kiểm-soát và khỏi phải làm lẫn về sau.

h.— Kiểm xem số đơn-vị bỏ trong Bản văn đã đủ số ghi trong « CÁCH LÀM BÀI » chưa và số đơn-vị dư kê trong Phụ-bản đã được đánh dấu hết chưa. Nếu chưa bỏ hết hoặc bỏ quá số ấn-định thì phải soát lại bài làm từ đầu.

i.— Sau cùng, đọc lại toàn Bản văn, chú ý xem có đúng về lời và ý không. Nếu có chỗ nào trực-trắc, khó nghe... cần sửa lại chỗ ấy.

8.— CÁCH LÀM BÀI TẬP CÓ KÝ-HIỆU B2 (các bài số 18 và 24)

a.— Đọc kỹ CÁCH LÀM BÀI, chú ý số đơn-vị dư trong Bản-văn cần bỏ. Đếm số đơn-vị kê trong Phụ-bản và tính ra số đơn-vị có trong Phụ-bản nhưng không là đơn-vị phải bỏ trong Bản văn. Ghi nhớ con số a.

b.— Tuân tự làm các công việc như khi làm bài tập có ký-hiệu B1.

c.— Sau khi làm hết bài, đếm xem số đơn-vị có trong Phụ-bản nhưng chưa bỏ trong Bản văn có đúng với con số đã tính không. Nếu số đơn-vị ấy nhiều hơn con số đã tính tức là chưa bỏ hết đơn-vị phải bỏ. Trái lại, nếu đơn-vị còn lại ít hơn con số đã tính tức là đã bỏ lầm một số đơn-vị đáng lẽ không cần bỏ. Cả hai trường-hợp đều phải soát lại bài làm.

d.— Nếu số đơn-vị còn lại trong Phụ-bản đúng với con số đã tính thì cần xét xem chúng có phải là đơn-vị không có trong Bản văn không. Nếu là đơn-vị có sẵn trong Bản văn thì phải xét xem có phải là đơn-vị cần giữ lại không. Nếu nó là đơn-vị bỏ được thì có thể có một đơn-vị nào khác trong Bản văn bị bỏ lầm, cần soát kỹ lại.

9.— CÁCH LÀM BÀI TẬP CÓ KÝ-HIỆU Đ1 (các bài số 5 và 12)

a.— Trước khi làm bài phải ôn thật kỹ về cách dùng các dấu chấm câu.

b— Ghi ra giấy nháp số và tên mỗi loại dấu chấm câu cần dùng để chấm trong Bản văn. Mỗi loại dấu ghi riêng một đầu hàng.

Thí dụ .

— 4 chấm :

— 3 phẩy :

— 5 hai chấm :

c— Đọc chậm và thật kỹ cả Bản văn, chú-ý đến các dấu chấm câu có sẵn và cách đặt câu để có cái nhìn tổng-quát giúp ta tìm ra những chỗ sẽ đặt dấu chấm câu mới.

d— Đọc kỹ từng đoạn văn dài bao trùm cả đoạn văn phải đặt dấu chấm câu, rồi lần lượt dùng dấu chấm câu thích hợp đặt vào.

e— Mỗi lần dùng một dấu chấm câu nào thì số một số ngay với hàng có ghi rõ số loại dấu chấm câu ấy (nói ở mục b) để sau đó, khi cần, tính được con số của mỗi loại dấu chấm câu đã dùng.

g— Luôn luôn tính xem số số của mỗi loại dấu chấm câu (nói ở mục c) đủ với số dấu chấm câu đã định chưa. Làm thế nào khi chấm câu vừa hết bài là số dấu chấm câu đã dùng vừa đủ (không thừa, không thiếu đối với tổng số dấu định cho từng loại).

h— Để tránh sửa chữa dơ bẩn cả bài nên chấm câu bằng viết chì trước. Sau khi soát xét cẩn-thận toàn bài mới chấm câu lại bằng bút mực.

10— CÁCH LÀM BÀI CÓ KÝ-HIỆU Đ2 (các bài số 19 và 26)

Ở trình-độ này cũng cần ghi rõ số các loại dấu chấm câu đã dùng để sau khi chấm câu cả bài xong cộng lại xem tổng số dấu chấm câu sử dụng có đúng với số dấu định sẵn trong CÁCH LÀM BÀI không.

Ngoài ra, cách làm bài có ký-hiệu Đ2 y như cách làm bài có ký-hiệu Đ1 vừa trình bày ở khoản 9.

11— CÁCH LÀM BÀI CÓ KÝ-HIỆU S1 (các bài số 6, 13, 20, 27).

a— Lần lượt đọc từng mục trong DÀN BÀI. Cứ mỗi lần đọc xong một mục ghi nhớ ý chính hoặc câu hỏi của mục đó. Lần lượt đọc các đoạn văn để tìm lấy một đoạn văn có ý chính thích hợp hoặc trả lời được nội-dung mục vừa đọc để sắp nó vào thứ-tự của mục đó.

Thí dụ : Trong Dàn bài « Tả con Trâu », mục thứ nhất là câu hỏi « Em thấy con trâu lúc nào ? ». Đọc các đoạn văn ta tìm ra đoạn có danh-số (18) như sau : « Chủ nhật vừa rồi em về quê thăm-chủ. Vừa đến đầu làng, em gặp ngay chú đang dắt trâu từ đồng về. Theo gót chân trâu, lần đầu tiên, em quan-sát nó thật kỹ ».

Vậy đoạn văn số 18 có nội-dung trả lời được mục thứ nhất nên ta sắp nó vào đoạn văn đầu tiên của bài luận. Ta viết vào ô A số 18 và viết đoạn văn ấy vào phần nhập-đề của bài.

b— Khi đã sắp một đoạn văn vào một vị-tri nào đó trong bài, tức là đã xác-định trật-tự mới của một đoạn, thì phải làm dấu đoạn văn ấy để giảm bớt số đoạn văn phải tìm kiếm trong các lần sắp xếp sau.

c— Chú-ý mỗi mục trong Dàn bài có một đoạn văn tương-ứng. Nếu làm xong bài mà còn thấy có một số mục trong Dàn bài không có đoạn văn tương-ứng hoặc trái lại, có một số đoạn văn lại không có mục nào trong Dàn bài có ý nghĩa liên quan tới chúng là ta đã làm lẫn lộn trong khi làm bài, cần phải soát lại các phần bài đã làm.

12— CÁCH LÀM BÀI CÓ KÝ-HIỆU DI (các bài 7,8,21,22).

Xem phần HƯỚNG-DẪN CHUNG VỀ CÁCH LÀM BÀI « TẬP LÀM VĂN » SOẠN THEO ĐIỂN-PHÁP kể sau.

HƯỚNG-DẪN CHUNG VỀ CÁCH LÀM BÀI « TẬP LÀM VĂN » SOẠN THEO DIỄN-PHÁP

I.— Diễn-pháp là gì ?

Diễn-pháp là một trong chín phương-pháp tập làm văn do soạn-giả hệ-thống-hóa và định-danh.

Đây là một phương-pháp tập làm văn nhằm quảng-diễn, tả, thuật... rõ ràng, đầy đủ, chi tiết hơn một đề-tài nhất-định. Khác với tám phương-pháp tập làm văn còn lại, loại bài tập soạn theo diễn-pháp không nêu ra bản văn mà chỉ nêu ra đề luận, dàn bài, các câu hỏi gợi ý, các tranh ảnh cùng các văn-liệu nếu có, để học-sinh tự diễn-tả những cảm-giác, hiểu-biết, ý nghĩ... của mình liên-quan đến đề-tài đã ra.

Theo phương-pháp này học-sinh tự làm lấy bài luận một cách tự-do với khả-năng của riêng mình.

Đây là loại bài tập duy-nhất thường dùng trong môn Tập làm văn tại các trường từ trước đến nay.

II.— Cách làm bài

Muốn làm một Bài Tập làm văn soạn theo diễn-pháp học-sinh cũng cần đọc đề nhớ lại thực kỹ và cố thực-hành những điều căn-dẫn ở phần giáo-khoa, nhất là phần đề-cập đến thể-văn liên-hệ (Tả tĩnh-vật, thực-vật, động-vật, nhân-vật hoặc cảnh-vật...)

Với loại bài tập này, khả-năng của học-sinh được thử-thách toàn-diện. Họ có nhiều tự-do để làm bài nên rất dễ phạm nhiều lỗi lầm : từ cách tìm và sắp ý đến cách dùng chữ, đặt câu v.v... Vì vậy, ngoài việc triệt-đề tuân-hành những chỉ-dẫn giáo-khoa liên-hệ, học-sinh cần thận-trọng để tránh cho kỳ được những lỗi lầm đã gặp phải trong các loại bài tập soạn theo phương-pháp khác.

Đối với các bài tập soạn theo diễn-pháp, học-sinh lần-lượt làm các công việc sau :

— Chú-ý đọc thật kỹ đầu đề nhiều lần cho đến khi hiểu rõ, hiểu đúng và nhớ kỹ công việc phải làm.

— Chú-ý gạch dưới các chữ quan-trọng trong đề và luôn luôn nhớ lại chúng khi làm bài để hướng mọi ý-tưởng vào đó hầu khỏi lạc đề.

— Quan-sát sự vật liên-hệ nếu được, hồi-tưởng lại một cách có trật-tự những gì do đề luận đòi hỏi và ghi lại trung-thực tất cả hình ảnh, ý-tưởng hiện ra trong óc trên một tờ giấy nháp. Chú-trọng ghi lấy hình-ảnh và ý-tưởng đặc sắc.

— Khi hình ảnh và ý-tưởng đã nhiều, phải lựa lấy những hình ảnh và ý-tưởng đặc-sắc liên-quan đến đề. Phải có can-đảm loại bỏ những hình ảnh và ý-tưởng không ăn khớp với đề, không làm nổi bật ý chính.

— Dựa theo Dàn-bài hướng-dẫn kế tiếp nếu có, hoặc căn-cứ vào Dàn-bài tổng-quát của mỗi thể-loại văn để sắp các ý đã tìm được thành một Dàn-bài trong tờ giấy nháp. Nói rõ hơn là phải làm một Dàn-bài tỉ-mỉ đề sắp ý. Khi một ý đã sắp vào một chỗ nào trong Dàn-bài thì gạch bỏ đi ; không được dùng nó lần thứ hai để tránh phạm vào lỗi lặp lại một ý nhiều lần trong bài làm.

— Căn-cứ theo dàn-bài mới lập đề viết thành bài văn, diễn tả các hình ảnh và ý-tưởng trong giấy nháp.

— Trong khi diễn-tả phải luôn luôn tâm niệm rằng : « Câu viết phải ngắn gọn nhưng đủ nghĩa. Cố tránh câu dài, câu kỳ và không trọn nghĩa. Chữ dùng phải chính xác, không dùng các chữ chưa rõ nghĩa. Cố tránh việc lặp lại một chữ nhiều lần trong một câu hay một đoạn văn. Thường dùng và dùng đúng các dấu chấm câu ».

— Đọc kỹ bản văn nháp để sửa chữa câu văn cho ngắn, gọn, sáng. Kiểm soát xem từ-ngữ, dấu chấm câu và chính-tả trong bài đã đúng hẳn chưa.

— Trình-bày thật rõ-ràng, sạch-sẽ và cố-gắng viết đẹp, nếu được, vào giấy sạch. Đoạn dò lại thật kỹ và sửa-chữa lần chót.

GHI NHỚ CÁCH LÀM BÀI LUẬN-VĂN

- Đầu đề đọc kỹ nhiều lần,
Chữ nào quan-trọng ta cần lưu-tâm,
Gạch cho nhớ mãi khi làm (1).
Bao nhiêu ý-tưởng lập-trung vào đề.
- Xét xem sự vật nhiều bề, (2)
Hoặc là tưởng lại những gì liên-quan.
Ghi ra hình, ý (3) đầy trang.
- Ý nhiều phải chọn kỹ-càng ai ơi !
Giữ ghi đặc-diểm mà thôi,
Quyết-tâm loại bỏ ý tồi, từ xa (4).
- Dàn bài tổng-quát nhớ ra
Sắp ghi ý-tưởng thật là lớp lang (5)
Dàn bài chi-tiết kỹ càng.
- Hành văn ngắn gọn, rõ ràng, trợn câu.
Tránh văn sáo, trắc, kỳ-cầu (6).
Dùng cho đúng dấu chấm câu mới tài !
Chữ dùng chính xác suốt bài.
Cùng câu, một chữ đừng hai lần dùng.
- Nháp xong, dò sửa cho cùng (7)
Sót sai chỉnh tả, quyết không lỗi nào !
- Bấy giờ giấy sạch chép vào
Trình bày sạch, rõ : cốt sao dễ nhìn !

- (1).— Cả câu : Gạch dưới đề nhớ mãi chữ quan trọng trong khi làm luận.
- (2).— Cả câu : Quan sát kỹ-lưỡng đầy đủ về mọi mặt sự vật liên-quan đến đề-luận.
- (3).— Hình ảnh và ý-tưởng.
- (4).— Ý tứ không liên-quan đến đề-luận, ý tứ ngoài đề.
- (5).— Thứ tự, mạch lạc.
- (6).— Sáo : Câu văn đã có sẵn từ xưa dùng không hợp.
Trắc : Trục-trắc, khó đọc, nghe không êm tai.
Câu kỳ : Không bình thường, gượng ép.
- (7).— Không còn sót chỗ nào.

III— Cách tìm ý

Thông-thường học-sinh làm luận hay gặp khó-khăn là không biết nói gì vì họ rất nghèo-nàn về ý lại không biết làm thế nào để tìm ra ý. Ngoài việc quan sát chính sự vật mà đề luận nói đến và đọc thêm văn liệu... còn có một số tiếng thường dùng để đặt các câu hỏi; học sinh cần học thuộc lòng để gặp bất cứ việc gì cũng có thể đặt ra những câu hỏi thích-nghi hầu tìm các ý liên-hệ.

Các tiếng cần nhớ gồm có :

- Ai ? Tên gì ? (nếu là người).
- Cái gì ? (nếu là vật)

— Khi (lúc) nào ?

— Ở đâu ?

— Tại sao ?

— Thế nào ?

— Cách nào ?

— Bằng gì ?

— Bao nhiêu ?

— V v...

Ví dụ : « Tả chiếc xe Honda »

Ta tìm ý bằng cách dùng các tiếng trên để đặt một số câu hỏi như sau :

Ai ? — Chiếc xe ấy của ai ?

— Ai (nước nào) sản-xuất ?

— Ai đã dùng, sửa, dắt dắt, lau chùi... chiếc xe ấy ?

Cái gì ? — Vật ta tả là cái gì ? Có hiệu gì ?

— Cái gì của chiếc xe làm ta chú ý nhất ?

Khi nào ? — Chiếc xe đó mua khi nào ?

— Em thấy nó khi nào ?

— Khi nào nó chạy, được sửa chữa hoặc lau chùi ?

Ở đâu ? — Em thấy nó ở đâu ?

— Ở đâu làm ra nó ?

— Mua nó ở đâu ?

Tại sao ? — Tại sao người có chiếc xe đó đã mua sắm nó ?

— Tại sao em biết rõ chiếc xe ?

— Tại sao xe Honda lên giá ?

— Tại sao nhiều người thích dùng xe Honda ?

Thế nào ? — Hình dáng nó thế nào ?

— Các bộ-phận nó thế nào ?

— Tiếng máy nổ thế nào ?

— Khởi thoát ra thế nào ?

Bằng gì ? — Sườn xe, đèn xe, kính xe, tay cầm, các sợi dây, các niền xe, dè xe, yên xe, bánh xe... bằng gì ?

Cách nào?— Cỡi, lái, chạy, ngừng...cách nào?

- Chạy nhanh, chạy chậm cách nào?
- Mở đèn, bóp còi cách nào?
- Sửa chữa, lau chùi cách nào?

Bao nhiêu?

- Xe đáng giá bao nhiêu?
- Xe cao, dài, nặng bao nhiêu?
- Xe chạy một giờ tối-đa bao nhiêu cây số?
- Dùng nó bao nhiêu năm mới hư?
- V.v...

Những câu hỏi nêu trên có tính cách thí dụ. Học-sinh có thể dùng các tiếng gọi ý hỏi trên để đặt vô số câu hỏi liên-quan đến vật, người hay cảnh phải tả hoặc sự việc do đề luận gợi ra để tìm ý được dễ dàng.

GHI NHỚ CÁC TIẾNG DÙNG ĐẶT CÂU HỎI TÌM Ý

Tên gì? Ai đó? Của ai?
 Cùng ai làm? nhận? Phải hỏi cho ra!
 Cái gì? Xác-định mới là,
 Ở đâu? Nơi chốn gần xa hãy trình!
 Khi nào? Cứ kể phân minh!
 Tại sao? Giải rõ lý, tình mới hay!
 Thế nào? Đặc-điểm tả ngay!
 Cách nào? Lựa lời trình-bày rõ ghi!
 Bao nhiêu? Số lượng tính đi!
 Đề chi nói rõ? Bằng gì giảng ra?
 Do đâu, nguồn gốc gần xa?
 Hỏi nhiều, ý-tưởng ắt là trào tuôn!

VĂN MIÊU - TẢ

I.— MIÊU-TẢ LÀ GÌ :

Miêu tả là dùng lời văn ghi lại tất cả những :

- Hình sắc ta THẤY.
- Âm thanh ta NGHE
- Mùi vị và trạng-thái ta NGửi, Nếm, Rờ (nếu có).
- Cảm-xúc và cảm-tưởng ta CÓ TRONG TRÍ về sự vật ta thấy, nghe, ngửi, nếm và rờ.

Một bài văn miêu-tả hay là bài làm cho người đọc, mặc dù chính họ không được thấy, nghe, ngửi, nếm hoặc rờ, vẫn có thể tưởng tượng ra được những sự vật ta TẢ đến, một cách rõ ràng, sống động và họ có thể phân biệt được nó với các sự vật đồng loại khác.

II.— ĐIỀU TÂM-NIỆM KHI LÀM VĂN MIÊU-TẢ.

A— Miêu-tả là vẽ, chứ không phải là kể lại, một cách trung-thực những gì mà sự vật có.

Người miêu-tả cũng giống như người họa-sĩ nhưng khác ở chỗ người miêu-tả dùng TIẾNG, LỜI và Ý thay màu sắc. Vì thế một trong những việc quan-trọng của người viết văn là phải chọn những tiếng dùng cho thật chính-xác, súc-tích, gợi cảm, cụ-thể, tượng hình, tượng-âm, linh-hoạt v.v...

Tuy nhiên vì dùng những TIẾNG, LỜI,... để vẽ lại sự vật nên người viết dễ làm công-việc kể lại. Trong khi miêu-tả người ta dễ quên công-việc chính của mình để làm những công-việc khác nếu không tâm-niệm rằng : **MÔ TẢ LÀ VẼ CHứ KHÔNG PHẢI KỂ.**

B— Quan-sát thật kỹ vật muốn miêu-tả để vẽ lại cho đúng.

Sự vật mà ta miêu-tả thường là sự vật cụ-thể, ta có thể quan-sát bằng ngũ-giác-quan được.

Muốn vẽ lại thật giống một sự vật trước tiên ta phải quan-sát nhiều lần và thật kỹ vật ấy. Trong khi quan-sát ta phải chú-ý để nhận thấy rõ-ràng và đúng-đắn vật đó theo thứ-tự sau đây :

- Toàn-thể sự vật miêu-tả.
- Từng bộ-phận hoặc chi-tiết liên-tiếp nhau.
- Những nét tiêu-biểu, những điểm đặc sắc.
- Các vật phụ liên-quan (nếu có)

Học-sinh phải chú-ý triệt-đề vận-dụng cả năm giác-quan trong việc quan-sát.

Màu : nhìn tận tường hình-dáng, màu sắc, kích thước, vẻ đẹp, xấu...

Thị-giác trong bài văn miêu-tả chiếm một địa-vị quan-trọng vì phần lớn những gì diễn-tả trong bài văn đều do mắt thấy được.

Tai : nghe thật kỹ và phân-biệt được những âm thanh to nhỏ cao thấp, trong đục...

Mũi : ngửi và phân-biệt được các mùi : thơm, hôi, tanh, thối, béo...

Lưỡi : Nếu cần nếm thử vị của các thức ăn, uống liên-quan tới vật được tả : đắng, cay, chua, chát, ngọt, bùi...

Tay : Sờ để phân-biệt trơn, nhám, xù-xì, gai gồ, nhẵn, mềm, cứng v.v... những điều mà bốn giác-quan kia không rõ được.

C— **Phân-biệt tình-tường** những màu sắc, âm-thanh, cảm-xúc, ý-nghĩ... Lựa chọn thận-trọng, chỉ ghi lại những nét tiêu-biểu và độc đáo của sự vật miêu-tả. Làm sao người đọc phân-biệt được sự vật được tả với sự vật khác, người này với người nọ, cảnh này với cảnh kia... Tuyệt-đối không ghi lại xô-bỏ tất cả những gì tầm-thường mà sự vật nào cũng có.

D— Ngoài ra, bất cứ bài luận miêu-tả nào, học-sinh cũng cần phải cố-gắng thực-thi những điều **TÂM-NIỆM** trong khi tập-làm-văn như đã trình-bày trong bài « khái-niệm căn-bản về môn Tập-làm-văn » trang 13 và 14.

GHI NHỚ VỀ VĂN MIÊU-TẢ

Tả là Vẽ, chứ không phải kẻ,
Hình ảnh nhiều chỗ nệ (1) gọi lên !
Sắc, âm, mùi, vị... đừng quên
Nếu không độc-đáo chỗ nên cho vào.
Nét tiêu-biểu cố sao diễn hết.
Năm giác-quan nhận xét cho tinh !
Làm sao độc-giả của mình
Đọc văn tưởng được dáng hình vật kia. (2)

(1).— Nệ : Ngại, e-dè.

(2).— Vật kia : Vật được tả đến (Vật ở đây gồm có tinh vật, thực vật, động vật, nhân vật và cảnh-vật).

III.— VĂN MIÊU-TẢ GỒM CÓ NHỮNG LOẠI NÀO :

Ở lớp NĂM, chương-trình TẬP-LÀM-VĂN sẽ đề-cập các loại văn miêu-tả sau đây :

- Miêu-tả tinh-vật (đồ vật vô tri, bất động)
- Miêu-tả thực-vật (cây, cỏ, hoa, quả...)
- Miêu-tả động-vật (cầm, thú...)

— Miêu-tả nhân-vật (người) và hoạt cảnh (cảnh hoạt động của người).

— Miêu-tả cảnh-vật (cảnh trí, cảnh tượng và hiện-tượng thiên-nhiên).

A — TẢ TĨNH-VẬT

(Hay đồ vật)

1.— HƯỚNG-DẪN ĐẠI-CƯƠNG

Tĩnh-vật gồm tất cả những vật vốn vô-tri, bất-động và đa-số đều do con người tạo ra mà ta thường gọi là **ĐỒ VẬT**. Nếu một số tĩnh-vật chuyển-động được trong một lúc nào đó như xe-cộ, máy bay, tàu thủy... là nhờ con người chế-biến, khai-thác những năng lực khác và sử-dụng tĩnh-vật đó.

Để dễ miêu-tả, tĩnh-vật được chia ra làm hai loại :

- Vật đơn-giản hay đồ vật nhỏ.
- Vật hỗn-hợp hay đồ vật lớn.

Vì tĩnh-vật vô-tri, vô giác và bất-động nên dễ quan-sát kỹ-lưỡng hơn. Muốn tả một vật trước tiên phải giới-thiệu nó cho người đọc biết tên và nguồn gốc của nó. Trong khi tả, cần miêu-tả trung-thực những gì giác-quan tiếp-nhận được. Cố gắng làm nổi bật những đặc điểm của nó. Tả từ chung (tổng-quát: hình dáng, chất liệu, màu sắc) đến riêng (chi-tiết : các bộ phận bên ngoài và bên trong). Đoạn nói các công-dụng của nó và cách săn sóc, giữ gìn của mình. Cuối cùng, cho biết cảm-tình, kỷ-niệm và ý nghĩ của mình đối với nó, nếu có.

Tĩnh vật không hoạt-động và không có sự sống nên không phải tả những sinh-hoạt phức-tạp. Vì vậy, miêu-tả đồ vật lại là loại văn miêu-tả dễ.

Muốn làm bài hay, ít hoặc không lỗi, hãy xem lại và triệt-đề tuân-hành « các điều tâm-niệm khi tập làm văn » trang 13 và 14.

2.— HƯỚNG-DẪN CHI-TIẾT

a.— TẢ VẬT ĐƠN-GIẢN

Vật đơn-giản là vật nhỏ, cấu tạo bởi một ít bộ-phận và được xem là đứng riêng biệt một mình. Thí dụ : quyển sách, chiếc đồng hồ, tấm ảnh, xe đạp v.v...

Miêu-tả đồ vật nhỏ là loại văn miêu-tả dễ nhất. Theo qui-tắc trên, lần lượt tả từ bao-quát (hình dáng, màu sắc, thể chất...) đến các bộ-phận (ngoài, trong, trên, dưới...) Đoạn nói đến công-dụng, cách dùng và giữ gìn đồ vật ấy.

b— Ghi ra giấy nháp số và tên mỗi loại dấu chấm câu cần dùng để chấm trong Bản văn. Mỗi loại dấu ghi riêng một đầu hàng.

Thí dụ .

— 4 chấm :

— 3 phẩy :

— 5 hai chấm :

c— Đọc chậm và thật kỹ cả Bản văn, chú ý đến các dấu chấm câu có sẵn và cách đặt câu để có cái nhìn tổng-quát giúp ta tìm ra những chỗ sẽ đặt dấu chấm câu mới.

d— Đọc kỹ từng đoạn văn dài bao trùm cả đoạn văn phải đặt dấu chấm câu, rồi lần lượt dùng dấu chấm câu thích hợp đặt vào.

e— Mỗi lần dùng một dấu chấm câu nào thì số một sổ ngay với hàng có ghi rõ số loại dấu chấm câu ấy (nói ở mục b) để sau đó, khi cần, tính được con số của mỗi loại dấu chấm câu đã dùng.

g— Luôn luôn tính xem số sổ của mỗi loại dấu chấm câu (nói ở mục c) đủ với số dấu chấm câu đã định chưa. Làm thế nào khi chấm câu vừa hết bài là số dấu chấm câu đã dùng vừa đủ (không thừa, không thiếu đối với tổng số dấu định cho từng loại).

h— Để tránh sửa chữa dơ bẩn cả bài nên chấm câu bằng viết chì trước. Sau khi soát xét cẩn-thận toàn bài mới chấm câu lại bằng bút mực.

10— CÁCH LÀM BÀI CÓ KÝ-HIỆU Đ2 (các bài số 19 và 26)

Ở trình-độ này cũng cần ghi rõ số các loại dấu chấm câu đã dùng để sau khi chấm câu cả bài xong cộng lại xem tổng số dấu chấm câu sử dụng có đúng với số dấu định sẵn trong CÁCH LÀM BÀI không.

Ngoài ra, cách làm bài có ký-hiệu Đ2 y như cách làm bài có ký-hiệu Đ1 vừa trình bày ở khoản 9.

11— CÁCH LÀM BÀI CÓ KÝ-HIỆU S1 (các bài số 6, 13, 20, 27).

a— Lần lượt đọc từng mục trong DÀN BÀI. Cứ mỗi lần đọc xong một mục ghi nhớ ý chính hoặc câu hỏi của mục đó. Lần lượt đọc các đoạn văn để tìm lấy một đoạn văn có ý chính thích hợp hoặc trả lời được nội-dung mục vừa đọc để sắp nó vào thứ-tự của mục đó.

Thí dụ : Trong Dàn bài « Tả con Trâu », mục thứ nhất là câu hỏi « Em thấy con trâu lúc nào ? ». Đọc các đoạn văn ta tìm ra đoạn có danh-số (18) như sau : « Chủ nhật vừa rồi em về quê thăm chú. Vừa đến đầu làng, em gặp ngay chú đang dắt trâu từ đồng về. Theo gót chân trâu, lần đầu tiên, em quan-sát nó thật kỹ ».

b.— TẢ VẬT HỖN HỢP hay ĐỒ VẬT LỚN

Vật hỗn-hợp cấu-tạo khá phức-tạp : thường do một vật chính và nhiều vật phụ tạo thành như bàn thờ, phòng khách, cửa hàng, trường học, tàu thủy...

Bài tả đồ vật lớn phải khó và dài hơn bài tả đồ vật nhỏ vì đồng thời phải tả nhiều đồ vật mà mỗi món lại có một hình dáng, một màu sắc, một nét đặc-biệt, một công-dụng... khác nhau. Trong thân bài, khi tả cần phải phân-biệt những vật nào chính thì lần lượt tả trước và tả kỹ còn vật nào phụ thì lần lượt tả sau và tả sơ qua.

Cuối cùng nêu lên các đặc-diểm chung đáng chú-ý của đồ vật lớn đó so với các đồ vật đồng-loại khác. Đồng thời có thể nói thêm về công-dụng, cách dùng và sự giữ gìn.

DÀN BÀI TỔNG-QUÁT VỀ TẢ ĐỒ VẬT HỖN HỢP

NHẬP ĐỀ : Trường hợp trông thấy vật sắp tả :

- Vật sắp tả của ai ?
- Tạo dựng ở đâu ? Lúc nào ?
- hay trông thấy ở đâu ? Dịp nào ?

THÂN BÀI :

- Bao quát: vị trí, kích thước, chất liệu, màu sắc...
- Chi tiết :

☆ Một hay nhiều đồ vật chính : Lần lượt tả bao quát và các bộ phận của từng đồ vật chính. (Tả kỹ).

☆ Một hay nhiều đồ vật phụ : Lần lượt tả bao quát và các bộ phận của từng đồ vật phụ. (Tả sơ).

— Đặc-diểm chung : Có gì khác với đồ vật đồng-loại khiến ta chú ý ?

- Công-dụng của đồ vật ấy : lợi hay hại ?
- Đối với người.

Cách dùng và giữ gìn nó :

- Của người khác.
- Của chính mình.

KẾT LUẬN

— Hoặc ghi lại cảm-tưởng (cảm-tình và ý-tưởng) khi đứng trước đồ vật.

— Hoặc nhắc lại những kỷ-niệm do đồ vật gợi ra (nếu có).

3.— GHI NHỚ DÀN BÀI CHUNG về đề TẢ ĐỒ VẬT

MỞ ĐỀ tả vật phải ghi :

Lúc nào thấy nó ? Nó thì ở đâu ?

Từ đâu ra nó kêu mau !

THÂN BÀI, thứ-tự trước sau bốn phần :

— Một là đồ vật toàn thân

Dáng chung, to, nặng cũng cần tả sơ.

Sắc màu, thể chất chớ ngơ,

Các phần của vật bấy giờ tạm phân.

— Hai lần-lượt tả từng phần :

Ngoài trong, trên dưới, xa gần, trước sau.

Nêu lên đặc-điểm mà thôi.

— Ba là công-dụng lẫn hồi thuật qua.

— Bốn là dùng, giữ kể ra.

KẾT-LUẬN mới là bày tỏ tâm-tư,

Hoặc là kỷ-niệm trong đời

Vật kia đã gọi, làm người nhớ ra !

B— TẢ THỰC - VẬT

(Hay cây cối)

1.— HƯỚNG DẪN ĐẠI-CƯƠNG

Tả thực-vật khó hơn tả tĩnh-vật vì cây, cỏ, hoa... có sự sống : mọc, lớn, (thay lá, trổ bông và ra trái tùy theo mùa) già cỗi và chết.

Vì vậy bài văn tả thực-vật ngoài phần tả như tĩnh-vật còn phải nói đến đời sống thay đổi của nó trải qua các mùa.

Nguyên tắc vẫn là quan-sát cẩn-thận từ toàn-thể đến từng bộ-phần, chi-tiết để phát-giác và tả được những nét độc-đáo của từng loại cây, hoa, quả và của riêng từng cây, hoa, quả. Làm thế nào để người đọc, dù không thấy cây cối, hoa quả được tả, cũng hình-dung rõ ràng được nó và không lẫn nó với một cây cối, hoa quả khác, đồng-loại.

Cũng cần nêu lên khung-cảnh thiên-nhiên, điều-kiện thời-tiết trong đó thực-vật được tả đang sống để làm nổi bật nó.

Sau hết, cho biết vẻ đẹp, công-dụng, ích-lợi, kỷ-niệm của nó và sự chăm-sóc của ta đối với nó (như nhổ cỏ, vun gốc, bón phân, cắt nhánh, tưới nước...)

Thề văn miêu-tả thực vật có thể chia ra mấy loại chính sau :
Miêu-tả cây cối đứng riêng biệt, miêu-tả một tổng hợp nhiều cây, miêu-tả các loại quả và miêu-tả các loại hoa.

2.— HƯỚNG-DẪN CHI-TIỆT

a.— TẢ CÂY CỐI ĐỨNG RIÊNG BIỆT.

Loại này tương-đối dễ. Trong thân bài, trước nhất phải nhận-định rõ hình dáng riêng biệt của cây. *Thí dụ* : cây cau hình cây chổi lông gà lớn dựng đứng, cây thông hình khối chóp, cây bàng hình cái lọng có nhiều tầng... Sau đó, chia ra từng bộ-phần tả từ dưới lên trên nghĩa là tả gốc, rễ rồi đến thân, cành, lá, hoa. Sau cùng nói đến công-dụng của cây.

DÀN BÀI MẪU VỀ MIÊU-TẢ CÂY ĐỨNG RIÊNG BIỆT

NHẬP ĐỀ :

Giới thiệu thực-vật sắp tả :

— Hoặc cây do ai trồng ? Trồng ở đâu ? Từ bao giờ ? Để làm gì ?

— Hoặc thấy hay biết rõ cây sắp tả lúc nào ? Ở đâu ?

THÂN BÀI :

☐ Hình dáng chung :

— Vóc dáng : Có cây gì ta thường thấy giống cây ấy không ? Hình gì ? Cao hay thấp ? To hay nhỏ ? Sum-sê hay xơ xác ?...

— Màu sắc : Màu gì ? Xanh tươi hay vàng úa ?

☐ Đặc-điểm từng bộ-phần (tả từ thấp lên cao)

— Gốc, rễ

— Thân, cành

— Ngọn, nhánh, lá, gai, hoa, trái (nếu có)



☐ *Đời sống của thực-vật q. : các mùa (nếu thực-vật miêu-tả có đời sống dài và biến đổi rõ rệt)*

- Hoặc xuân, hạ, thu, đông
- Hoặc mùa nắng, mùa mưa
- Hoặc mùa rụng lá, mùa ra hoa, mùa kết quả, mùa quả chín.

☐ *Sinh-hoạt của người hoặc vật thường diễn ra tại chỗ có thực-vật ấy, nếu có.*

- Người { Ví dụ "tả cây đa" thì nói : « Dưới gốc đa thường có người nghỉ mát và trên ngọn thường có chim làm tổ ».
- Vật {

☐ *Công-dụng :*

— Riêng từng bộ-phận như rễ, thân, cành, hoa, lá, quả...

— Cả cây như cho bóng mát, cho quả ăn, giữ cho đất khỏi bị xói lở... (nói vài điều hại do cây gây ra nếu có).

— Ý nghĩa tượng trưng của cây, nếu có (ví dụ cây tre chỉ người quân-tử).

KẾT LUẬN :

- Hoặc nói cách chăm sóc cây.
- Hoặc tả cảm-tưởng khi đứng trước cây
- Hoặc trình-bày kỷ-niệm do cây gợi ra.

b. — TẢ MỘT TỔNG-HỢP NHIỀU CÂY.

Gọi là một tổng-hợp nhiều cây khi có hai cây trở lên đứng gần nhau làm thành một khóm, bụi, bó, đám, vườn... cây.

Loại này tả khó hơn vì cùng một lúc vừa phải tả riêng biệt nhiều cây cùng hay khác loại (cây già, cây non, cây mới mọc...) vừa phải tạo thành một tổng-hợp về hình dáng, kích thước, màu sắc của toàn thể khóm hoặc đám cây để gây cho người đọc một ấn tượng chung.

Khi tả bao quát phải chú-trọng đến hình dáng, kích thước, màu sắc... của toàn thể khóm hoặc đám cây. Khi tả chi-tiết cần làm nổi bật sự khác biệt giữa cây này với cây khác về hình dáng, kích thước (cao, to?) vị trí (thế mọc, thế đứng, thế leo?...), màu sắc... để người đọc có thể phân-biệt được từng cây một.

Ngoài ra, các phần khác cũng giống như tả một cây đứng riêng biệt nhưng thay vì tả một cây, ở đây lại nói đến cả một tổng-hợp nhiều cây.

DÀN BÀI MẪU VỀ MIÊU-TẢ MỘT TỔNG HỢP NHIỀU CÂY

NHẬP ĐỀ :

Giới thiệu tổng-hợp nhiều cây sắp tả :

- Hoặc khóm cây sắp tả trồng hay mọc ở đâu ? Từ bao giờ ?...
- Hoặc thấy hay biết rõ khóm cây ấy lúc nào ? Ở đâu ?

THÂN BÀI :

* *Hình dáng chung :*

- Vóc dáng, kích thước, màu sắc... cả khóm cây.

* *Đặc-điểm từng cây :*

Tả theo thứ-tự cây lớn, cây gần, cây ở ngoài thấy rõ, rồi mới tới cây nhỏ, cây xa, cây bên trong bị che khuất.

* *Đặc-điểm từng bộ phận của khóm cây :*

- Tả theo thứ-tự gốc, rễ, thân, cành, ngọn...

* *Đời sống của khóm cây qua các mùa :*

(Nếu khóm cây có đời sống dài và biến đổi rõ rệt)

- Hoặc bốn mùa : xuân, hạ, thu, đông.
- Hoặc mùa nắng, mùa mưa.
- Hoặc mùa rụng lá, mùa ra hoa, mùa kết quả, mùa quả chín.

* *Sinh-hoạt của người hoặc vật thường diễn ra tại khóm cây ấy nếu có.*

- Người { Ví dụ "tả bụi tre" thì nói : "Quanh bụi thỉnh thoảng có trẻ con nô đùa và trên ngọn thường có chim làm tổ."
- Vật {

* *Công-dụng :*

- Riêng từng cây hoặc loại cây (cây già, cây non, cây mới mọc...)
- Cả khóm cây : ví dụ cho bóng mát, làm hàng rào, giữ đất khỏi bị xói mòn...

KẾT LUẬN :

- Hoặc cách chăm nom khóm cây.
- Hoặc cảm tưởng khi đứng trước khóm cây.
- Hoặc kỷ-niệm do khóm cây gợi ra.

c.— TẢ CÁC LOẠI QUẢ (TRÁI).

Có hai trường-hợp : tả một quả riêng biệt tương-đối đơn-giản và tả một tập hợp gồm nhiều quả khác loại nhau (có nhiều loại trái: trái chín, trái già, trái non, nụ...) như chùm nho, buồng dừa, quây chuối... tương-đối phức-tạp hơn.

Trong thân bài cũng phải lần lượt tả từ bao quát đến chi tiết theo thứ-tự tả phía ngoài (vỏ) trước và bên trong (ruột) sau. Sau đó, nói đặc-tính, công-dụng của quả hoặc của mỗi loại quả.

DÀN BÀI MẪU VỀ MIÊU-TẢ CÁC LOẠI QUẢ

NHẬP ĐỀ :

Giới-thiệu quả sắp tả :

- Hoặc do đâu mà có ? Có lúc nào ?
- Hoặc thấy ở đâu ? Bao giờ ?

THÂN BÀI :

Hình dáng chung :

- Vóc dáng : giống cái gì ta thường thấy ?
- Kích thước : cỡ nào ?
- Màu sắc : màu gì ? tươi, héo...?

Các bộ-phận :

- Bên ngoài : vỏ (trơn, nhám hay lốm-chôm...)
- Bên trong : ruột (cơm, múi, tép, hạt, cùi, nước,

mủ...)

— Đặc-điểm : mùi vị...?

— Công-dụng : ăn, làm thuốc, cúng quả, dùng chế ra thứ khác...,

KẾT LUẬN :

- Hoặc đánh giá quả ấy.
- Hoặc bày tỏ cảm-tưởng (thích, không thích đối với quả cây ấy). Tại sao ?
- Hoặc Kỷ-niệm do loại quả ấy gợi ra.

d.— TẢ CÁC LOẠI HOA (BÔNG)

Khi tả một hoa hay tập hợp nhiều loại hoa khác nhau (ví dụ tả một bình hoặc bó hoa) ta cũng tả từ bao quát (kích thước, hình dáng, màu sắc...) đến từng bộ-phận (cánh, đài, nhị, cuống...) Sau đó nêu rõ những đặc-điểm chung như hương-vị, ấn-tượng (đẹp hay xấu). Cuối cùng nói rõ công-dụng của nó.

DÀN BÀI MẪU VỀ MIÊU-TẢ CÁC LOẠI HOA

NHẬP ĐỀ :

Giới-thiệu hoa sắp tả :

- Hoặc do đâu mà có ? Có lúc nào ?
- Hoặc thấy ở đâu ? Bao giờ ?

THÂN BÀI :

— Hình dáng chung :

- Vóc dáng : giống hoa gì ta thường thấy ?...
- Kích thước : to, nhỏ ?...
- Màu sắc : màu gì ? tươi hay bầm ?...

— Các bộ-phận :

- Cánh, đài, nhị, cuống hoa...
- Hoặc tả từng loại hoa một (nếu đề bảo tả một tập hợp gồm nhiều hoa).

— Đặc-điểm :

- Mùi hương : thơm hay không ?...
- Ấn-tượng chung (đẹp hay xấu ?)...

— Công-dụng :

- Trưng bày cho đẹp, dùng làm thuốc, dùng chế biến ra thứ khác...
- Ý-nghĩ tượng-trưng của hoa, nếu có (ví dụ hoa sen chỉ lòng trong sạch).

KẾT LUẬN :

- Hoặc cảm-tưởng về loại hoa ấy ?
- Hoặc đánh giá loại hoa đó ?
- Hoặc kỷ-niệm do hoa ấy gợi ra.

3.— GHI NHỚ DÀN BÀI CHUNG về đề TẢ CÂY CỐI

Tả cây ĐỀ MỜ khó chỉ

Lúc nào thấy nó ? Nó thì ở đâu ?

Ai trồng nếu biết kẻ mau.

THÂN BÀI thứ-tự trước sau năm phần :

— MỘT là miêu-tả dáng chung,
Nhỏ to ? Xơ xác, um-tùm ? Héo, tươi ?

— HAI nêu đặc-điểm từng nơi
Dưới là rễ, gốc, trên thời cành, thân

Lộc, chổi, gai, lá xa gần ?
Đọt, hoa, nụ, quả cũng cần tả ngay.
— Các mùa cây cối đổi thay
Ra hoa, rụng lá... tả rày phần BA.
— Vật, người sinh-hoạt BỐN là
Với cây, người vật lân-la thế nào ?
— NĂM là lợi hại ra sao ?
Cây kia ắt có lẽ nào sót quên !
KẾT BÀI kỷ-niệm nêu lên,
Tâm-tư ? Sắn sóc cũng nên trình bày.

c.- TẢ PHỐI-HỢP TĨNH-VẬT VÀ THỰC-VẬT

Trong thực-tế, ta thường gặp loại văn miêu-tả phức tạp hơn. Đó là loại văn MIÊU-TẢ PHỐI-HỢP, ở đây ta chỉ xét đến loại văn MIÊU-TẢ PHỐI-HỢP TĨNH-VẬT VÀ THỰC-VẬT.

Trong loại miêu-tả này, trước hết ta phải dùng kỹ-thuật miêu-tả riêng để tả tĩnh-vật và thực-vật liên-hệ. Tuy nhiên, ta không nên tả quá tỉ-mỉ từng vật riêng rẽ trong bài miêu-tả phối-hợp mà âm mất ý nghĩa chính yếu và ấn-tượng chung của bài luận văn.

Sau nữa, cần biết phối-hợp các vật riêng phải tả (tĩnh-vật và thực-vật) với nhau để làm nổi bật những tương-quan bên ngoài của chúng (vị trí, hình dáng, kích thước, màu sắc, âm-thanh, hương vị...)

Thí dụ :

Ta có các đề luận miêu-tả phối-hợp sau : «Tả một giàn mướp»
Tả cái giàn (tĩnh-vật) và các dây mướp leo trên giàn (thực-vật) — «Tả một bình hoa» : Tả cái bình (tĩnh-vật) và các cành hoa cắm trong bình (thực-vật).

Gặp các đề này, trước hết ta phải áp-dụng kỹ-thuật miêu-tả tĩnh-vật để tả cái giàn mướp leo hoặc chiếc bình cắm hoa. Đồng thời phải áp-dụng kỹ-thuật miêu-tả thực-vật để tả tập-thể nhiều dây mướp leo trên giàn hay tập-thể nhiều cành hoa cắm trong bình.

Trong mọi trường-hợp người tả phải biết phối-hợp giữa hai vật tả (giàn và mướp — bình và hoa) với nhau để làm nổi bật hình ảnh tổng-quát bên ngoài của chúng mà ngũ quan ta cảm giác được như vị trí, hình dáng, kích thước, màu sắc, âm-thanh, hương-vị...

Nhiều đề luận về hình-thức thuộc loại miêu-tả tổng-hợp tĩnh và thực-vật nhưng nội-dung hai phần miêu-tả không quan-trọng như nhau. Thông thường người ta coi nhẹ phần miêu-tả tĩnh-vật (chỉ tả sơ) và đặt nặng phần miêu-tả thực-vật (nên phải tả kỹ).

Giàn đề mướp leo hay bình đề cắm hoa chỉ là cái nền, cái khung cần phải có để cho các dây mướp và các cành hoa có thể tập hợp được. Hơn nữa, khi đọc đề, người ta thường có ấn-tượng muốn hình dung cho được tập hợp các dây mướp trên cùng một giàn hay tập hợp các cành hoa cắm trong một bình như thế nào chứ ít ai nghĩ đến cái giàn hay cái bình như thế nào.

PHẦN II

BÀI TẬP



● TẢ TÍNH VẬT hay ĐỒ VẬT

I.— ĐỀ BÀI CHÍNH

PHIẾU LÀM BÀI SỐ 01/L1

Của trò : _____	ĐIỂM SỐ
Số : _____ Lớp Năm : _____	
Lời phê : _____	

I.— ĐỀ LUẬN :

Tả-tấm bảng đen trong lớp em

II.— CÁCH LÀM BÀI :

Bản văn dùng làm bài tập sau đây có 31 cặp chữ, nhóm chữ, phần câu hoặc câu đặt cạnh hay cách nhau nhưng cùng, ở trong một câu hoặc một đoạn văn. Mỗi CẶP gồm hai thành-phần : MỘT thành-phần in CHỮ ĐẬM và MỘT thành-phần in CHỮ XIÊN. Mỗi thành-phần có thể là chữ, nhóm chữ, phần câu hay câu.

Học-sinh đọc thật kỹ mỗi CẶP để so sánh giữa thành-phần CHỮ ĐẬM và thành phần CHỮ XIÊN mà LỰA lấy một. Thành-phần không được chọn phải gạch bỏ (gạch đậm nét và xuyên ngang giữa hàng chữ). Như vậy, cả bài có 31 chữ, nhóm chữ, phần câu hoặc câu thích-dụng được LỰA, được giữ lại và 31 chữ, nhóm chữ, phần câu hoặc câu không thích-dụng bị gạch bỏ.

Thí dụ : Mới vào bài ta thấy câu « Trong trường lớp em bảng đen được kê... » Chữ trường (in chữ xiên) và lớp (in đậm nét) đi cạnh nhau là hai thành-phần của một CẶP ta phải đắn-đo so-sánh để chọn lấy một và gạch bỏ một. Đề thích-hợp với đề luận và chỉ-định rõ tấm bảng được tả, khi làm bài ta phải LỰA chữ lớp và gạch bỏ chữ trường.

(Xen lại Phần Hướng-dẫn CÁCH LÀM BÀI TẬP có ký-hiệu L1 trang 16).

III.— BẢN VĂN DÙNG LÀM BÀI TẬP :

(1) Trong trường lớp em, bảng đen được kê gần cạnh bàn thầy giáo, gần vách tường, đối-diện với em học-sinh.

Mặt bảng hình chữ-nhật phẳng: dài độ một thước rưỡi, rộng chừng độ một thước. Mặt bảng Nó là gồm

(5) ba mảnh ván dầu nhẹ-nhàng, mỏng-mạnh ghép sát nhau. Phẳng-phiu, nhẵn mịn và đen bóng loáng, mặt

(7) bảng là nơi em thích sờ đến khi đi ngang qua. Nước

- (8) sơn tốt của nó đã làm nổi bật rõ-ràng lên những nét phần trắng tinh. Những học sinh ngồi cuối lớp cũng có thể nhìn rõ những từng nét chữ nhỏ trên bảng.
- (10) Chung-quanh mặt bảng có đóng những mảnh nẹp gỗ như một cái khung đường chỉ viền bốn mép. Mặt bản dính vào khung nhờ hai cái chốt. Hai cái chốt giữ mặt bảng dính vào khung. Tấm bảng có thể xoay quanh quanh quẩn hai chốt ấy dễ dàng. Khi xoay đề đổi mặt bảng, em thấy hai mặt của nó bằng đều phẳng bóng gò ghề như nhau. Chỉ khác ở chỗ một mặt sơn màu đen, một mặt sơn màu xanh. Tuy nhiên, mặt nào cũng phải viết vẽ được cả.

Tám bảng gắn trên một cái giá bằng gỗ lim, có hai

- 20) chân to chắc và cũng sơn màu đen. Trên cái giá chế-tạo bằng gỗ lim chiếc bảng được gắn vào, có hai chân to lớn, sơn màu đen chắc y như màu sơn của bảng.

Thầy cô giáo vừa giảng bài, vừa lần lượt từ từ viết hoặc vẽ lên bảng. Vừa nhìn lên bảng, vừa lắng tai nghe, chúng em đã hiểu và thuộc gần hết rất ít bài học. Thỉnh thoảng em được gọi lên bàn thầy bảng để làm tính và hoặc viết chính-tả. Có lần ngày được thầy khen, em cảm thấy sung sướng kiêu ngạo lắm!

- (30) Mỗi lần viết xong, chúng em lau bảng bằng một miếng giẻ ẩm cho bụi phấn khỏi tung bay làm bẩn bầu không khí của lớp học quanh tấm bảng.

Bảng rất là cần thiết lắm. **Giả-sử** trong lớp học không có nó, thầy trò sẽ gặp nhiều khó khăn trong việc giảng dạy và học-hành. **Giả-sử** nếu không có bảng đen, trò cũng như thầy sẽ đều gặp khó khăn trong việc giảng dạy và học hành như nhau.

- (40) Cứ mỗi lần đi đến lớp là em nhìn tấm bảng trước tiên. Em không quên thuộc lòng được bộ mặt đen sì nhưng đầy vẻ trang nghiêm của nó. Vì chính trên mặt bảng đó, qua những dòng chữ, mắt em thường thấy tai em thường nghe những điều hay lẽ phải rất quý báu đặt tiền đề cho em học-hỏi. Ngoài bài học, em không bao giờ viết bậy trên bảng.

IV.— BÀI CHỮA .

BAI CHUA .
 Xem bài chữa số 01/L1 (phần III)

PHIẾU LÀM BÀI SỐ 02/THA1

Của trò : _____	ĐIỂM SỐ
Số : _____ Lớp Năm : _____	
Lời phê : _____ _____ _____	

I.— ĐỀ LUẬN :

Tả cây bút chì

II.— CÁCH LÀM BÀI :

Bản văn dùng làm bài tập kể sau có 31 chữ, nhóm chữ, phần câu hoặc câu in đậm nét, phải thay bằng thành-phần tương-đương thì h-
dụng hơn. Học sinh chọn trong Phụ-bản kể sau Bản văn dùng làm bài
tập để lựa lấy chữ, nhóm chữ, phần câu hoặc câu thích-dụng thay vào
các khoảng trống tiếp theo sau các thành-phần phải thay thế. Các chữ,
nhóm chữ thay vào viết trên các đoạn chấm nhỏ, mỗi đoạn viết một
chữ. Các câu thay vào thì viết trên các khoảng trống có nhiều chấm.
Những thành phần đã thay thế phải gạch bỏ.

Thí dụ : Mời vào bài có câu :

« Trước ngày đi học đầu niên-khóa một tuần... » ta thấy nhóm chữ in đậm nét « đi học đầu niên-khóa » không thích-dụng. Tìm trong Phụ-bản thấy có chữ « tự-trường » thích-dụng hơn, ta điền chữ ấy trên hai gạch kẻ sau nhóm chữ « đi học đầu niên khóa ». Đoạn gạch bỏ nhóm chữ đó.

(Xem lại phần hướng dẫn cách làm bài tập có ký hiệu THA1 trang 17)

III — BẢN VĂN DÙNG LÀM BÀI TẬP :

- (1) Trước ngày đi học đầu niên - khóa _____
 _____ một tuần, ba em dẫn em đến hiệu sách
 để mua sắm sách vở, bút mực v.v... mà học trò thường
 dùng _____. Trong
 số những dụng-cụ mua sắm đó, có một cây bút chì r
 đẹp, do chính tay em tìm mua theo ý thích của m.

Đó là loại viết chì đen, da sơn màu vàng tươi
sáng và sáng chói..... Nó vừa đúng một
gang tay của em thừa một tí

- (10) gang tay của em thừa một tí

- (12) Thân bút hình sáu cạnh bằng nhau —————, to gần bằng đầu ngón tay út. Giữa thân có in dòng chữ và số « VIKIVA N.º 33 ». Nét
- 15) chữ đen bóng, **nhỏ và rõ từng góc cạnh** —————
lún sâu vào thân bút chì. Đó là tên viết tắt của **người làm bút chì** —————
và số **giống** ————— viết chì. Gỗ thông của thân bút **cho ta** ————— mùi thơm **ngon ngọt** —————.
- 20) Rất may là em lựa **phải** ————— một cây viết chì rất **đẹp** —————. Gỗ nó rất mềm, màu nâu, lại không có sớ nên em chuốt rất dễ. Chuốt bằng dao hay bằng dụng-cụ riêng không khi nào gỗ thân cây xơ-xác hay bị vỡ **từng khối** —————. Em mức rất **nhỏ** ————— đầu chì, rồi nhẹ nhàng gạch **coi xem sao** ————— xuống giấy. Chả cần dè **manh** hay thấm nước miếng em cũng thấy những vết **đen đậm**, có ngòi. Ruột viết chì rất **đéo và mềm** —————
nên dù chuốt cho nó ló dài hoặc nhọn đến đầu cũng không bị **bể** —————. Ở đầu thứ hai, bút chì có một khúc **cao-su** ————— tròn, dài độ một phân. Một cái **vòng** ————— thiếc mỏng, cũng màu vàng giữ gồm bắm chặt vào đầu bút. Trên khâu có mấy đường **vòng nổi** **cao** ————— hoặc trũng xuống và những chấm **nhỏ lún sâu** vào gôm cùng đầu bút.
- (35) Em dùng nó để vẽ, để **viết lại cho đúng** ————— lỗi chính-tả và toán, để nháp các bài tập khác hoặc gạch hàng những trang giấy **chưa gạch** ————— hầu viết được ngay ngắn hơn. **Hàng ngày, nó là một đồ dùng ai cũng cần đến luôn** —————.
- (40) Rủi có bữa nào bỏ quên nó ở nhà, vô lớp đến giờ vẽ hoặc chữa bài, em đành **ngồi im không làm gì được** —————. Để rồi, em bị thầy giáo **la rầy và phạt** —————. Vì thế, em luôn luôn cất nó trong hộp đựng viết và đem theo trong cặp **ngày nào cũng vậy** —————.
- (45) Em giữ gìn nó rất cẩn-thận để **nó khỏi bị mất mát và rơi mạnh xuống đất, trái lại nó luôn luôn ở trong cặp** —————.
- (50) Vì bút chì rất **tốt** ————— rớt mạnh cũng bị gãy. Ngoài ra, trong lúc dùng, em không bao giờ **cẩn** ————— bút chì vào miệng. Đó là thói xấu, không hợp phép vệ-sinh. Các thầy, cô đã nhiều lần **nhắc đi nhắc lại** ————— chúng em đừng tập thói quen tai hại đó,

IV.— PHỤ BẢN LIỆT-KÊ CÁC CHỮ, NHÓM CHỮ, PHẦN CÂU hoặc CÂU DÙNG ĐIỀN-KHUYẾT.

DANH TỪ : lục-giác đều — nhà sản-xuất — khâu —
loại — mảnh — gôm —

ĐỘNG TỪ : chữa — lựa mua — thử — tự trưởng —
tiết ra — cẩn-dẫn — ngậm — quở-phạt —

TÍNH TỪ : mềm-dẻo — sắc-sảo — óng-ánh — tốt —
nhọn — dịu-dàng — gãy — trinh-trắng —

TỰ LOẠI KHÁC : nhăm — lên

NHÓM CHỮ : bó tay — đồ dùng học sinh —
có tốt cách mấy — hàng ngày —

PHẦN CÂU : ... khỏi mất-mát và rơi mạnh xuống đất.

CÂU :
1— Nó là một dụng-cụ cần dùng hàng ngày.
2— Nó dài hơn gang tay của em một tí.

V— BÀI CHỮA :

Xem bài chữa số 02/THA1 (phần III).

PHIẾU LÀM BÀI SỐ 03/TH1

Của trò : _____	ĐIỀM SỐ
Số : _____ Lớp Năm : _____	
Lời phê : _____	

I— ĐỀ-LUẬN :

Em vừa tìm thấy một quyển sách học quá cũ
của mình. Hãy tả nó.

II— CÁCH LÀM BÀI :

Bản văn dùng làm bài tập sau, có 30 chữ, phần câu hoặc câu còn thiếu. Học sinh lựa trong Phụ-bản kể sau Bản văn lấy chữ, nhóm chữ, phần câu hay câu thích-dụng **THÊM** vào các chỗ trống. Mỗi đoạn chấm nhỏ **ĐIỀM** một chữ. Riêng các phần câu hoặc câu thì điền vào khoảng trống dài có nhiều chấm.

(Xem lại phần hướng dẫn cách làm bài tập có ký hiệu TH1 trang 19)

III— BẢN VĂN DÙNG LÀM BÀI TẬP :

- (1) Sáng chủ-nhật _____, nhân trời nắng tốt em mở tủ lục chồng sách âm mốc đen _____. Bỗng em tìm thấy tận đáy _____ một quyển sách quá cũ. Xem kỹ lại thì đó là quyển sách _____ em đã học cách đây năm _____.

- (5) Khổ sách hình _____ : dài độ hai tấc rưỡi, _____.
Ở góc phải, phía trên bìa sách, tên em được viết bằng nét chữ _____, khá lớn. Màu xanh của
(10) chữ đã nhoè ra từng _____.

- Bìa sau rách nát mất ba góc. Bìa trước đầy dấu mực _____, Màu tím lộn màu xanh lèm nhèm phủ kín mấy hàng chữ nhỏ, che lấp một phần hai
(15) chữ « VĂN VUI » to tướng _____.

- (17) _____

 Những nét vẽ giản-dị nay lại càng mờ nhạt hơn, phải
 (20) _____ mới thấy được. Gáy sách đã bị
 _____, mặc dù ba em đã một lần _____
 thêm một giải giấy dày, màu đen.

- Lật vào các trang sách xám vàng bên trong, _____
 _____ bị cuốn tròn ở hai
 (25) góc. Nhiều trang bị dán nhấm thủng _____
 Trang nào cũng đầy những dòng chữ rõ ràng, đều đặn,
 và đủ kiểu: _____

- _____. Nhiều dòng bị _____
 _____ bôi mờ. Các hình vẽ đều được tô
 (30) _____: nơi kia màu xanh, màu đỏ; nơi nọ
 màu tím, màu vàng... Những nét tô _____
 trông thật buồn cười! Nhiều trang bị xé mất, chỉ
 còn mép giấy _____ dính vào cùi sách.

- Nhớ lại _____ em học vỡ lòng,
 (35) miệng đọc oang-oang « _____
 _____ », mắt chăm chăm nhìn vào hình vẽ trong các
 trang sách quen thuộc này nhưng tri không hề nhớ
 được chữ « i » chữ « tờ » ra sao! _____
 bây giờ em đã biết làm luận, làm tính. _____

- (40) _____

 Quyển sách vỡ lòng này còn làm _____
 nơi em nhiều _____ đẹp của thời _____
 _____, nhất là hình-dáng của cô giáo cũ đáng cho em
 kính mến suốt đời _____

- (45) _____

IV. — PHỤ-BẢN LIỆT-KÊ CÁC CHỮ, NHÓM CHỮ, PHẦN CÂU hoặc CÂU DÙNG ĐIỀN-KHUYẾT.

DANH TỪ : kỷ-niệm — chữ-nhật — vững —
 chồng — tử — năm —

ĐỘNG TỪ : dán — chú-ý — phơi — sống lại

TÍNH TỪ : thơ-ấu — loang-lổ — nguệch-ngoạc —
 lở-chỗ — lệch-lạc — xác-xơ —

NHÓM CHỮ hoặc PHẦN CÂU :

vỡ lòng — đủ màu — mới ngày nào —
 rách toé-toét — Thế mà — vết tay bẩn —
 i tờ, tờ-i-ti — ... ít nhiều tờ nào cũng...

.... nào chữ in, chữ viết; nào chữ thường,
 chữ hoa.

... rộng chừng mười phân.

CÂU :

- 1— Thời-gian trôi nhanh quá !
- 2— Chính nhờ cô đã tận-tụy săn-sóc, dạy dỗ... nên hôm nay em mới đủ sức theo học lớp năm.
- 3— Bìa sách đã trở màu vàng khè, nhàu nhò và đồ lủng.
- 4— Hai chữ mang tên quyển sách đó in màu xanh đậm, chồng lên trên hình một cậu bé đọc sách in nét vàng lợt.

V. — BÀI CHỮA :

Xem Bài chữa số 03/TH 1 (phần III).

PHIẾU LÀM BÀI SỐ 04/B1

Của trò : _____	ĐIỂM SỐ : _____
Số : _____ Lớp Năm : _____	
Lời phê : _____	

I.— ĐỀ LUẬN :

Nhân ngày tựu trường, ba má mua cho em một chiếc xe đạp để đi học đỡ vất vả. Hãy tả chiếc xe đó.

II.— CÁCH LÀM BÀI :

Bản-văn dùng làm bài tập sau có 30 chữ, nhóm chữ, phần câu hoặc câu **THỪA** được liệt-kê trong Phụ-bản kế tiếp Bản-văn. Căn-cứ vào Phụ bản đó, học-sinh tìm **bỏ bớt** thật đúng **các** chữ, nhóm chữ, phần câu hoặc câu dư trong Bản văn.

(Xem lại Phần Hướng Dẫn cách làm Bài Tập có ký hiệu B1 trang 20 và 21).

III.— BẢN VĂN DÙNG LÀM BÀI TẬP :

- (1) Từ lâu ba má hứa mua cho em một chiếc xe đạp khi em lên lớp năm trường Tiểu-học. Vào dịp khai-giảng các trường Tiểu-học năm nay, các ngài đã thực-hiện lời hứa ấy.
- (5) Thế là em có một chiếc xe đạp hiệu «Parker» xinh-đẹp! Sườn xe màu xanh lục, kẻ chữ trắng. Em hứa cho vài người bạn thân đi dạo xe thử vài vòng. Vành bánh và nan hoa mạ kền sáng loáng. Nghĩ đến chiếc xe em nhớ tới công ơn cha mẹ em. Cái Bàn đạp, tay lái và hai cái chắn bùn bằng nhôm, bóng đến nỗi soi gương được!
- (10) Nhờ gắn thêm bóng đèn màu và những dây điện xanh đỏ mà chiếc xe nổi hẳn lên từ lâu, trông có vẻ «máy móc» lắm. Từ hôm có xe mới, lần đầu tiên em đi học,
- (14) không những không vất-vả nhọc nhằn mà lại còn thích-

- (15) thú là đáng khác. Bánh xe màu đỏ, còn mới toanh, nổi bật trên đường chỉ nhỏ và còn nồng mùi nước cao-su. «Bọt-ba-ga» bằng nhôm sáng bóng và rất vững chắc.

- Lần đầu tiên thấy em đi xe đạp đến trường, ba má các bạn xúm lại xem. Ai cũng trầm trồ khen là chiếc xe đạp tốt đẹp. Người này ấn thử cái yên cao-su mềm mại nằm trên những lò-xo dòn-dẫy. Kẻ kia nhấc xe lên, dậm bàn đạp xe cho bánh quay tít rồi ấn bóp tay thắng xem thấy có ăn không. Thế là Có người lại tò-mò đánh vần những tên hiệu của xe, toàn là tiếng Tây, tiếng Mỹ khó đọc cả. Em hứa cho vài người bạn thân đi dạo xe thử vài vòng, xem chừng người nào cũng thích.
- (25)

- Từ hôm có xe mới, lần đầu tiên em đi học, không những không vất-vả nhọc nhằn mà lại còn thích-thú là đáng khác. Chiếc xe thật là một tên đầy tớ tốt, cũng nhanh-nhẹn và dễ bảo. Lần đầu tiên thấy em đi xe đạp đến trường. Em quý nó bao nhiêu, lại càng gìn giữ trầm trồ và săn-sóc nó bấy nhiêu.
- (30)

- Từ hôm có xe mới Chiều nào em cũng đem nó ra sân, dựng ngược lên, quay tít lấy giẻ sạch lau cho sạch bụi, nước và đánh bóng không sót chỗ nào. Sườn xe màu xanh lục, kẻ chữ trắng.
- (35)

- Nghĩ đến chiếc xe, em nhớ tới công ơn cha mẹ em. Các ngài đã tò mò làm việc nhọc-nhằn và chịu khó tiện-tặng để dành tiền mua xe cho em. Thế là em đã có một chiếc xe đạp hiệu «Parker» xinh đẹp. Em quyết cố-gắng học-hành để chóng nên người tài giỏi, để đền-đáp phần nào công ơn các ngài ấy.
- (40)

IV — PHỤ-BẢN LIỆT-KÊ CÁC CHỮ, NHÓM CHỮ, PHẦN CÂU hoặc CÂU DƯ TRONG BÀI LÀM.

DANH TỪ : ba má — trường tiểu học — nước — xe — màu —

ĐỘNG TỪ : thấy — là — trầm trồ — đạp — ấn — hứa —

TÍNH TỪ : tò-mò — nhọc-nhằn — tốt —

TỰ LOẠI KHÁC và NHÓM TIẾNG :

em — từ lâu — đề — các ngài — cái — cũng — lần đầu tiên — Thế là — quay tít —

PHẦN CÂU hoặc CÂU :

- 1— Sườn xe màu xanh lục kẻ chữ trắng.
- 2— Lần đầu tiên thấy em đi xe đạp đến trường.....
- 3— Từ hôm có xe mới.....
- 4— Thế là em đã có một chiếc xe đạp hiệu «Parker» xinh-đẹp !
- 5— Nghĩ đến chiếc xe, em nhớ tới công ơn cha mẹ em
- 6— Em hứa cho vài người bạn thân đi dạo xe thử và vòng.
- 7— Từ hôm có xe mới lần đầu tiên em đi học, không những không vất-vả nhọc-nhằn mà lại còn thú là đáng khác.

V.— BÀI CHỮA :

Xem Bài chữa số 04/B1 (phần III).

PHIẾU LÀM BÀI SỐ 05/Đ1

Của trò :	ĐIỂM SỐ :
Số : Lớp Năm :	
Lời phê :	

I— ĐỀ LUẬN :

Tả chiếc máy thu - thanh

II— CÁCH LÀM BÀI :

Bản văn dùng làm bài-tập sau không được chấm câu đầy-đủ. Học-sinh đọc thật kỹ Bản văn và dùng 40 dấu kẻ sau đề đặt vào chỗ thích-nghĩ nhất. Nếu cần học sinh phải sửa các chữ có liên-hệ đến dấu chấm câu mới đặt vào. Ví dụ : chỗ nào thêm dấu chấm thì phải sửa chữ ở sau dấu chấm thành chữ hoa.

Các dấu chấm câu còn thiếu trong bản văn sau gồm có: 21 dấu chấm, 8 dấu phẩy (phết), 5 dấu hai chấm, 2 dấu gạch đầu hàng, 1 dấu ba chấm (chấm treo), 1 dấu than, 1 dấu mở đóng ngoặc kép và 1 dấu chấm hỏi.

(Xem lại Phần Hướng-Dẫn cách làm Bài Tập có ký hiệu Đ 1 trang 21 và 22).

III— BẢN VĂN DÙNG LÀM BÀI TẬP :

(1) Hai năm trước đây, cha tôi có mua một chiếc máy thu-thanh. Nó là một loại máy xách tay hiệu «NATIONAL», sản-xuất tại Nhật. Ngày nào em cũng dùng nên đối với em nó là vật rất quen thuộc.

(5) Nhìn chung, chiếc máy là một khối chữ-nhật mặt đáy dài độ hai tấc rưỡi, rộng chừng sáu phân; chiều cao của máy khoảng một tấc rưỡi.

Máy có bốn mặt nhựa đen bóng một màu đen thùy-mị, khả-ái. Có mặt nổi lên những đường gân song song hoặc đối xứng. Có mặt lấm chấm những hàng lỗ to bằng đầu viết chì đó đây nổi bật lên một vài đầu đinh vít trắng lấp-loáng. Một tấm nhôm trắng hình chữ-nhật che phủ mặt

(15) thứ năm của máy trên mặt ấy rải đều những hàng lỗ nhỏ, tạo thành những ô vuông, đều-đặn. Đó là mặt ta nghe tiếng nói từ trong máy thoát ra nếu đề máy trên bàn thì mặt thứ sáu của nó chính là mặt đỉnh mặt này chia làm hai phần. Phần thứ nhất là nền mạ nhom trắng mịn những núm nhựa đen hoặc nổi cao lên trên mặt, hoặc lấp ló dưới những lỗ hõm vào máy. Núi nào cũng dày đặt những đường chỉ răng cưa song song với nhau chung quanh mỗi núm có những chữ Anh khắc sâu vào mặt nhom. Tôi không biết những chữ ấy có nghĩa gì mới hỏi ba tôi

(25) Ba ơi ! Những chữ này in cho đẹp hay để làm gì hở ba Ba tôi bảo :

Nhờ các chữ ấy người ta mới biết công-dụng và cách dùng từng núm đó con ạ.

Người tiếp-tục cắt nghĩa cho tôi biết về mỗi núm

(30) — Núm hình trụ này dùng để mở và tắt máy tắt thì vặn núm theo chiều chữ « OFF » cho đến khi nào nghe tiếng « cắc » và cứng thì thôi mở thì vặn theo chiều trái lại nếu con muốn nghe càng to thì càng vặn núm ấy về phía chữ LOUD núm hình trụ thứ hai để tìm đài. Còn hai núm kia: núm thì dùng điều-chỉnh âm-thanh trầm bổng, núm thì dùng để đổi tầng số.

Tại một góc của phần này có một nút đỏ ấn nhẹ vào nút ấy tôi thấy mặt máy được rọi sáng, mới biết đó là « công-tắc » đèn dùng rọi rõ mặt máy trong đêm tối.

(40) Nếu phần thứ nhất có vẻ máy móc thì phần thứ hai của mặt máy nặng về mỹ-thuật hơn. Phần này có một khung « mi-ca » trong suốt góc trái của mặt « mi-ca » có một cây « ăng-ten », mạ bạc lấp-lánh gốc cây to gần bằng ngón tay út thân cây chia làm chín đoạn nối tiếp nhau, có thể kéo dài gần bảy tấc, nhưng cũng có thể thụt ngắn lại hoặc đẩy hẳn vào trong máy. Suốt chiều dọc

(16) của phần này có ba gạch song song nhau dọc theo mỗi đường gạch có những chữ và số, hoặc đen, hoặc đỏ tuy chi-chít, nhưng rất rõ-ràng thứ-tự. Một cây kim màu vàng nằm cắt ngang mặt « mi-ca » nếu mở máy rồi vặn núm tìm đài thì cây kim ấy di-chuyển gần suốt chiều dọc của mặt « mi-ca ». Lúc ấy ta có thể nghe tiếng nói của các đài phát-thanh từ đài gần như đài Sài-gòn, đài quân đội đến đài xa như đài Hoa-thịnh-Đốn đài Luân-Đôn.

(55) Một hôm cả nhà đi vắng tôi tò-mò tìm hiểu sản-phẩm tài-tình đó của loài người! Tôi mở nắp sau của máy ra. Chao ôi trong ruột máy có cả một rừng dây chằng chịt bóng đèn dọc ngang nhiều khối vuông và đỉnh ốc rải-rác đó đây. Con mắt thường của tôi nhìn vào là tối mất. Sợ hư, tôi vội-vàng lắp lại đặt bốn cục « Pin » vào chỗ cũ, rồi mở máy nghe thử. Rất may, máy không hề-hấn gì ! Tôi lại được nghe những nhạc-khúc oai-hùng, tươi trẻ của đài phát-thanh Sài-gòn.

(65) Chính những âm-thanh phát ra từ chiếc máy bé-bồng, tối-tàn ấy đã là nguồn vui chung của gia-đình chúng tôi. Ba tôi thích tin tức và bình-luận má tôi ưa cải-lương. Các anh chị và tôi ham nghe kịch hoặc tân-nhạc. Chiếc máy gần như làm việc suốt ngày ! Có lần ba tôi nói với tôi « Ngày nào không được nghe « ra-dô » tao cảm thấy như thiếu-thốn một cái gì ! ».

(70) Bởi vậy, ai cũng tăng-tiêu nó. Riêng tôi, thỉnh thoảng tôi lấy vải mềm lau chùi cho sạch bụi và bóng loáng lâu lâu, tôi xem chừng nếu « Pin » yếu thì xin tiền má tôi ra phố mua « pin » mới về thay.

IV— BÀI CHỮA

Xem bài chữa số 05/Đ1 (phần III).

BÀI TẬP SỐ 06/S1

I.— ĐỀ LUẬN :

**Ba em vừa mua một đồng hồ quả lắc.
Hãy tả chiếc đồng hồ ấy.**

II.— CÁC LÀM BÀI :

Bản văn tả «chiếc đồng-hồ quả lắc» dùng làm bài-tập kể sau Dàn-bài, được chia làm 18 đoạn, đánh số từ (1) đến (18). Các số trong các ngoặc đơn ở đầu mỗi đoạn văn gọi là DANH-SỐ của một đoạn văn. Tuy các đoạn văn được đánh số lần-lượt từ nhỏ đến lớn nhưng vì sắp xếp lộn-xộn, nên bài luận hư-hỏng. Căn-cứ vào Dàn-bài kể sau, học-sinh sắp xếp các đoạn văn lại, thế nào cho ý-tư có trật-tự và mạch-lạc hợp-lý hầu tả đúng « chiếc đồng-hồ ».

Phiếu làm bài số 06/S1 có 2 phần :

— PHẦN KIỂM-SOÁT có các ô liên-tiếp đặt tên theo thứ tự chữ cái : từ A,B,C. đến R,S,T. (Từ trái qua phải, từ trên xuống dưới) Học-sinh lần-lượt viết danh-số các đoạn văn theo trật-tự mới vào các ô ấy. Ví-dụ ; Nếu xét thấy trật tự hợp lý nhất của đoạn văn có danh-số (4) là đứng đầu bài thì ta viết vào ô A số 4 ; đoạn văn mang danh-số (9) phải đứng thứ nhì thì viết vào ô B số 9 và cứ như thế viết hết 18 danh số vào đủ 18 ô.

— PHẦN BÀI LÀM là phần giấy trắng gạch hàng sẵn học-sinh lần-lượt viết lại các đoạn văn đã sắp xếp theo trật-tự mới hợp-lý hơn. Sau mỗi đoạn văn đều phải xuống dòng. Đầu mỗi đoạn văn phải viết danh-số của nó trôi ra ngoài lề.

Chú-ý : Khi chép lại các đoạn văn phải chép thật đúng, kể cả dấu chấm câu. Cố-gắng trình-bày sạch-sẽ. Giáo chức sẽ chấm điểm về cách trình bày và chữ viết.

(Xem lại Phần Hướng Dẫn cách làm Bài tập có Ký-hiệu S1 Trang 22 và 23).

III.— DÀN BÀI:

NHẬP-Ề :

— Cha em mua đồng-hồ khi nào ? (A)

— Mua ở đâu ? Giá bao nhiêu ? (B)

THÂN BÀI:

— Cái đồng-hồ hình gì ? Bao to ? (C)

— Mặt kính như thế nào ? (D)

— Bên trong mặt kính có gì ? Tả ra. (E)

— Mặt đồng hồ như thế nào ? Có gì ? (G)

— Có những số nào ? Các số ấy nằm ở đâu ? (H)

— Giữa mặt đồng-hồ có gì ? (I)

— Công-dụng và chuyển-động của hai cây kim ? (K)

— Phía sau mặt đồng-hồ có gì ? Tả ra. (L)

— Phía dưới bộ máy có gì ? Tả ra. (M)

— Đồng-hồ điềm khi nào ? (N)

— Nhờ tiếng chuông điềm mà ta biết gì ? (O)

— Đồng-hồ có cần-thiết và ích lợi không ? (P)

— Đối với cha mẹ, anh chị và em, đồng hồ ấy có ích lợi gì ? (Q)

KẾT-LUẬN :

— Ba em gìn-giữ đồng-hồ như thế nào ? (R)

— Bao lâu mới lên dây và lau chùi ? (S)

— Khi nghe đồng-hồ điềm, em nghĩ gì ? (T)

IV.— BẮN VĂN DÙNG LÀM BÀI TẬP :

(1) Chiếc đồng-hồ đó đã làm cho phòng khách nhà tôi thêm vẻ trang-trọng. Nó là vật rất cần-thiết và có ích cho mọi người trong gia-đình.

(2) Vỏ nó là một hộp gỗ, khối chữ-nhật: dài chừng sáu tấc, rộng độ ba mươi phân và dày lối nửa gang tay. Phía trước có mặt kính trong suốt.

(3) Bởi vậy, cha tôi giữ-gìn nó rất cẩn-thận. Ngại cấm chúng tôi sờ mó vào đồng-hồ.

(4) Từ lâu cha tôi có ý định mua một chiếc đồng-hồ quá lắc. Nhưng mãi đến chủ-nhật vừa rồi, người mới có dịp rảnh đi phố để mua.

(5) Giữa mặt đồng-hồ có hai kim màu đen, đầu nhọn như mũi tên, thân có vệt làn-tinh trắng. Hai kim này chạy vòng tròn.

(6) Hôm đó cha tôi có dẫn tôi đi theo. Vì tính cẩn-thận, người đã đi rảo từ tiệm này đến hiệu khác để chọn lựa và trả giá. Tới tiệm thứ ba, người mới chọn mua được một cái đồng-hồ khá đẹp, giá tám ngàn đồng.

(7) Cứ một tuần là người lên dây đồng hồ một lần. Thỉnh-thoảng người sai tôi lấy giẻ mềm lau vỏ và kính cho sạch bụi.

(8) Mặt này gồm một tấm kính lồng vào khung gỗ hình chữ-nhật. Ở mỗi góc của khung có chạm hình hoa hồng, sơn màu nâu bóng loáng, trông rất đẹp. Tất cả bộ-phận quan-trọng đều được mặt kính đó che-chở.

(9) Phía dưới bộ máy lủng-lẳng một quả chuông đồng hình tròn giẹp. Nó chuyển động suốt ngày đêm. Không ngừng đưa đi đưa lại, nó gây ra tiếng kêu «tic-tắc» thật là đều-đặn.

(10) Mở mặt kiếng ra, bên trong đồng-hồ chia làm hai phần. Phần trên là bộ máy nằm bên trong mặt đồng-hồ. Phần dưới là một trái chuông.

(11) Kim ngắn và lớn chỉ giờ. Kim dài và nhỏ chỉ phút. Mặc dù hai cây đều chuyển-động nhưng tôi trông thấy hình như chúng đứng yên một chỗ.

(12) Mặt đồng-hồ trắng bóng như được tráng men sứ. Trên mặt có mười hai số rõ-ràng, đen bóng, sắc-sảo từng nét.

- (13) Cứ mười lăm phút hay nửa giờ, chuông đổ «leng-keng». Và mỗi giờ chuông lại đổ «leng-keng», rồi sau đó điểm từng tiếng một.
- (14) Đôi khi nghe đồng-hồ điểm, tôi tự-nhủ : «Thời-gian qua, mình đã cố-gắng học-hành chưa? Thời giờ rất quý-báu, ta không nên hoang-phí!»
- (15) Các số từ «1» đến «12» rải đều trên một khung hình chữ-nhật và cách khoảng đều nhau. Từ một số đến số kế-cận có năm gạch nhỏ giúp ta nhận rõ từng phút.
- (16) Nếu lúc nó điểm, ta chú-ý đếm xem mấy tiếng là biết lúc đó mấy giờ. Nhờ vậy, ban đêm ta cũng biết giờ-giấc mà không cần nhìn vào mặt đồng-hồ.
- (7) Sau mặt đồng-hồ là bộ máy gồm nhiều bánh xe bằng đồng đồ sộ và một dây thép cuộn tròn bằng thép, màu xanh sẫm.
- (18) Nó giúp cha tôi biết giờ đi làm, má tôi biết sớm trưa để đi chợ, nấu cơm và anh em chúng tôi tránh nạn đi học quá sớm hoặc quá trễ.

V.— BÀI CHỮA :

Xem Bài chữa số 06/S1 (Phần III)

PHIẾU LÀM BÀI SỐ 06/S1

Của trò :	ĐIỂM SỐ :
Số : Lớp Năm :	
Lời phê :	

ĐỀ LUẬN : Ba em vừa mua một đồng-hồ quả lắc. Hãy tả chiếc đồng-hồ ấy.

PHẦN KIỂM SOÁT :

A	B	C	D	E	G
H	I	K	L	M	N
O	P	Q	R	S	T

PHẦN BÀI LÀM :

[] (1)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

- (1).— Điền giữa hai ngoặc này danh-số của đoạn văn sẽ viết vào các hàng gạch ngang bên phải. Ngoài ra mỗi khi bắt đầu viết một đoạn văn nào phải viết danh-số đoạn-văn ấy giữa 2 ngoặc đơn, đặt trời ra ngoài lề, ngay hàng dọc với danh-số đầu tiên này.

Lề đề danh-số
các đoạn văn.

Phần trình-bày các đoạn văn

[]

TRANG 3 TÊN HỌC-SINH

Lề đề danh-số
các đoạn văn.

Phần trình-bày các đoạn văn

[]

Đường để xé

BÀI TẬP SỐ 07/D1

I.— ĐỀ-LUẬN : Tả chiếc xe Honda.

II.— LƯU-Ý : Học sinh cần đọc kỹ và triệt-đề tuân-hành những lời dặn về cách tả đồ vật và lời hướng dẫn chung về các làm bài tập theo loại diễn-pháp ở phần I có liên quan mật thiết đến cách làm bài tập này, đồng thời quan sát kỹ chiếc xe thật để tìm ý.

Bài làm này dài từ 20 đến 25 hàng.

III.— DÀN BÀI HƯỚNG-DẪN TÌM VÀ SẮP Ý.

A— NHẬP-ĐỀ :

Giới-thiệu chiếc xe :

— Trông thấy ở đâu ? Lúc nào ? Của ai ?

B— THÂN BÀI :

1— Hình dáng chung :

— Giống cái gì ?

— Cao ? Dài ? Nặng ?

— Màu ? Cũ hay mới ?

2— Đặc-điểm từng bộ-phận :

Tả từ trước ra sau, từ trên xuống dưới ;

— Sườn.

— Tay lái, đèn, đồng-hồ tốc-độ....

— «Đè» xe.

— Yên — «Bọt-ba-ga».

— Máy.

— Sên.

— Bánh xe.

— v.v. .

3— Công-dụng của xe và cách xử-dụng :

— Chạy nhanh.

— Chở nặng.

— Cởi êm, đỡ đi bộ vất-vả.

— Cách dùng : cho nổ máy, đổi tốc-độ, chạy, bóp còi, thắng, tắt máy...

C— KẾT-LUẬN :

— Em giữ-gìn, săn-sóc và dùng nó như thế nào để xe lâu hư và tránh gây tai nạn ?

BÀI TẬP SỐ 08/D1**I. — ĐỀ LUẬN :****Tả bản đồ Việt-Nam**

II. — LƯU-Ý : Cần đọc kỹ và tuân-hành triệt-đề những lời dặn về cách tả đồ vật và lời hướng-dẫn chung về cách làm bài tập soạn theo diễn pháp ở phần I có liên-quan mật-thiết đến cách làm bài tập này. Quan sát kỹ tấm bản-đồ Việt-Nam thật để tìm ý.

Bài làm này dài từ 20 đến 25 hàng.

III. — DÀN BÀI HƯỚNG-DẪN TÌM VÀ SẮP Ý :**A — NHẬP-ĐỀ :**

Cơ-hội nào làm em chú-ý đến bản-đồ ?

Bản-đồ treo ở đâu ?

B — THÂN BÀI :**I — Toàn thể :**

- Hình-dáng.
- Kích-tức
- Màu sắc.

2 — Chi-tiết :

- Chung quanh bản-đồ.
- Phần bản-đồ.
- Phần chú-giải,
- Các ước hiệu : chính, phụ, to, nhỏ,
- Các dòng chữ,
- V.V...

3 — Những cảm nghĩ về bản-đồ :

- Trình-bày đẹp, vẽ khéo.
- Cho ta cái nhìn rõ rệt bộ mặt quê-hương,
- Tượng-trưng cho tổ-quốc.
- Là di-tích của tiền-nhân và những người Việt đang sống cùng bao hy-sinh cao cả của họ.
- Hiểu và yêu tổ-quốc.

C — KẾT LUẬN :

Bồn phận, nghĩa-vụ của em đối với đất nước do bản đồ tượng-trưng :

Lúc còn học-sinh.

Khi trưởng-thành.

○ TẢ TÍNH-VẬT hay ĐỒ VẬT**II. — ĐỀ BÀI TƯƠNG-TỰ**

PHIẾU LÀM BÀI SỐ 09/THA1

Của trò: _____	ĐIỂM SỐ: _____
Số: _____ Lớp Năm: _____	
Lời phê: _____	

I— ĐỀ LUẬN:

Tả tấm bảng đen trong lớp em.

II— CÁCH LÀM BÀI:

Bản-văn dùng làm Bài tập sau đây có 30 chữ, nhóm chữ, phần câu hoặc câu in chữ đậm không thích-dụng. Học-sinh đọc thật kỹ Phụ-bản sau Bản-văn dùng làm bài tập để lựa lấy chữ, nhóm chữ, phần câu hoặc câu thích-dụng nhất thay vào các khoảng trống tiếp theo sau các chữ, nhóm chữ hoặc câu phải thay thế. Các chữ, nhóm chữ thay vào viết trên các gạch, mỗi gạch viết một chữ. Riêng phần câu hoặc câu thay vào thì viết trên các khoảng trống có nhiều chấm. Những chữ, nhóm chữ hoặc câu đã được thay thế phải gạch bỏ.

Thí dụ: mới vào bài có câu:

« Trong căn phòng em học _____, bảng đen được kê cạnh bàn... » ta thấy nhóm chữ in đậm nét « căn phòng em học » không thích-dụng. Tìm trong phụ-bản thấy có chữ « lớp em » thích-dụng hơn, ta điền hai chữ ấy trên hai gạch kê sau nhóm chữ « căn phòng em học » và gạch bỏ nhóm chữ đó.

(Xem lại Phần Hướng Dẫn cách làm Bài-Tập có ký hiệu THA1 trang 17 và 18).

III.— BẢN VĂN DÙNG LÀM BÀI TẬP:

Trong căn phòng em học _____, bảng đen được kê cạnh bàn ông giáo dạy học _____, gần vách tường, đối diện với những em nhỏ đi học _____.

Mặt bảng hình chữ-nhật phẳng: dài độ một thước thêm nửa thước nữa _____, rộng chừng một thước. Nó gồm ba tấm nhỏ _____ ván dầu nhẹ nhàng, mỏng manh để _____ sát nhau. Phẳng phiu, nhẵn mịn và đen bóng loáng, mặt bảng là địa-điểm _____ em thích sờ đến khi đi ngang qua. Nước sơn tốt của nó đã làm rất rõ ràng _____ lên những nét phấn trắng tinh. Những học-sinh ngồi phía sau cùng _____ lớp cũng có thể nhìn rõ mỗi một _____ nét chữ nhỏ trên

bảng. Chung-quanh mặt bảng có đóng những nếp ván.....
 như một đường chỉ viền **tứ-phương** Mặt
 bảng được treo vào khung bởi hai cái chốt gỗ

Tấm bảng có thể chạy vòng tròn..... quanh hai chốt
 ấy dễ-dàng. Khi xoay để đổi mặt bảng, em thấy hai mặt của nó
 đều bằng và láng như nhau. Chỉ khác ở
 chỗ một mặt sơn màu đen, một mặt sơn màu xanh. Trái lại
, mặt nào có thể viết được cả.

Trên cái giá được chế bằng gỗ lim chiếc bảng được gắn
 vào có hai chân to lớn, sơn màu đen chắc

Thầy giáo vừa giảng bài, vừa từ từ viết hoặc
 vẽ lên bảng. Vừa nhìn lên bảng, vừa lắng tai nghe, chúng em
 đã hiểu và thuộc rất ít bài học. Thỉnh thoảng em
 được gọi lên bàn thầy để làm tính và viết
 chính-tả. Có thì giờ được thầy khen, em cảm thấy may
 mắn lắm !

Sau mỗi lần viết, lau bảng bằng một miếng giẻ ẩm cho
 bụi phấn khỏi tung bay làm dơ đáy bầu không-khí tươi mát ban
 mai.

Bảng rất là tối-tân Giả sử nếu không
 có bảng đen, trò cũng như thầy sẽ đều gặp nhiều khó khăn
 trong việc dạy học như nhau

Cứ mỗi lần đi tới lớp là em nhìn tấm bảng trước
 tiên. Em thuộc lòng được bộ mặt đen sì
 nhưng đầy vẻ trang nghiêm của nó. Vì chính trên mặt bảng đó,
 qua những dòng chữ, tai em thường nghe
 những điều hay lẽ phải rất đắt tiền
 đề cho em học-hỏi. Ngoài bài học, em không bao
 giờ viết bậy trên bảng.

IV.— PHỤ-BẢN LIỆT-KÊ CÁC CHỮ, NHÓM CHỮ, PHẦN CÂU hoặc CÂU DÙNG THAY THẾ.

DANH TỪ : gỗ — bảng — lần — thầy giáo — nơi —
 học-sinh — mảnh.

ĐỘNG TỪ : Xoay — đến — ghép.

TÍNH TỪ : Sung-sướng — cần-thiết — quý báu — nổi
 bật — phẳng phồng.

TỰ-LOẠI KHÁC : rươi — cuối — gần hết — cũng —
 Tuy nhiên — từng — hoặc — lần lượt

NHÓM CHỮ hoặc PHẦN CÂU : bốn mếp — không quên
 — mắt em thường thấy — lớp em.

CÂU :

— Tấm bảng gắn trên một cái giá bằng gỗ lim, có hai
 chân to chắc và cũng sơn màu đen.

— Giả sử trong lớp học không có nó, thầy trò sẽ gặp nhiều
 khó-khăn trong việc giảng dạy và học-hành.

— Mỗi lần viết xong, chúng em lau bảng bằng một miếng
 giẻ ẩm cho bụi phấn khỏi tung bay làm bẩn bầu không
 khí của lớp học.

— Hai cái chốt giữ mặt bảng dính vào khung.

V.— BÀI CHỮA :

Xem Bản văn đúng chữ đựng trong Phiếu làm bài số
 01/L1 trang 45 và 46 để chữa bài tập này.

PHIẾU LÀM BÀI SỐ 10/L1

Của trò : _____	ĐIỂM SỐ : _____
Số : _____ Lớp Năm : _____	
Lời phê : _____	

I.— ĐỀ-LUẬN :

Tả cây bút chì.

II.— CÁCH LÀM BÀI :

Bản văn dùng làm bài tập sau đây có 31 CẶP chữ, nhóm chữ, phần câu hoặc câu đặt cạnh hay cách nhau nhưng cùng ở trong một câu hoặc một đoạn văn. Mỗi CẶP gồm hai thành-phần : Một thành-phần CHỮ ĐẬM và một thành phần CHỮ XIÊN. Mỗi thành-phần có thể là chữ, nhóm chữ, phần câu hay câu.

Học-sinh đọc thật kỹ mỗi CẶP để so sánh giữa thành-phần CHỮ ĐẬM và thành-phần CHỮ XIÊN mà LỰA lấy một. Thành phần không được chọn phải gạch bỏ (gạch đậm nét và xuyên ngang giữa hàng chữ). Như vậy, cả bài có 31 chữ, nhóm chữ, phần câu hoặc câu thích-dụng được LỰA giữ lại và 31 chữ, nhóm chữ, phần câu hoặc câu không thích-dụng bị gạch bỏ.

Thí dụ : Mới vào bài ta thấy câu « Trước ngày đi học đầu năm tựu trường một tuần, ba em.... » CẶP gồm có nhóm chữ đi học đầu năm (in chữ đậm) và chữ tựu trường (in chữ xiên) đi cạnh nhau là 2 thành-phần, ta phải đoán so sánh để LỰA lấy một và gạch bỏ một. Khi làm bài ta thấy muốn câu văn ngắn gọn và rõ nghĩa hơn, phải lựa lấy chữ tựu trường và gạch bỏ nhóm chữ đi học đầu năm.

(Xem lại Phần Hướng-Dẫn CÁCH LÀM LOẠI BÀI TẬP CÓ KÝ HIỆU L1 trang 16).

III.— BẢN-VĂN DÙNG LÀM BÀI TẬP :

Trước ngày đi học đầu năm tựu trường một tuần, ba em dẫn em đi đến hiệu tạp hóa sách để mua sắm đồ dùng học-sinh. Trong số những dụng-cụ mua sắm đó, có một cây bút chì rất đẹp, do chính tay em lục lạo tìm tòi để mua theo ý mình lựa mua.

Đó là loại viết chì thường, chứ không màu đen, da sơn màu vàng tươi óng ánh sáng lạn. So với gang tay em nó dài hơn một tí thôi. Nó dài hơn gang tay của em một tí. Thân bút hình vuông vức sáu cạnh đều lục giác đều, to gần bằng đầu ngón tay

út. Giữa thân có in dòng chữ và số «VIKIVA N.º 33». Nét chữ đen bóng, ngoằn ngoèo sâu lún sâu vào thân cây bút chì. Đó là tên viết tắt của nhà **xuất bản sản xuất** và số **loại thứ** viết chì. Gỗ thông của thân bút tiết ra sản xuất mùi thơm ngọt ngào dịu-dàag. Rất may là em lựa **nhắm trúng đích** một cây viết chì rất **lịch-sự** tốt. Gỗ nó rất mềm, màu nâu, lại không có sớ nên em chuốt rất dễ. Chuốt bằng dao hay bằng dụng-cụ riêng không khi nào gỗ thân cây lồm **chồm xơ-xác** hay bị vỡ từng **hột mảnh**. Em múc rất bé **nhọn** đầu chì, rồi nhẹ nhàng gạch thử xuống giấy. Chả cần đề mạnh hay thấm nước miếng em cũng thấy những vết đen đậm, có ngời. Ruột viết chì rất mềm dẻo nên dù chuốt cho nó ló dài hoặc nhọn đến đâu cũng không bị gãy **mòn**. Ở đầu thứ hai, bút chì có một khúc **gôm nhựa** mềm tròn, dài độ một phân. Một cái **khâu thép** **thiếc** mỏng, cũng màu vàng giữ gôm bám chặt vào đầu bút. **Phía trên** khâu có mấy dây đường vòng khi cao khi thấp và nhiều chấm nhỏ ăn sâu đầu **gôm** vào bút chì. **Trên khâu** có mấy đường vòng nổi lên hoặc **trũng xuống** và những chấm nhỏ lún sâu vào **gôm** cùng đầu bút.

Em dùng nó để vẽ, để chữa lỗi chính-tả và toán, để nháp các bài tập khác hoặc gạch hàng các trang giấy mới mua **trình trắng** hầu viết được ngay ngắn hơn. Nó là một dụng-cụ cần dùng hằng ngày. Rủi có bữa nào **bỏ quên** nó ở nhà, lỡ có **tuần** nào mà em **bỏ quên** cây bút chì không **đem theo**, vô lớp đến giờ vẽ hoặc chữa bài, em đành bó tay. Đề rồi, em bị thầy giáo **quở phạt** **churót** la. Vì thế, **nhưng** em luôn luôn cất nó trong hộp đựng viết và **đem theo** trong cặp hàng ngày **mãi mãi**.

Em giữ gìn **bảo vệ** nó rất **cần-thận** **từ-tế** để khỏi mất mát và rơi mạnh xuống đất. Vì bút chì có tốt cách mấy **rót** mạnh cũng bị gãy. Ngoài ra, **hơn nữa** trong lúc dùng, em không bao giờ ngậm bút chì vào miệng. Đó là thói **xấu không hợp pháp vệ-sinh**. Thói **xấu không hợp pháp vệ-sinh** **sạch sẽ**. Các thầy cô đã nhiều lần **căn-dẫn** chúng em **đừng** tập thói quen tai hại đó.

IV.— BÀI CHỮA:

Bản văn đúng dùng để chữa bài tập này chứa đựng trong Phiếu làm bài số 02/THA1 trang 47 và 48.

PHIẾU LÀM BÀI SỐ 11/B1

Của trò :	ĐIỂM SỐ :
Số : Lớp Năm :	
Lời phê :	

I.— ĐỀ-LUẬN :

Em vừa tìm thấy một quyển sách học quá cũ của mình. Hãy tả nó.

II.— CÁCH LÀM BÀI :

Bản văn dùng làm bài tập sau có 30 chữ, nhóm chữ, phần câu hoặc câu thừa được liệt-kê trong PHỤ-BẢN kể tiếp sau BẢN-VĂN. Căn-cứ vào Phụ-bản đó, Học-sinh **tìm** **bỏ** thật đúng những chữ, nhóm chữ, phần câu hoặc câu dư trong Bản-văn.

(Xem lại Phần Hướng Dẫn cách làm Bài-Tập có ký hiệu B1 trang 20 và 21).

III.— BẢN-VĂN DÙNG LÀM BÀI TẬP :

Sáng chủ-nhật vừa rồi, nhân trời nắng **sáng** tốt em mở tủ lục chồng sách ăm mốc **đem** phơi. **Bìa** sau rách nát mất ba góc. Bỗng em tìm thấy tận đáy tủ một quyển quá cũ **mắt** **chăm** **chăm** nhìn vào hình vẽ. Xem kỹ lại thì đó là quyển sách vỡ lòng em đã học cách đây năm năm. Nhiều trang bị **đán** **chấm** **thủng** **lỗ** **chỗ**.

Khổ sách hình chữ nhật : gáy sách bị rách **toe-toét** dài độ hai tấc rưỡi, rộng chừng một tấc. Ở góc phải, phía trên bìa sách, tên em được viết bằng nét chữ **nguyệt** **ngoạc**, khá lớn. Bỗng Màu xanh của chữ đã **nhoe** ra từng vũng. Bìa sách đã trở màu **vàng** **khè**, nhàu nhò và **đồ** **lông** **nguyệt** **ch**.

ngoạc. Bìa sau rách nát mất ba góc. Bìa trước viết đầy dấu mực loang-lổ. Màu tím lộn màu xanh lèm-nhèm phủ kín mấy hàng chữ nhỏ, « Văn Vui » che lấp một phần hai chữ « Văn Vui » to tướng. Hai chữ mang tên quyền sách mất đỏ in màu xanh đậm, chồng lên trên đáy tử hình một cậu bé đọc sách cách đây năm năm in nét vàng lợt.

Những nét vẽ xem kỹ lại giản-dị nay lại càng mờ nhạt hơn, phải chú-ý đem phơi mới thấy được những nét vẽ giản-dị. Gáy sách đã bị rách toe-toét, mặc dù ba em đã một lần dán thêm một giải giấy dày, nhất là màu đen.

Thời gian trôi nhanh quá! Lật vào các trang sách xám vàng bên trong, mặc dù ít nhiều tờ nào cũng bị cuốn tròn ở hai góc. Nhiều trang bị dán nhấm thủng lỗ-chỗ. Trang nào cũng đầy những dòng chữ rõ ràng, bị dán nhấm thủng đều đặn và đủ kiểu: nào chữ in, chữ viết; nào chữ thường, chữ hoa. Nhiều dòng bị vết tay bần bời mờ. Các hình vẽ vết tay đều được tô đủ màu: Cùi sách nơi kia màu xanh, màu đỏ; nơi nọ màu tím, nét tô màu vàng... Những nét tô lệch-lạc trông thật buồn cười! Nhiều trang to tướng bị xé mất, chỉ còn mép giấy xác-xơ dính vào cùi sách. Ở góc phải, phía trên bìa sách, tên em được viết bằng nét chữ nguệch-ngoạc.

Nhớ lại mới ngày nào em học trông thật buồn cười vỡ lòng, miệng đọc oang oang «i-tờ, tờ-i-ti», mắt chăm chăm nhìn vào hình vẽ bị xé mất trong các trang sách quen thuộc này nhưng trí không hề nhớ được chữ «i» chữ «tờ» ra sao! Thế mà bây giờ em đã biết làm đọc luận, tô màu làm tính. Thời gian trôi nhanh quá!

Quyền sách luận vỡ lòng này còn làm sống lại nơi em nhiều kỷ-niệm đẹp của thời thơ-ấu, nhất là hình dáng của cô giáo cũ đáng cho em kính mến suốt đời. Chính nhờ cô đã tận-tụy săn-sóc, dạy dỗ... đáng cho em kính mến suốt đời nên hôm nay em mới đủ sức theo học lớp năm.

IV.— PHỤ-BẢN LIỆT-KÊ CÁC CHỮ, NHÓM CHỮ, PHẦN CÂU hoặc CÂU DƯ TRONG BÀI LÀM :

DANH TỪ : luận — cùi sách — nét tô — văn vui—

ĐỘNG TỪ : đem phơi — đọc — viết —

TÍNH TỪ : to-tướng — sáng — mất —
nguệch-ngoạc.

TỰ-LOẠI KHÁC : nhất là — bỗng — mặc dù—

NHÓM CHỮ hoặc PHẦN CÂU :

..... đáng cho em kính mến suốt đời.

..... mắt chăm chăm nhìn vào hình vẽ.

..... trông thật buồn cười.

..... gáy sách bị rách toe-toét.

..... bị dán nhấm thủng.

..... bị xé mất....

đáy tử — tô màu — vết tay — những nét vẽ — giản-dị
cách đây năm năm — xem kỹ lại.

CÂU :

— Thời gian trôi nhanh quá!

— Nhiều trang bị dán nhấm thủng lỗ-chỗ.

— Bìa sau rách nát mất ba góc.

— Ở góc phải, phía trên bìa sách, tên em được viết với
nét chữ nguệch-ngoạc.

V.— BÀI CHỮA.

Bản văn đúng dùng để chữa bài tập này chưa đựng trong Phiếu làm bài số 03/TH1 trang 51 và 52.

PHIẾU LÀM BÀI SỐ 12/Đ1

Của trò :	ĐIỂM SỐ :
Số : Lớp Năm :	
Lời phê :	

I.— ĐỀ-LUẬN :

Nhân ngày tựu trường, ba má mua cho em một chiếc xe đạp để đi học để vất vả. Hãy tả chiếc xe đó.

II.— CÁCH LÀM BÀI :

Bản văn dùng làm bài tập kể sau không được chấm câu đầy đủ. Học-sinh đọc thật kỹ bản văn, dùng **40** dấu chấm câu kẻ sau đề **đặt** vào 40 chỗ thích-nghi nhất.

Nếu cần học-sinh cũng phải sửa chữa các chữ có liên-hệ đến dấu chấm câu mới đặt vào. **Ví dụ** : chỗ nào đặt thêm dấu hỏi, dấu than thì phải chữa các chữ theo sau các dấu mới đặt thành chữ hoa.

40 dấu chấm câu còn thiếu trong bản văn sau gồm có : 18 dấu chấm, 17 dấu phẩy (phết), 2 dấu than và 3 dấu mở đóng ngoặc kép.

(Xem lại phần hướng dẫn cách làm bài tập có ký hiệu Đ 1 trang 21 và 22).

III.— BẢN VĂN DÙNG LÀM BÀI TẬP :

Từ lâu ba má hứa mua cho em một chiếc xe đạp khi em lên lớp năm vào dịp khai giảng các trường tiểu-học năm nay các ngài đã thực-hiện lời hứa ấy thế là em có một chiếc xe đạp hiệu Parker xinh đẹp Sườn xe xanh lục kẻ

chữ trắng vành bánh và nan hoa mạ kền sáng loáng bàn đạp tay lái và hai cái chắn bùn bằng nhôm bóng đến đổi soi gương được nhờ gắng thêm bóng đèn màu và những dây điện xanh đỏ mà chiếc xe nổi hẳn lên trông có vẻ máy móc lắm bánh xe màu đỏ, còn mới toanh nổi bật từng đường chỉ nhỏ và còn nồng mùi cao-su bột-ba-ga bằng nhôm sáng bóng và rất vững chắc lần đầu tiên thấy em đi xe đạp đến trường các bạn xúm lại xem ai cũng trầm trồ khen chiếc xe đẹp người này ấn thử cái yên cao-su mềm mại nằm trên những lò-xo dòn-dẫy kẻ kia nhắc xe lên, dậm bàn đạp cho bánh quay tít rồi bóp tay thắng xem có ăn không có người lại tò-mò đánh vần những tên hiệu của xe toàn là tiếng Tây tiếng Mỹ khó đọc cả em cho vài người bạn thân đi dạo xe thử vài vòng xem chừng người nào cũng thích từ hôm có xe mới, em đi học không những không vất vả mà lại còn thích-thú là đang khác chiếc xe thật là một tên đầy-tớ tốt nhanh nhẹn và dễ bảo em quý nó bao nhiêu lại càng gìn-giữ và săn sóc nó bấy nhiêu chiều nào em cũng đem nó ra sân dựng ngược lên lấy giẻ lau cho sạch bụi nước và đánh bóng không sót chỗ nào. Nghĩ đến chiếc xe em nhớ tới công ơn cha mẹ các ngài đã làm việc nhọc nhằn và chịu khó tiện tặn để dành tiền mua xe cho em em quyết cố-gắng học-hành để chóng nên người tài-giỏi đền đáp phần nào công ơn ấy.

IV.— BÀI CHỮA :

Bản văn đúng cần dùng để chữa bài tập này chứa đựng trong Phiếu làm bài số 04/B1 trang 55 và 56.

BÀI TẬP SỐ 13/S1

I.— ĐỀ-LUẬN :

Tả chiếc máy thu-thanh.

II.— CÁCH LÀM BÀI :

Bản văn tả chiếc máy thu-thanh dùng làm bài-tập kể sau Dân bài được chia làm 20 đoạn, đánh số thứ-tự từ (1) đến (20) Thứ-tự các đoạn văn ấy không hợp lý vì sắp xếp lộn-xộn, khiến bài luận hư hỏng. Học-sinh suy luận và căn-cứ vào Dân bài kể sau để sắp lại, thế nào cho ý-từ được xếp đặt hợp-lý và mạch-lạc hẳn tả đúng «chiếc máy thu-thanh».

Trong Phiếu làm bài số 13/S1 có hai phần :

— PHẦN KIỂM SOÁT có các ô liên-tiếp A,B,C,D....T,U,V (từ trái qua phải, từ trên xuống dưới), học-sinh lần lượt viết danh-số các đoạn văn theo trật-tự mới vào các ô ấy.

— PHẦN BÀI LÀM là phần giấy trắng có các hàng gạch, học-sinh lần lượt viết lại các đoạn văn đã sắp xếp theo trật-tự mới. Sau mỗi đoạn văn đều phải xuống dòng (sang hàng). Đầu mỗi đoạn văn phải viết danh-số trời ra ngoài lề.

CHÚ-Ý : Khi chép lại các đoạn văn phải chép thật đúng, kể cả dấu chấm câu. Cố-gắng trình-bày sạch-sẽ và đẹp.

(Xem lại Phần Hướng Dẫn cách làm Bài Tập có Ký hiệu S1 trang 22).

III.— DÀN BÀI CHI-TIỆT :

NHẬP-ĐỀ :

- A — Dịp nào trò thấy chiếc máy thu-thanh ?
- B — Máy hiệu gì ? Sản xuất tại đâu ?

THÂN BÀI :

- C — Hình dáng chiếc máy thế nào ? Bao to ?
- D — Các mặt nhựa của máy thế nào ?

E — Ngoài các mặt nhựa, còn mặt nào bằng nhôm không?
Tả ra.

G — Mặt thứ sáu của máy có thể chia ra làm mấy phần?

H — Em thấy những nút nhựa của máy ở đâu?

I — Những nút ấy dùng làm gì?

K — Tắt và mở máy như thế nào?

L — Núm thứ hai và các núm khác dùng làm gì?

M — «Còng-tắt» đèn ở đâu? Dùng làm gì?

N — Phần thứ hai của mặt máy có gì?

O — Cây «ăng-ten» ở đâu? Tả ra.

P — Trên mặt máy có in những gì?

Q — Kim kim đài ở đâu? Khi di-chuyển kim ấy ta nghe thấy gì?

R — Dịp nào trò thấy các bộ phận bên trong chiếc máy?

S — Bên trong chiếc máy có những gì?

T — Chiếc máy có ích lợi gì đối với cha mẹ trò?

U — Chiếc máy đó đã cung-cấp cho trò và anh chị trò thú vui gì?

KẾT LUẬN:

V — Trò đã sẵn-sóc chiếc máy đó như thế nào?

IV.— BÀN VĂN DÙNG LÀM BÀI TẬP:

- (1) Tại một góc của phần này có một nút đỏ. Ấn nhẹ vào nút ấy tôi thấy mặt máy được rọi sáng, mới biết nó là «còng-tắt» đèn dùng rọi rõ mặt máy trong đêm tối.
- (2) Chính những âm-thanh phát ra từ chiếc máy bé nhỏ, tối-tân ấy đã là nguồn vui chung của gia-đình chúng tôi. Bà tôi thích tin-tức và bình-luận. Má tôi ưa cãi lương.
- (3) Nhìn chung, chiếc máy là một khối chữ-nhật: mặt đáy dài độ hai tấc rưỡi, rộng chừng sáu phân; chiều cao của máy khoảng một tấc rưỡi.

- (4) Những núm nhựa đen hoặc nổi cao lên trên mặt, hoặc lấp ló dưới những lỗ hõm vào máy. Núm nào cũng dày đặt những đường chỉ răng cưa song song với nhau. Chung quanh mỗi núm có những chữ Anh khắc sâu vào mặt nhôm.
- (5) Bởi vậy, ai cũng tâng-tiu nó. Riêng tôi, thỉnh-thoảng tôi lấy vải mềm lau chùi cho sạch bụi và bóng-loáng. Lâu lâu tôi xem chừng nếu «pin» yếu thì xin tiền má tôi, ra phố mua «pin» mới về thay.
- (6) Một cây kim màu vàng nằm cắt ngang mặt «mi-ca». Nếu mở máy rồi vặn núm kim dài thì cây kim ấy di-chuyển gần suốt chiều dọc của mặt «mi-ca». Lúc ấy ta có thể nghe tiếng nói của các đài phát-thanh: từ đài gần như đài Sài-gòn, đài quân-đội đến đài xa như đài Hoa-thịnh-Đốn, đài Luân-Đôn...
- (7) Nó là một loại máy xách tay, hiệu «National» sản-xuất tại Nhật. Ngày nào em cũng dùng nên đối với em, nó là vật rất quen thuộc.
- (8) Nếu phần thứ nhất có vẻ máy móc thì phần thứ hai của mặt máy nặng về mỹ-thuật hơn. Phần này có một khung «mi-ca» trong suốt.
- (9) Một hôm cả nhà đi vắng, tôi tò mò tìm hiểu sản-phẩm tài tình đó của loài người! Tôi mở nắp sau của máy ra.
- (10) Máy có bốn mặt nhựa đen bóng, một màu đen thùy-mị, khả ái. Có mặt nổi lên những đường gân song song hoặc đối xứng. Có mặt lấm-chấm những hàng lỗ to bằng đầu viết chì. Đó đây nổi bật lên một vài đầu đinh vít trắng lấp-loáng.
- (11) Nếu đề máy trên bàn thì mặt thứ sáu của nó chính là mặt đỉnh. Mặt này chia làm hai phần. Phần thứ nhất là nền mạ nhôm trắng mịn.

- (12) Người tiếp-tục cắt nghĩa cho tôi biết về mỗi núm :
- Núm hình trụ này dùng để mở và tắt máy. Tắt thì vặn núm theo chiều chữ « off » cho đến khi nào nghe tiếng « cắc » và cứng thì thôi. Mở thì vặn theo chiều trái lại. Nếu con muốn nghe càng to thì càng vặn núm ấy về phía chữ « Loud ».
- (13) Các anh chị và tôi ham nghe kịch hoặc tân nhạc. Chiếc máy gần như làm việc suốt ngày !
- Có lần ba tôi nói với tôi : « Ngày nào không được nghe « ra-dô », tao cảm thấy như thiếu thốn một cái gì ! »
- (14) Hai năm trước đây, cha tôi có mua một chiếc máy thu-thanh.
- (15) Một tấm nhôm trắng hình chữ-nhật che phủ mặt thứ năm của máy. Trên mặt ấy rải đều những hàng lỗ nhỏ, tạo thành những ô vuông, đều đặn. Đó là mặt ta nghe tiếng nói từ trong máy thoát ra.
- (16) Góc trái của mặt « mi-ca » có một cây « ăng-ten », mạ bạc lấp lánh. Gốc cây to gần bằng ngón tay út. Thân cây chia làm chín đoạn nối tiếp nhau, có thể kéo dài gần bảy tấc, nhưng cũng có thể thụt ngắn lại hoặc đẩy hẳn vào trong máy.
- (17) Tôi không biết những chữ ấy có nghĩa gì mới hỏi ba tôi :
- Ba ơi ! Những chữ này in cho đẹp hay để làm gì hở ba ?
- Ba tôi bảo :
- Nhờ các chữ ấy người ta mới biết công-dụng và cách dùng từng núm đó con ạ.
- (18) Chao ôi ! Trong ruột máy có cả một rừng dây chằng-chịt, bóng đèn dọc ngang. Nhiều khối vuông và định ốc rải-rác đó đây. Con mắt thường của tôi nhìn vào là tối mặt. Sợ hư, tôi vội-vàng lắp lại, đặt bốn cục « pin » vào chỗ cũ, rồi mở máy ra nghe thử. Rất may, máy không hề-hấn gì ! Tôi lại được nghe những nhạc-khúc oai-hùng, tươi trẻ của đài phát-thanh Sài-gòn.

- (19) Núm hình-trụ thứ hai để tìm đài. Còn hai núm kia : núm thì dùng điều-chỉnh âm-thanh trầm bổng, núm thì dùng để đổi tầng số.
- (20) Suốt chiều dọc của phần này có ba gạch song-song nhau. Đọc theo mỗi đường gạch có những chữ và số, hoặc đen, hoặc đỏ tuy chi-chít nhưng rất rõ-ràng, thứ-lự.

V.— BÀI CHỮA :

Bản văn đúng dùng chữa bài này chứa đựng trong Phiếu làm bài số 05/Đ1 trang 58, 59, 60 và 61.

PHIẾU LÀM BÀI SỐ 13/S1

Của trò : _____	ĐIỂM SỐ : _____
Số : _____ Lớp Năm : _____	
Lời phê : _____	

ĐỀ-LUẬN : Tả chiếc máy thu-thanh.

PHẦN KIỂM SOÁT :

A	B	C	D	E	G
H	I	K	L	M	N
O	P	Q	R	S	T
				U	V

PHẦN BÀI LÀM :

[] (1) _____

(1).— Điền giữa hai ngoặc này danh-số của đoạn văn sẽ viết vào các hàng gạch ngang bên phải. Ngoài ra, mỗi khi bắt đầu viết một đoạn văn nào phải viết danh-số đoạn-văn ấy giữa 2 ngoặc đơn, đặt trỏ ra ngoài lề, ngay hàng dọc với danh-số đầu tiên này.

Lề đề danh-số
các đoạn văn.

Phần trình-bày các đoạn văn

[]

TRANG 3 TÊN HỌC-SINH _____

Lề đề danh-số
các đoạn văn.

Phần trình-bày các đoạn văn

[]

Đường để xé

PHIẾU LÀM BÀI SỐ 14/TH1

Của trò : _____	ĐIỂM SỐ :
Số : _____ Lớp Năm : _____	
Lời phê : _____	

I.— ĐỀ-LUẬN :

Ba em vừa mua một đồng-hồ quả lắc.

Hãy tả chiếc đồng-hồ đó.

II.— CÁCH LÀM BÀI :

Bản-văn dùng làm bài tập kể sau có 30 chữ, nhóm chữ, phần câu hoặc câu thiếu. Học-sinh lựa trong Phụ-bản liệt-kê các chữ, nhóm chữ, phần câu hoặc câu dùng để điền-khuyết lấy chữ, nhóm chữ, phần câu hoặc câu thích-dụng nhất thêm vào các đoạn chấm nhỏ. Mỗi đoạn thêm một chữ. Riêng các phần câu hoặc câu thì thêm vào các dòng có nhiều chấm.

(Xem lại Phần Hướng Dẫn cách làm Bài tập có ký hiệu TH1 trang 19 và 20).

III.— BẢN-VĂN DÙNG LÀM BÀI-TẬP :

Từ lâu cha tôi có ý định mua một chiếc _____
 _____. Nhưng mãi đến chủ-nhật vừa rồi, người mới
 có dịp rảnh đi _____ để mua.
 _____. Vì tính cần-thận, _____

_____ Tôi tiệm thứ ba, người _____ chọn mua
 được một cái đồng-hồ khá đẹp, _____ tám ngàn đồng.

Vỏ nó là một hộp gỗ, _____ :
 dài chừng sáu tấc, rộng độ ba mươi phân và dày lổn _____
 _____. Phía trước có mặt kính trong suốt. Mặt này
 gồm một tấm kính lồng vào khung gỗ hình chữ-nhật. Ở mỗi góc
 của khung có _____ hình hoa hồng, _____ màu nâu bóng
 loáng, trông rất _____. Tất cả bộ-phận _____ đều
 được mặt kính đó che chở. Mở mặt kiếng ra, bên trong đồng-
 hồ chia làm hai phần. Phần trên là _____ nằm bên trong
 mặt đồng-hồ. Phần dưới là một trái chuông. Mặt đồng-hồ trắng

bóng như được tráng men sứ. Trên mặt có mười hai số rõ ràng, đen bóng. Các số từ «1» đến «12» rải đều trên một khung hình chữ-nhật và cách khoảng đều nhau. Từ một số đến số có năm gạch nhỏ giúp ta nhận rõ từng phút. Giữa mặt đồng-hồ có hai kim màu đen, đầu, thân có vệt lân tinh trắng. Kim ngắn và lớn chỉ giờ. Kim dài và nhỏ chỉ phút. hai cây đều chuyển-động nhưng tôi trông thấy hình như chúng đứng yên.

Sau mặt đồng-hồ là bộ máy gồm nhiều bánh xe bằng đồng sậm và một dây thiều cuộn tròn bằng thép, màu xanh sẫm. Phía dưới bộ máy lủng-lẳng một quả chuông đồng hình tròn giẹp.

Không ngừng đưa đi đưa lại, nó gây ra tiếng kêu «tic-tắc» thật là đều-đặn. Cứ mười lăm phút hay nửa giờ, chuông đổ «leng-keng».

Nếu lúc nó điềm, ta chú ý xem mấy tiếng là biết lúc đó mấy giờ. ban đêm ta cũng biết mà không cần nhìn vào mặt đồng-hồ.

Chiếc đồng-hồ đó đã làm cho phòng khách nhà tôi thêm vẻ trang-trọng.

Nó giúp cha tôi biết giờ đi làm, và anh em chúng tôi tránh nạn đi học quá trễ. Bởi vậy, cha tôi giữ-gìn nó rất cẩn-thận. Cứ một tuần là người lên dây đồng-hồ một lần. người sai tôi lấy giẻ mềm lau vỏ và kính cho sạch bụi.

Đôi khi nghe đồng-hồ điềm, tôi tự nhủ: «Thời-gian qua mình đã cố-gắng học-hành chưa?»

IV- PHỤ-BẢN LIỆT-KÊ CÁC CHỮ, NHÓM CHỮ, PHẦN CÂU hoặc CÂU DÙNG ĐỀ ĐIỀM-KHUYẾT:

DANH TỪ: giá — bộ máy — đồng — giờ giấc — đồng hồ quả lắc — phổ — khối chữ-nhật,

ĐỘNG TỪ: chạm — đếm — sơn.

TÍNH TỪ: kế-cận — quan-trọng.

TỰ LOẠI KHÁC: mời — Mặc dù — Nhờ vậy — Thỉnh-thoảng — sớm.

NHÓM CHỮ và PHẦN CÂU:

nửa gang tay — một chỗ — nhọn như mũi tên — sắc-sảo từng nét — ...người đã đi rảo từ tiệm này đến hiệu khác để chọn lựa và trả giá. — ... mà tôi biết sớm trưa để đi chợ, nấu cơm...

CÂU:

- 1- Thời-giờ rất quý báu, ta không nên hoang-phí!
- 2- Hai kim này chạy vòng tròn.
- 3- Hôm đó cha tôi có dẫn tôi đi theo.
- 4- Nó chuyển-động suốt ngày đêm.
- 5- Và mỗi giờ chuông lại đổ «leng-keng», rồi sau đó điềm từng tiếng một.
- 6- Ngài cấm chúng tôi sờ mó vào đồng-hồ.
- 7- Nó là vật rất cần-thiết và có ích cho mọi người trong gia-đình.

V- BÀI CHỮA:

Bản văn đúng cần dùng để chữa Bài tập này chứa đựng trong phiếu làm bài số 06/S1 trang 64, 65, 66 và 67.

● TẢ THỰC-VẬT hay CÂY CỐI

I.— ĐỀ BÀI CHÍNH

Của trò : _____	ĐIỂM SỐ : _____
Số : _____	Lớp Năm : _____
Lời phê : _____	

I.— ĐỀ-LUẬN :

Tả bụi chuối ba em trồng trong vườn

II.— CÁCH LÀM BÀI :

Bản văn dùng làm bài tập kể sau có 35 CẶP chữ, nhóm chữ, phần câu hoặc câu để chọn LỰA. Mỗi cặp để chọn lựa có 2 đơn-vị. Hai đơn-vị này đứng kế hoặc cách xa nhau nhưng cùng ở trong một câu hoặc một đoạn văn. Chỉ có một đơn-vị được chỉ-định rõ ràng bằng chữ in đậm nét. Chữ, nhóm chữ, phần câu hoặc câu in đậm nét có thể được chọn lựa hoặc gạch bỏ.

Học-sinh đọc thật kỹ để chọn lấy 35 chữ, nhóm chữ, phần câu hoặc câu thích-dụng để lại và gạch dưới nếu nó không phải là chữ in đậm nét. Đồng thời gạch bỏ chữ, nhóm chữ, phần câu hoặc câu không thích-dụng.

(Xem lại Phần Hướng Dẫn Cách làm Bài Tập có ký-hiệu L2 trang 17).

III.— BẢN VĂN DÙNG LÀM BÀI TẬP :

- (1) Gần giếng nhà em, ba em đào một hào ao rộng. Trên Dưới hào, ông trồng một bụi cây chuối già-hương. Bao nhiêu nước tắm rửa, rác rến và giấy vụn đều chảy tấp vào đấy. Nhờ vậy, bụi chuối tươi-lốt quanh năm. Bụi chuối xanh tốt suốt mười hai tháng trong năm nhờ nước và rác đó.

- Bụi chuối gồm năm cây mẹ chen gốc với sáu cây con cái. Thân cây mẹ nào cũng vừa to, vừa thẳng đứng như pho tượng cột nhà. Bề ngoài của nó em thấy nhẵn bóng và mát mẻ. Vỏ nó nhẵn bóng, rờ đến em cảm thấy mát rượi. Trên ngọn tỏa ra những chùm lá xanh thẫm tựa chùm lông chim khổng-lồ y-hệt. Những tàu lá vươn cao, in bóng rợp cả một khoảng rộng quanh giếng nhà tôi. Lá già chưa kịp héo thì búp non đã nẩy lên, cuộn tròn và chọc thẳng lên trời chung quanh. Sau ít ngày tháng lá đột lại nở ra, nở-nà như tấm lụa xanh,

- (17) Thật là tuyệt đẹp hết chỗ nói! Bạn có bao giờ ngắm nhìn tàu chuối phát-phơ trước gió không các bạn? Có khi đêm khuya tĩnh-mịch nào bạn nằm trong nhà ở ngoài vườn lắng nghe giọt mưa rơi « lộp-độp » trên tàu chuối không? Nếu có, bạn mới thấy cây chuối đôi khi đem lại cho ta những cảm giác đầy thú vị. Nếu có đôi khi đem lại cho ta những cảm-giác mới thấy cây chuối hay hay.

- (25) Hiện giờ bụi chuối nhà tôi ấy có cây đang trổ bắp và nở hoa. Bắp chuối đỏ au tím sậm, to bằng đùi vế. Một vài cây đã mang buồng dài lê-thê. Tám chín cây nặng trĩu những buồng dài. Có buồng trên mười nải, thế mà nải nào cũng chen-chúc chồng chất những trái nhiều hoa. Trái nào cũng thẳng cứng và to bằng bắp tay em bé lên một.

- Em còn nhớ cách đây 7 ngày một tuần có một buồng chuối chín ngoài vườn cây. Thế mà cả nhà đều vô tình không ai biết chẳng người nào am tường. Đến khi hương nó tỏa bay ra thơm phức thì ba em ông mới thấy.
- (35) Nhìn lên ông mới hay gần nửa nải bị chim hoặc giới ăn mất. Khi nhìn mới thấy cảnh gần nửa nải chuối chín bị chim hoặc giới ăn tiêu. Ba em gọi má và anh em cả nhà ra phụ đỡ để người chặt buồng chuối ấy đem vào nhà. Hai người khá khỏe, thế mà khi buồng chuối vừa lia thân cây, họ đều muốn ngã! Dù có khỏe mạnh đến đâu cũng muốn ngã khi buồng chuối lia khỏi trên cây chuối.

- Người nào đến nhà em chơi nếu người ấy trông thấy bụi chuối, họ cũng tấm-tắc ngợi-khen. Nhưng ít ai thông cảm đề ý đến công-lao chăm bón vất-vả của ba em
- (45) Ông đã phải bỏ nhiều thì giờ để đào hào, xới đất và bón phân. Nhờ vậy, khóm chuối mới xanh tốt và sai nải. Nhờ thế mà khóm chuối mới sinh tốt và sai buồng. Quanh năm gia-đình em được ăn chuối thỏa-thích. Đôi khi ăn không hết, còn thừa má em đem ra chợ bán. Đôi
- (50) khi ăn không hết, má em phải mang cả chục nải chuối chín ửng vàng ra chợ bán. Chuối thật là một loại cây dễ trồng lại còn cho ta nhiều lợi hại.

IV.— BÀI CHỮA.

Xem bài chữa 15/L2 (Phần III).

PHIẾU LÀM BÀI SỐ 16/THA2

Của trò :	ĐIỂM SỐ
Số : Lớp Năm :	
Lời phê :	

I— ĐỀ-LUẬN :

Tả bụi mía và nói ích-lợi của cây mía.

II— CÁCH LÀM BÀI :

Bản văn dùng làm bài tập kể sau có 35 chữ, nhóm chữ, phần câu hoặc câu không thích-dụng phải thay thế. Các chữ, nhóm chữ phải thay ở liền trước các đoạn chấm nhỏ. Các phần câu hoặc câu phải thay ở liền trước khoảng trống có nhiều chấm.

Học-sinh tìm trong Phụ-Bản những đơn-vị thích-dụng để THAY THẾ các đơn-vị không thích-dụng trong Bản Văn. Các chữ, nhóm chữ thay thế viết trên các đoạn chấm nhỏ, mỗi đoạn viết một chữ. Các phần câu hoặc câu thay thế viết trên các khoảng trống có nhiều chấm. Các đơn-vị đã được thay thế phải gạch bỏ.

(Xem lại Phần Hướng dẫn cách làm Bài Tập có ký hiệu THA2 trang 18 và 19).

III— BẢN VĂN DÙNG LÀM BÀI TẬP :

- (1) Ba em có trồng tại góc vườn một bụi mía thanh diệp. Giữa vùng đất màu mỡ và ướt-át thường xuyên bụi mía lối hai chục cây chen nhau dất đứng.

- (5)

- (8) Cây nào cây nấy cũng to lớn....., tươi tốt. Thân cây mía vừa nắm gọn trong lòng một bàn tay

- (9) _____ Chiều cao các cây cao thấp
(10) không bằng _____ nhau. Cây cao nhất dài ba thước. Vỏ cây như được sơn một nước sơn tím sẫm, sần sùi _____. Tuy có đốt hẹp _____, đốt thưa, nhưng đốt ngắn nhất cũng dài bằng ngón út của em. Giữa các đốt là những đầu mắt, chung quanh phủ nhiều rễ phụ nhỏ ngắn _____

- _____. Trên đợt một chùm lá mọc sát vào nhau tỏa _____ lên không khí _____. Lá mía dài gần hai thước, mép như dao bén lưng không trơn tru như các thứ lá khác _____
(20) Ai cầm vô tình thì bị đứt tay ngay _____
_____. Lá mọc giữa ngọn _____ cây đâm thẳng lên trời như ngọn cây _____. Lá già tua ra hai bên _____ hoặc rũ xuống _____
(25) gốc làm cho bụi mía thêm hoang vu _____. Khi gió thổi mạnh lá mía đánh đập vào nhau nghe soàn-soạt bắt sự sệt _____

- _____. Thân cây mía hoặc thẳng hoặc không thẳng _____ và không cứng mấy. Trái lại _____, ngọn nó lại có nhiều lá. Muốn mía khỏi ngã, cha tôi thường buộc chùm cây nọ vào _____ cây kia. Mía trồng sắp được _____ nửa năm là thân cây đã cao và già. Có cây da _____ quá cứng, rạn nứt nhiều chỗ _____

- (35) Những cây mía già được chặt về, cắt hết đầu mào. tiện ra từng lóng. Róc sạch vỏ ngoài, ta thấy bên trong cây _____ mía trắng ngà, chứa đầy nước ngọt. Nước mía đã thể lại còn ngọt thanh hơn nước đường và thơm nữa _____

- (40) _____ Mía dùng ăn tươi hoặc cán lấy nước làm thức uống. Ngoài ra mật nó dùng làm đường ăn, một

- (43) món ăn ai cũng cần. Tuy không bằng đường nhập cảng, đường mía vẫn hơn về chất ngọt và bở. _____

- (45) _____

Tại bờ sông người ta thường cấy _____ mía từng đám một vì mía ưa nơi đất ẩm, lại dễ trồng và có nhiều kết quả _____. Ở thôn quê, phần nhiều nhà nào cũng (50) trồng vài khóm mía ngoài vườn để tặng _____ quà cho trẻ con.

- Khi mẹ tôi bận việc mà bị các em nhỏ la rầy _____ thì bà ra vườn chặt một cây mía chia cho từng _____ đưa một khúc. Thế là tụi nó mới để bà bình (55) tĩnh _____ làm việc. Đôi lúc bà đi thăm bà con ở tỉnh, không có gì thì chặt mấy cây mía đem theo để làm quà cho người ta vui lòng. _____

- (60) Ba em qui trọng mấy bụi mía lắm. _____
_____. Hễ lúc nào rảnh là ông ra vườn làm việc lo lắng cho _____ chúng : Khi thì xới đất nhổ cỏ ; khi thì tưới nước, lột lá... Thỉnh (65) thoảng ba em còn lấy đất màu vun thêm gốc mía. Nhờ vậy, bụi mía ngày càng thêm tốt đẹp gió không ngã và dễ coi nữa _____

IV.— PHỤ-BẢN LIỆT-KÊ CÁC CHỮ, NHÓM CHỮ, PHẦN CÂU VÀ CÂU DÙNG ĐỀ THAY-THẾ

DANH TỪ : đọt — vỏ — lợi — ruột — không-trung —
giáo — đường.

ĐỘNG TỪ : quấy-phá — trồng — làm — săn-sóc.

TÍNH TỪ : trơn láng — nhạt — cong — non —
rậm-rạp — chênh-lệch — tua tủa —
yên tâm — bu-bẫm.

TỰ-LOẠI KHÁC : chung-quanh — với — Đã thế — mỗi.

NHÓM CHỮ hoặc PHẦN CÂU : — cạnh sắc, mặt nhám.
— ... sum-sê, vững gốc
và dễ coi
— một nắm tay.

CÂU :

- 1- Đôi lúc mẹ tôi đi thăm bà con ở tỉnh, lại chặt mía đem theo làm quà.
- 2- Khi trời nổi gió, lá mía đập vào nhau soàn-soạt nghe rộn cả người.
- 3- Những đầu mắt ở giữa các đốt lùn-phún nhiều rễ phụ nhỏ và ngắn.
- 4- Giữa mô đất nhỏ có vẻ màu-mỡ và ẩm-trót quan năm, lối hai chục cây mía chen-chúc như giành nhau đất đứng.
- 5- Người nào cầm nó sợ-y có thể bị cắt đứt tay.
- 6- Đường mía có nhiều chất ngọt và bổ tuy nó không trắng bằng đường nhập-cảng.
- 7- Ba em quí bụi mía ấy lắm.
- 8- Nước mía ngọt thanh hơn nước đường, đã thế lại còn thơm và ngon.

V— BÀI CHỮA : Xem bài chữa số 16/THA 2 (Phần III)

PHIẾU LÀM BÀI SỐ 17/TH2

Của trò : _____	ĐIỂM SỐ : _____
Số : _____	Lớp Năm : _____
Lời phê : _____	

I.— ĐỀ-LUẬN :

Tả cây mít trong vườn em.

II.— CÁCH LÀM BÀI :

Bản văn dùng làm bài tập kể sau có 35 chữ, nhóm chữ, phần câu hoặc câu thiếu. Học-sinh đọc thật kỹ và lựa lấy chữ, nhóm chữ, phần câu hoặc câu thích-nghĩ nhất trong Phụ-bản kể sau Bản văn đề thêm vào các chỗ trống () trong Bản-văn.

III.— BẢN-VĂN DÙNG LÀM BÀI TẬP :

- (1) Vườn em trồng nhiều loại cây, nhưng cây lớn nhưt là một cây mít. Nếu nhìn từ xa người ta có thể tưởng lầm nó là một cây cổ-thụ vì hình dáng _____ của nó. Theo lời ba má em _____ thì cây mít này do ông cố em trồng cách đây lối nửa _____.

- Nó cao độ tám thước. Có lần em ôm thử gốc cây thì thấy nó _____.
- Thân cây không được thẳng lắm lại có nhiều mắt và _____ nổi lên. Vỏ cây _____, mốc meo,
- (10) loang - lổ từng vũng _____ đen, trắng hoặc xám.

- Chồi nào cũng mang những nụ nõn nà và lá xanh um.
- Ở độ cao lối ba thước, thân cây _____
- (15) ba cành to và dài. Mỗi cành lại nứt ra _____
- _____. Lá mít _____ xòe ra tứ phía. Lá dày, cứng và to vừa bằng _____.
- (18) non xanh _____, xen lẫn vào một ít lá

- (19) vàng úa. _____
- (20) _____
 Những lá già rụng xuống phủ kín một vùng đất im
 mát _____ quanh gốc cây. Rễ mít đâm sâu vào
 lòng đất, chỉ một phần ít rễ lớn tiếp giáp với thân cây
 _____ mặt đất.
- (25) Mỗi năm, cứ đến mùa mít là cây mít này _____
 những trái. Nếu đếm, cả cây có đến _____
 và lối trên dưới năm chục quả, _____
 Quả còn non to bằng _____. Mít già sắp
 chín, có trái to gấp _____ quả ban đá. Quả
- (30) nào cũng nhuộm màu xanh lục, _____ những
 gai nhọn san-sát nhau. Thỉnh-thoảng vài quả chín, màu
 vỏ _____ vàng nhạt. Có quả đa bị _____
 từng vết, tỏa một mùi thơm _____.
- Má em thường hái mít già về phơi nắng rồi đem
- (35) _____ Ba bốn hôm sau là mít chín. _____ mít ra, ta
 thấy giữa lòng quả một cùi. _____
- Vô ý để nó dính vào quần áo thì khó mà giặt sạch !
 Quanh cùi có rất nhiều múi. _____
- (40) _____
- Múi nào cũng to nhưng bóc bên trong ta chỉ thấy một
 hột nhỏ bằng đầu ngón tay cái. Xen giữa các múi là một
 vài cọng xơ trắng. Nhiều quả mít khá lớn, bóc ra, bóc vỏ
- (45) và xơ bỏ đi, cũng còn một rổ to múi.
 Cứ mỗi lần có mít chín là cả nhà _____ ăn !
- Hột nó nấu chín ăn bùi và béo lắm sao ! Ngoài ra, xơ mít
 còn là _____
- (50) _____, Đôi khi mít chín quá nhiều ăn không
 hết, má em phải đem ra chợ bán. _____
- Mít là loại cây có nhiều lợi. Ngoài trái dùng để ăn, nó
 còn cho ta _____ để đóng đồ. _____
- (55) _____, Vì thế ở làng em, hễ nhà nào
 có đất là người ta thường trồng mít.

IV.— PHỤ BẢN LIỆT-KÊ CÁC CHỮ NHÓM CHỮ, PHẦN CÂU HOẶC CÂU DÙNG ĐIỀN-KHUYẾT.

DANH TỪ :

thế-kỷ — bươu — bình trà — gỗ — rêu —

ĐỘNG TỪ :

chia ra — trở nên — Bỏ — thuật lại — ủ —

TÍNH TỪ :

um-tùm — lũng-lảng — đồ-sộ — lỏm-chởm
 sần-sùi — nứt-nẻ

TỰ-LOẠI KHÁC :

tha-hồ — mon-mỏn — ngào-ngạt

NHÓM CHỮ và PHẦN CÂU :

- nhiều nhánh nhỏ
- hàng trăm nụ
- suốt năm
- bốn năm lần
- vừa vặn trong vòng tay
- to nhỏ đủ cỡ
- bàn tay em
- trôi lên trên
- món ăn rất hấp-khẩu của heo, bò v.v...

CÂU :

- 1 — Gặp cơn gió thổi lá mít đập vào nhau
xào-xạc
- 2 — Mỗi múi là một túi cơm vàng, dày, mềm,
chứa đầy mật ngọt thanh và thơm phức.
- 3 — Từ gốc trở lên, lác-đác mọc vài chồi nhỏ
- 4 — Hết ăn múi em lại ăn hột mít luộc
- 5 — Có bữa bà thu được bạc ngàn.
- 6 — Cùi này tiết ra chất mũ trắng.
- 7 — Hơn nữa, nó là loại cây dễ trồng.

V.— BÀI CHỮA :

Xem bài chữa số 17/TH2 (Phần III).

PHIẾU LÀM BÀI SỐ 18/B2

Của trò : _____	ĐIỂM SỐ : _____
Số : _____ Lớp Năm : _____	
Lời phê : _____	

I— ĐỀ LUẬN :

Tả cây đa ở đình làng em

II— CÁCH LÀM BÀI :

Bản-văn dùng làm bài tập kể sau có 35 chữ, nhóm chữ, phần câu hoặc câu dư. Các chữ, nhóm chữ, phần câu hoặc câu dư **chứa đựng** trong Phụ-bản kể sau Bản-văn. Trong Phụ-Bản có những chữ nhóm chữ, phần câu hoặc không phải là thành phần dư trong Bản-văn lẫn lộn vào. Học-sinh dùng Phụ-bản ấy chọn **bỏ** thật đúng những chữ, nhóm chữ, phần câu hoặc câu dư trong Bản-văn.

(Xem lại phần hướng dẫn cách làm bài tập có ký hiệu B2 trang 21)

III— BẢN VĂN DÙNG LÀM BÀI TẬP :

- (1) Sừng sững đứng giữa cánh đồng tĩnh mịch, trấn áp không một tiếng động, cạnh ngôi đình cổ-kính, sum-sê không biết mọc lên từ thuở nào, cây đa cổ thụ làng tôi vươn lên, trấn áp cả một vùng rộng lớn.
- (5) Những cành lá sum-sê, xanh tốt quanh năm, nổi bật cây đa cổ-thụ lên như một khu rừng nhỏ, che phủ gần hết những mái đình cong cong sừng-sững. Ngôi đình làng thêm vẻ thiêng-liêng, cổ-kính có lẽ phần lớn nhờ cây cổ-thụ này. Những trưa hè oi-ả, cổ-kính gốc đa
- (10) thường là nơi lánh nắng của nhiều nông-dân và khách qua đường rộng lớn.

- Thân cây to lớn, thiêng-liêng bốn người nông dân ôm mới giáp vòng tay nhau. Nếu lấy thước đo, bề cao thân cây có đến tám chín thước. Lá đa dày, to bằng bàn tay.
- (15) Chim-chóc kéo nhau tới ngọn cây làm tổ và kêu hót

- (16) vang lừng. Vỏ cây xù-xì, đen sậm, lõm-chỗ những vũng rêu xanh hoặc mốc. Có nơi vỏ bị mục cong-cong, bề từng mảng. Ngoài ra, thân nó có lẽ chỗ thì nổi lên, chỗ thì lõm xuống. Nhiều rễ phụ bám liền quanh thân, tạo thành những khoảng trống trong cây. Giá có ai núp vào đó, người ở xa khó mà trông thấy thân cây to lớn. Dưới gốc, rễ đa to chẳng khác gì cành cây, nổi hẳn lên, thành những cây cột ăn lan trên một khoảng đất khá rộng tĩnh-mịch. Nhiều khúc rễ nhẵn bóng vì liền vào thân cây hàng ngày chúng đã được chọn làm ghế ngồi cho khách thập-phương mỗi khi đi xa về.

- Cành cây tỏa ra từ phía thập-phương như hình cái tán sừng-sừng đứng giữa cánh đồng, che rợp cả một khoảng đất rộng lớn. Nhiều rễ phụ bám liền quanh thân tạo thành những khoảng trống trong cây. Cành to, cành nhỏ chen chúc hoặc đan vào nhau khó mà trông thấy. Cành nhỏ nhất cũng to gấp đôi bắp chân tôi hằng ngày. Từ cành cây nhiều rễ phụ rũ xuống. Có rễ đâm thủng mặt đất để rồi trở thành rễ chính, hút nhựa nuôi cây, hoặc thành những cây cột che phủ chống đỡ cho cành thêm vững và vươn ra xa hơn. Nhiều rễ phụ khác treo lơ-lửng trên không-trung. Hàng ngày nhiều trẻ chăn trâu tụ-tập tại gốc đa, thi nhau búi lấy các rễ phụ thả hồ kêu hót đánh đu hoặc lán nắng kết chúng lại thành những cái võng để nằm và đùa giỡn. Bao lớp người đã đi qua nhưng cây đa cũ vẫn còn! Lá đa dày, to bằng bàn tay, mọc chi-chít và xanh um trên cành, lợp kín khu đất quanh gốc. Tàn lá dày đến nỗi nhiều chỗ dưới gốc cây bị bóng râm rộng lớn bao trùm, suốt ngày không có tia nắng nào sưởi ấm. Ngôi đình làng thêm vẻ thiêng-liêng, cổ-kính có lẽ phần lớn nhờ cây cổ thụ này. Nhờ tàn lá rậm-rạp mà đứng ở xa bốn cây số tôi đã nhận ra cây đa đó. Trên ngọn đa, suốt ngày nhiều bầy chim chóc bay tới, làm tổ và kêu hót vang lừng. Chính dưới gốc đa đó, trong một buổi du-ngọa xa xưa, tôi đã cùng chúng bạn

- (51) nằm nghỉ mát, khi nắng trưa hè oi bức le lói chiếu ngôi đình. Có thể nói, nó là một di-tích cổ cưu nhất của nơi chôn nhau cắt rún mà tôi còn trông thấy. Từ các cành cây nhiều rễ phụ rũ xuống. Trải qua bao cơn bão táp di-tích cây đa vẫn hiên-ngang đồ-sộ như cách làng lối ba bốn cây số bất chấp mọi biến cố của dòng thời gian. Giá có ai núp vào đó, người ở xa khó mà trông thấy. Bao lớp người đã đi qua nhưng cây đa cũ vẫn còn! Có thể nói nó là một di-tích cổ-cưu nhất của nơi chôn nhau cắt rún mà tôi còn trông thấy. Nếu lấy thước đo, bề cao thân cây có đến tám, chín thước. Mỗi khi đi xa về, cách làng lối ba bốn cây số, nhìn thấy bóng cây đa lòng tôi lại rộn lên niềm vui vô-hạn.

IV— PHỤ-BẢN LIỆT-KÊ CÁC CHỮ, NHÓM CHỮ, PHẦN CÂU hoặc CÂU DƯ trong BẢN VĂN.

DANH-TỪ : bác-sĩ — nông-dân — thập-phương — ngôi đình — lối cây — di-tích.

ĐỘNG-TỪ : trấn-áp — che phủ — đùa giỡn — kêu hót — hện hồ —

TÍNH-TỪ : sừng-sừng — tối-tàn — cổ-kính — sum-sê — rộng lớn — tĩnh-mịch — cong cong — nghèo nàn — thiêng-liêng.

TỰ-LOẠI KHÁC : hàng ngày — tóm lại — có lẽ — vả lại

NHÓM CHỮ HOẶC PHẦN CÂU : thân cây to lớn — vi-đại hết chỗ tả — khó mà trông thấy — mặt dày mày dạn — không một tiếng động thành những cây cột — cây đa cổ-thụ — mỗi khi đi xa về — xanh vỏ đỏ lòng — lán nắng — Sừng sừng đứng giữa cánh đồng... — liền vào thân cây — cách làng lối ba bốn cây số.

CÂU :

- 1— Lá đa dày to bằng bàn tay.
- 2— Bao lớp người đã đi qua nhưng cây đa cũ vẫn còn !
- 3— Trên ngọn đa có cả thú rừng nữa.
- 4— Chim chóc kéo nhau tới ngọn cây làm tổ và kêu hót vang lừng.
- 5— Ngôi đình làng thêm vẻ thiêng-liêng, cổ-kính có lẽ phần lớn nhờ cây đa cổ-thụ này.
- 6— Rễ cây đa dùng làm đu rất quý.
- 7— Từ các cành cây nhiều rễ phụ rũ xuống.
- 8— Nếu lấy thước đo, bề cao thân cây có đến tám, chín thước.
- 9— Có thể nói nó là một di-tích cổ-cựu nhất của nơi chôn nhau cắt rốn mà tôi còn trông thấy.
- 10— Cây đa to lớn có khác nào cây mít cây dừa.
- 11— Giá có ai núp vào đó người ở xa khó mà trông thấy.
- 12— Có lẽ ngôi đình làng được xây cất rồi người ta mới trồng đa.
- 13— Nhiều rễ phụ bám liền quanh thân, tạo thành những khoảng trống trong cây.
- 14— Gỗ cây đa dùng đóng bàn rất chắc.

V.— BÀI CHỮA

Xem bài chữa số 18/B2 (Phần III)

PHIẾU LÀM BÀI SỐ 19/Đ2

Của trò : _____

ĐIỂM SỐ

Số : _____

Lớp Năm : _____

Lời phê : _____

I.— ĐỀ-LUẬN :

Tả cây dừa trong vườn nhà em.

II.— CÁCH LÀM BÀI :

Bản văn dùng làm bài tập kể sau không được chấm câu đầy-đủ. Học-sinh đọc thật kỹ Bản văn và dùng 45 dấu chấm câu đủ loại ĐẶT vào chỗ thích nghi nhất và sửa chữa các chữ có liên-hệ đến dấu chấm câu mới nếu cần.

(Xem lại Phần Hướng Dẫn cách làm Bài Tập có ký hiệu Đ 2 trang 22).

III — BẢN VĂN DÙNG LÀM BÀI TẬP :

- (1) Chung quanh nhà, lối vài chục năm về trước ông tôi trồng hàng chục cây dừa đến nay, cây nào cây nấy đã khá cao. Mái tranh của gia-đình tôi đã trở nên thấp lè-tè núp dưới bóng mát suốt ngày của chúng trong chòm
- (5) dừa ấy chỉ có cây đứng cạnh bờ ao là cao và sai trái nhất.

- (10) Bầu vuu vào một vũng đất ẩm-ướt phì-nhiều rộng không đầy một mét vuông cây dừa sum-sê, tươi tốt quanh năm. Gốc nó lồi lên trên mặt đất lối nửa thước và lún-phún những rễ rễ nào rễ nấy to bằng ngón tay út hoặc dài, hoặc ngắn, từng lớp chồng lớp kín gốc dừa tròn.

- (15) Cây dừa cao độ tám thước có lần em ôm thử mới thấy thân nó to gấp ruỡi vòng tay thân cây suôn đuột hơi ngã về phía bờ ao từ gốc đến ngọn có hàng chằm đốt đốt nọ cách đốt kia độ nửa gang. Cứ mỗi lần có một bẹ dừa rụng là một đốt mới hiện ra. Thân cây thẳng tắp nhưng vỏ cây không được trơn-tru. Dày dặt những đường răn li-ti da cây dừa nham-nhám và có nhiều u
- (20) gồ-ghề nên dù không có cành và mắt, người ta cũng có

- (21) thề leo dễ-dàng ngoài ra thân cây còn loang-lổ, chỗ thì xám chỗ thì đen...

- Trên ngọn, những tàu dừa tua ra chung-quanh như cái lọng tàu dừa gần giống tàu cau nhưng to hơn nhiều
- (25) mỗi tàu dài trên dưới hai thước hàng trăm chiếc lá mọc đối-xứng nhau từng cặp ở hai bên bẹ. Lá dài nhất lối sáu bảy tấc càng gần ngọn tàu dừa, lá càng ngắn dần. Lá nào cũng có hai má, giữa sống có một cọng gân cứng thân lá dày, màu xanh, cạnh sắc vài tàu lá già ủa vàng hoặc chết khô. Thế mà chúng cũng cố bám vào vào đột chót vót trên đột cây, một tàu lá non xanh nhạt còn cuộn tròn gọn-ghe chọc thẳng lên trời những lớp áo xám, mềm-mại như những tấm bố, nhét đầy nách các bẹ dừa. Từng buồng dừa lủng-lẳng trên các bẹ nu
- (30) dừa mới lú nhỏ bằng ngón chân cái. Các buồng dừa lớn nặng trĩu những trái đủ cỡ. Có trái bằng quả bóng đá, có trái gấp rưỡi quả dừa hấu to. Trái nào cũng tròn-trịa vỏ nhẵn thín màu xanh biếc. Buồng sai nhất có đến mười lăm quả quăng xuống bẹ. Khi gió lớn chúng đung-
- (35) đưa qua lại.

Trời nóng bức mà được một quả dừa nào giải-khát thì còn gì bằng có lần ba em hái một quả dừa nào ở cây ấy. Chặt ra, nước đổ vào hai ly to không hết nạo com dừa bỏ vào ly là ta có một món giải khát độc-đáo.

- (45) Nước dừa uống đã ngọt lại mát tới ruột! Com nó vừa béo vừa thơm lại vừa bùi vào mùa nắng, cây dừa đó thường rụng trái vì hề có buồng dừa nào vừa ăn là bị hái ngay. Quả dừa già cũng dùng làm việc nào nấu dầu, làm xà phòng; nào làm bánh, làm mực v.v. Xơ dừa ngoài
- (50) việc dùng làm củi còn làm dây thừng sợi dừa thì làm gáo hoặc nấu bếp rất đượm lá dừa lợp nhà khá bền hoặc nhóm lửa rất dễ cháy thân dừa có thể bắt cầu hoặc làm cột kèo nhà. Cả đến bẹ và xơ đều là loại củi bán rất có giá.
- (55) Xem thế, cây dừa cho ta nhiều lợi nhưng theo lời ba tôi thì nó là loại cây rất dễ trồng. Hơn nữa dừa còn cho ta bóng mát giữ cho đường sá đỡ bị xoi lở và làm cho quang cảnh thêm đẹp có lẽ, đó là những lý-do khiến ba em mới đây đã trồng thêm trong vườn hai
- (60) chục cây dừa con.

IV. — BÀI CHỮA.

Xem bài chữa số 19/Đ 2 (Phần III).

BÀI TẬP SỐ 20/S1

I. — ĐỀ LUẬN :

Tả khóm tre gai trò có dịp trông thấy

II. — CÁCH LÀM BÀI :

Bản văn «tả khóm tre» dùng làm bài tập kể sau chia làm 20 đoạn đánh số từ (1) đến (20). Thứ-tự các đoạn văn ấy sắp xếp lộn-xộn, không hợp-lý khiến bài luận hư hỏng. Học-sinh căn-cứ vào Dàn-bài kể sau mà sắp xếp lại, sao cho ý-tứ có mạch-lạc hợp-lý hầu tả đúng «khóm tre».

Trong phiếu làm bài số 20/S1 có hai phần :

— PHẦN KIỂM SOÁT : có các ô liên-tiếp A,B,C...S,T,U,V (từ trái qua phải và từ trên xuống dưới). Học-sinh lần lượt viết danh-số các đoạn văn đã sắp theo trật-tự hợp-lý vào các ô ấy.

— PHẦN LÀM BÀI là phần giấy trắng có các hàng gạch. Học-sinh lần-lượt sao lại các đoạn văn đã xếp theo trật-tự mới. Sau mỗi đoạn văn đều phải xuống dòng. Đầu mỗi đoạn văn phải viết danh-số của đoạn văn ấy trôi ra ngoài lề, thẳng hàng dọc với các danh-số khác.

CHÚ Ý : Khi chép lại các đoạn văn phải chép thật đúng chữ và dấu chấm câu. Cố-gắng trình-bày sạch-sẽ và đẹp.

(Xem lại phần hướng dẫn cách làm bài tập có ký hiệu S1 trang 22 và 23).

III. — DÀN BÀI CHI-TIẾT :

NHẬP-ĐỀ :

A — Khóm tre gai ở đâu ?

B — Nhìn chung khóm tre ấy như thế nào ? Có rậm-rạp, đẹp đẽ không ?

THÂN BÀI :

C — Khóm tre ấy có mấy cây, mọc trên khoảng đất rộng hay hẹp ?

D — Các cây tre mọc rời-rạc hay tụ thành một khóm ?

E — Chặt tre ở bụi ấy có dễ không ?

G — Gốc tre như thế nào ?

H — Thân tre như thế nào ?

I — Màu của thân cây ra sao ?

K — Đốt và mất tre thế nào ?

L — Cành gai ra sao ?

M — Lá tre thế nào ?

N — Lá tre mọc nhiều ở đâu ?

O — Những cây tre bị chặt, gốc còn lại như thế nào ?

P — Các müt măng mọc ở đâu ? Như thế nào ?

Q — Ban ngày trên ngọn tre có gì ?

R — Ban đêm, khi trời nổi gió, bụi tre phát ra tiếng gì ?

S — Bụi tre ấy có ích lợi không ? Kể vài ích lợi của nó ?

T — Ngoài việc đan thúng rổ, tre còn dùng làm việc gì khác ? Bán được nhiều tiền không ?

U — Ngày nay nhiều đồ dùng không làm bằng tre, vậy tre có trở thành vô-ích không ?

KẾT-LUẬN :

V — Trò có cảm-tưởng gì về bụi tre ?

IV.— BÀN VĂN DÙNG LÀM BÀI TẬP :

(1) Cây tre cao độ năm thước cũng có lối ba bốn chục đốt. Những mắt tre ở giữa các đốt tựa hồ những vòng gân nổi đều, bó chặt thân tre.

(2) Mặc dù ngày nay với đà tiến-bộ của khoa-học, những đồ thông-dụng trên được làm bằng « ni-lông », nhựa hoặc các chất khác ; nhưng tre cũng không trở thành vô-ích. Hơn nữa, tre còn được dùng làm một vài sản-phẩm tiêu còng-nghệ Việt-Nam, một loại hàng rất được ngoại-quốc ưa chuộng.

(3) Nếu có người lạ muốn tìm nhà tôi thì dấu hiệu đặc-biệt để họ tìm dễ dàng là một khóm tre gai khá cao đứng nép mình trong hàng rào gần ngõ.

(4) Tại mỗi đốt thường có một cành gai, hoặc dài hoặc ngắn, tua tủa như những cánh tay nhỏ vươn ra chung quanh, chiếm lấy một ít chiều ngang cho cân xứng với chiều cao vọt-vọi của cây tre.

(5) Vì ở ngay trước nhà nên ngoài việc lấy tre làm đồ dùng, cha tôi còn dọn dẹp chung quanh gốc rất rảnh-rang khiến nó trở thành một loại cây kiểng khổng-lồ, trang điểm cho khu vườn.

(6) Tre rất có ích. Chỉ có một bụi tre ấy mà ba tôi đã dùng làm nhiều việc. Khi cần đan thúng, rổ, phen, gàu.. người thường chặt tre ở đó.

(7) Thân tre hình ống, dài và tròn, vừa nằm gọn trong lòng đôi bàn tay chấp lại. Càng gần gốc thân càng to ; càng về ngọn thân càng nhỏ. Cây nào cây ấy cũng suôn đuột, cao ngất-ngheo, thi nhau vượt lên chiếm khoảng cao để tha-hồ lả-lơi với gió.

(8) Cả đến khi bện sáo, làm rào, cất nhà, đóng giường.. ông cũng dùng đến tre. Nhiều lúc ba tôi còn bán tre cho người hàng xóm. Có cây bán được bạc trăm.

(9) Những cây tre bị chặt còn tro lại gốc. Đầu sần sù, vì những dầu rữa. Hoặc cao hoặc thấp, gốc nào cũng trụi trụi. Có gốc chết khô trở màu trắng xám.

(10) Vì bụi tre quá rậm nên mỗi lần chặt ở đấy là một lần vất-vả.

(11) Chôn chân trong mô đất nhỏ hẹp không đầy một thước vuông, mười mấy cây tre vừa già, vừa non chen nhau chỗ đứng. Chúng chen lấn nhau.

(12) Có lần phải đi xa vài hôm, tôi cảm thấy nhớ nhà vô hạn ! Tôi không khỏi liên-tưởng đến hình-ảnh khóm tre quá quen-thuộc đó. Nó trở thành một vật khả-ái nhất tại nơi chôn nhau cắt rún mà tôi khó quên được !

(13) Toàn thân tre phủ một lớp cật màu xanh sậm. Có nơi xám-xít vì rêu rong và bụi-bặm. Những phần tre cọ nhau trở nên bóng loáng. Vài cây tre già, đôi lông ửng màu đỏ tía.

- (14) Những nhánh tre gai đan chằng-chịt, uốn theo các kẽ trống còn sót lại, khiến cho cả khóm tre thành một bó. Thật khó mà chặt lấy những cây tre trong bụi.
- (15) Dưới gốc tre, từ độ cao hai ba mươi phân trở xuống, cây nào cũng tua tua những rễ trắng và cứng. Từng lớp rễ bám chặt vào thân cây, ăn sâu vào lòng đất để giữ cho tre đứng vững.
- (16) Từ vài vũng còn lại trong lòng khóm hoặc các vùng đất xộp quanh bụi, những mụn măng mọc-mơn xé đất chui lên, đâm thẳng lên không-trung hoặc uốn éo giành lấy các khoảng trống còn sót lại. Chúng vượt lên cao, tiếp nối đời sống lâu dài của bụi tre.
- (17) Thường ngày, em thấy từng bầy chim, sáo hoặc quạ... bay đi, lượn lại, nhảy nhót hết cảnh này đến cảnh khác, kêu hót ríu-rít, làm rộn-rịp bụi tre suốt ngày.
- (18) Những đêm trăng thanh vắng, khi trời nổi gió, các cây tre cọ xát vào nhau, phát ra chuỗi tiếng « kéo-kè kéo-kè », hòa với tiếng lá chạm vào nhau xào-xạc, làm cho cảnh vật thêm vẻ mơ-nàng, huyền-ảo.
- (19) Từng chòm xanh thẫm, chi-chít bu quanh đọt tre; rườm-rà, sum-sê đến đôi ngọn cây nào cũng quăng xuống.
- (20) Lá tre hình ngôi bút, dài, thon, cạnh nhám, đầu nhọn, mọc thành chùm, đối xứng nhau qua các cuống.

V.— BÀI CHỮA :

Xem bài chữa số 20/S1 (Phần III).

PHIẾU LÀM BÀI SỐ 20/S1

Của trò : _____	ĐIỂM SỐ : _____
Số : _____	Lớp Năm : _____
Lời phê : _____	

ĐỀ-LUẬN : Tả khóm tre gai trò có dịp trông thấy.

PHẦN KIỂM SOÁT :

A	B	C	D	E	G
H	I	K	L	M	N
O	P	Q	R	S	T
				U	V

PHẦN BÀI LÀM :

[] (1) _____

- (1).— Điền giữa hai ngoặc này danh-số của đoạn văn sẽ viết vào các hàng gạch ngang bên phải. Ngoài ra, mỗi khi bắt đầu viết một đoạn văn nào phải viết danh-số đoạn-văn ấy giữa 2 ngoặc đơn, đặt trôi ra ngoài lề, ngay hàng dọc với danh-số đầu tiên này.

Lê đề danh-số
các đoạn văn.

Phần trình-bày các đoạn văn

[]

TRANG 3 TÊN HỌC-SINH

Lê đề danh-số
các đoạn văn.

Phần trình-bày các đoạn văn

[]

Đường để xé

BÀI TẬP SỐ 21/D1

I — ĐỀ-LUẬN :

Tả cây cam trò có dịp quan-sát kỹ.

- 1 — LƯU-Ý : Cần đọc kỹ và triệt-để tuân-hành lời dẫn về cách tả cây cối và lời hướng-dẫn chung về cách làm bài tập soạn theo Diễn-pháp ở phần I có liên-quan mật-thiết đến cách làm bài tập này.
Bài làm dài từ 20 đến 25 hàng.

III — DÀN BÀI HƯỚNG-DẪN TÌM VÀ SẮP Ý :

A — NHẬP-ĐỀ :

Giới-thiệu cây cam sắp tả :
Cây cam ở đâu ? Thấy nó lúc nào ? Do ai trồng ?
Trồng cách đây bao lâu ?

B — DÀN BÀI :

- 1 — Hình-dáng chung . Cao ? Lớn ? Màu ? Sum-sê hay xơ-xác ?...

- 2 — Đặc-điểm từng bộ-phận :

Từ gốc đến ngọn :

- Gốc : kích tức, da, rễ...
- Thân cây : kích-tức, vỏ, bươu...
- Ngọn : nhánh, lá, hoa, gai...
- Trái : to, nhỏ, thơm, ngọt, chua...

- 3 — Đời sống cây cam trong một năm :

- Mùa rụng lá.
- Mùa ra hoa, trái.
- Mùa trái già, chín.

- 4 — Ích-lợi của cây cam :

- Trái ? Vỏ của trái ? Lá ?...

C — KẾT-LUẬN :

Cảm-tưởng ? Sự săn-sóc của em hay của người nhà đối với cây cam?

BÀI TẬP SỐ 22/D1**I— ĐỀ LUẬN :****Tả quả mít.**

II— LƯU Ý : Cần đọc kỹ và triệt-để tuân-hành những lời dẫn về cách tả quả (trái) cây và lời hướng-dẫn chung về cách làm bài tập soạn theo diễn-pháp ở phần I có liên-quan mật-thiết đến cách làm tập này Bài làm dài từ 20 đến 25 hàng.

III— DÀN-BÀI HƯỚNG-DẪN TÌM VÀ SẮP Ý :**A— NHẬP-ĐỀ :**

Giới-thiệu quả mít sắp tả :

Dịp nào trò thấy và quan-sát kỹ quả mít ? Quả mít ở đâu ? của ai ?

B— THÂN BÀI :

(Chú-trọng nêu lên các điểm đặc-sắc).

1— *Bên ngoài quả mít :*

- Kích tức ? Hình dáng ? Màu sắc ?
- Da ? Gai ? Cuống ? Chỗ ti vết ?

2— *Bên trong quả mít :*

- Kích-tức, hình-dáng, màu sắc, mùi vị từng bộ phận :
- Lớp vỏ ? Xơ ? Múi ? Hột ? Cùi ? Mủ ?

3— *Ích lợi của quả mít :*

- Với quả mít non ? Già ? chín ?

C— KẾT LUẬN :

- Mít là loại trái cây thế nào ? (ngon, bổ, đắt tiền...)
- Tại sao người ta trồng nhiều mít ?
- Cảm-tưởng đối với quả mít, nếu có ?

○ TẢ THỰC VẬT hay CÂY CỐI**II.— ĐỀ BÀI TƯƠNG - TỰ**

PHIẾU LÀM BÀI SỐ 23/TH2

Của trò : _____	ĐIỂM SỐ
Số : _____ Lớp Năm : _____	
Lời phê : _____	

I.— ĐỀ LUẬN :

Tả bụi chuối ba em trồng trong vườn.

II.— CÁCH LÀM BÀI :

Bản văn dùng làm bài tập kể sau có 35 chữ, nhóm chữ, phần câu hoặc câu thiếu. Học sinh chọn lấy chữ, nhóm chữ, phần câu hoặc câu kể trong Phụ-bản kể sau Bản văn để thêm vào các chỗ trống (.....) trong Bản văn.

(Xem lại phần hướng dẫn cách làm bài tập có ký hiệu TH2 trang 20).

III.— BẢN VĂN DÙNG LÀM BÀI TẬP :

Gần giếng nhà em, ba em _____ một hào rộng. Dưới hào, ông trồng một _____ già hương. Bao nhiêu nước tắm rửa, rác rến và giấy vụn đều tấp vào đấy. Nhờ vậy, bụi chuối tươi-tốt quanh năm.

Bụi chuối gồm năm cây mẹ chen gốc với sáu _____
_____. Thân cây mẹ nào cũng vừa to _____ thẳng đứng
_____. Vỏ nó nhẵn bóng, _____.

Trên ngọn tỏa ra những chùm lá xanh thẫm _____ tím lông chim khổng lồ. _____.

Lá già chưa kịp héo thì búp _____ đã nảy lên, cuộn tròn và chọc thẳng lên trời. Sau ít ngày _____ lại nở ra, _____.

Thật là tuyệt đẹp! Bạn có bao giờ ngắm nhìn tàu chuối _____ trước gió không? Có đêm khuya tĩnh-mịch nào bạn nằm trong nhà lắng nghe giọt mưa rơi « _____

.....» trên tàu chuối không? Nếu có, bạn mới thấy cây chuối đôi khi đem lại cho ta những cảm-giác đây

Hiện giờ bụi chuối nhà tôi có cây đang
và nở hoa.

..... Một
vài cây đã mang dài lê-thè. Có buồng trên mười
nải, thế mà nải nào chen-chúc những trái. Trái nào cũng
thẳng cứng và to bằng

Em còn nhớ cách đây một có một buồng chuối
chín ngoài cây.

..... Đến
khi nó tỏa ra thơm phức ba em mới
thấy. Nhìn lên ông mới hay gần nửa nải bị chim hoặc
..... ăn mất. Ba em má và anh em ra
..... để người chặt buồng chuối ấy đem vào nhà. Hai người
khá khỏe, thế mà khi buồng chuối vừa lìa thân cây,

Người nào đến nhà em chơi nếu trông thấy bụi chuối, họ
cũng tấm-tắc Nhưng ít ai để ý đến
chăm bón của ba em. Ông đã bỏ nhiều
thời giờ để đào hào, xới đất bón phân. Nhờ vậy, khóm
chuối mới xinh tốt và sai nải.

..... Đôi khi ăn
không hết, má em phải mang cả chục nải chuối chín ửng vàng ra
chợ bán.

IV.— PHỤ-BẢN LIỆT-KÊ CÁC CHỮ, NHÓM CHỮ, PHẦN CÂU hoặc CÂU DÙNG ĐIỀN-KHUYẾT.

DANH-TỪ : lá đọt — buồng — giơ — hương — tuần —
công lao — bụi chuối.

ĐỘNG-TỪ : gọi — ngợi khen — đào — phụ đỡ — phát
phơ —

TÍNH-TỪ : thú-vị — vất-vả — non —

TỰ LOẠI KHÁC : phải — cũng — thì — và — vừa — tựa
— lộp-độp.

NHÓM CHỮ HOẶC PHẦN CÂU : cây con — ...rờ đến em
cảm thấy mát rượi — như cột nhà — trổ bắp — ...bắp tay
em bé lên một — ...nỗn nà như tấm lụa xanh — ...họ đều
muốn ngả !—

CÂU : — Chuối thật là loại cây dễ trồng lại còn cho ta
nhiều lợi.

— Nhờ vậy, bụi chuối tươi tốt quanh năm.

— Thế mà cả nhà đều vô tình không ai biết.

— Quanh năm gia-đình em được ăn chuối thỏa-
thích.

— Bắp chuối tím sậm, to bằng đùi vế.

— Những tàu lá vươn cao, in bóng rợp cả một
khoảng rộng quanh giếng.

V.— BÀI CHỮA :

Bản văn đúng cần dùng để chữa bài tập này chứa đựng
trong Phiếu làm bài số 15/L2 trang 103 và 104

PHIẾU LÀM BÀI SỐ 24 B2

Của trò : _____	ĐIỂM SỐ : _____
Số : _____ Lớp Năm : _____	
Lời phê : _____	

I.— ĐỀ-LUẬN :

Tả bụi mía và nói ích-lợi của cây mía

II.— CÁCH LÀM BÀI :

Bản văn dùng làm bài tập kể sau có 35 chữ, nhóm chữ, phần câu hoặc câu dư. Các chữ, nhóm chữ, phần câu hoặc câu dư **chứa đựng** trong Phụ-bản kể sau Bản-văn. Trong Phụ-bản đó có những chữ, nhóm chữ, phần câu hoặc câu không phải là thành phần dư trong Bản văn lẫn lộn vào. Học-sinh dùng Phụ-bản ấy chọn **bỏ** thật đúng những chữ, nhóm chữ, phần câu hoặc câu dư trong Bản-văn.

(Xem lại phần hướng dẫn cách làm bài tập có ký hiệu B2 trang 21).

III.— BẢN VĂN DÙNG LÀM BÀI TẬP :

Ba em có trồng tại góc vườn một bụi mía đường thanh-diệu trơn láng. G ừa m ỏ đất nhỏ có vẻ màu-mỡ và ẩm ướt quanh năm, lối hai chục cây mía chen chúc như giành nhau đất đứng. Nước mía ngọt thanh hơn nước đường, đã thế lại còn thơm và ngon.

Cây nào cây nấy cạnh sắc, mặt nhám cũng bụ-bẫm, chênh-lệch tươi tốt. Thân cây mía vừa chung-quanh một nắm tay. Đường mía có nhiều chắt ngọt và bở tuy nó không trắng bằng đường nhập-cảng. Chiều cao các cây đã thế chênh lệch nhau. Cây cao nhất dài ba thước đọt. Vỏ cây sần sóc như được sơn một nước sơn tím sậm, tua tủa trơn láng. Tuy có đốt cong nhất, đốt thừa, nhưng mỗi đốt nhất ngắn nhất cũng dài bằng ngón út của em. Những đầu mắt ở giữa các đốt lún-phun nhiều rễ phụ nhỏ và ngắn. Có khi má tôi đi thăm bà con ở tỉnh lại chặt mía đem theo làm quà. Trên đọt độ một chùm lá mọc sát vào nhau trông tua-tủa lên không-trung. Lá mía dè gần hai thước, cạnh sắc, mặt nhám. Người nào cầm nó sợ-y cói

thẽ bị cắt đứt tay. Lá mọc giữa đọt cây đâm thẳng lên trời như ngọn giáo. Lá già tua ra chung-quanh bờ sông hoặc rũ xuống gốc làm cho bụi mía thêm rậm-rạp. Khi trời nổi gió, lá mía đập vào nhau soàn-soạt nghe rộn cả người. Thân cây mía hoặc thẳng hoặc cong và không cứng mấy. Đã thế, ngọn nó lại có nhiều lá. Muốn mía khỏi ngã, cha tôi thường buộc chum cây nọ với cây kia. Mía trồng non nửa năm là thân cây đã cao và già. Có cây vỏ quá cứng, rạn nứt nhiều đường.

Những cây mía già được chặt về, cắt hết đầu mào rậm-rạp, tiện ra từng lóng. Người nào cầm nó sợ ý có thể bị cắt đứt tay. Róc sạch vỏ ngoài, bụ bẫm ta thấy ruột non mía trắng ngà, chứa đầy nước ngọt. Nước mía ngọt thanh hơn nước đường, đã thế lại còn thơm và ngon. Mía dùng ăn tươi hoặc cán lấy nước làm thức uống. Ngoài ra, mật nó dùng làm đường ăn sum-sê vững gốc và dễ coi, một món ăn ai cũng cần. Đường mía có nhiều chất ngọt và bổ tuy nó không trắng bằng đường nhập cảng.

Tại bờ sông người ta thường trồng vỏ mía từng lóng đâm một vì ruột mía ưa nơi đất ẩm, lại dễ trồng và có nhiều lợi. Ở thôn quê, phần nhiều không trung nhà nào cũng trồng vài khóm mía ngoài vườn để làm quà cho trẻ con. Giữa mô đất nhỏ có vẻ màu mỡ và ẩm ướt quanh năm, lối hai chục cây mía chen chúc nhau như giành đất đứng.

Khi mẹ tôi bận việc mà bị các em nhỏ quấy phá một năm tay thì bà ra vườn chặt một cây mía chia cho mỗi đứa một khúc. Ba em quý buội mía ấy lắm. Thế là tụi nó mời đề bà yên tâm làm việc. Khi trời nổi gió lá mía đập vào nhau nghe soàn-soạt nghe rộn người. Đôi lúc mẹ tôi đi thăm bà con ở tỉnh, lại chặt mía đem theo quấy phá làm quà.

Ba em quý bụi mía trồng ấy lắm. Hễ lúc nào rảnh là ông ra vườn săn-sóc chúng: khi thì xới đất, nhổ cỏ; khi thì rảnh tưới nước, lột lá... Thỉnh-thoảng ba em còn lấy đất với màu vun thêm gốc mía. Nhờ vậy, bụi mía ngày càng thêm sum-sê, vững gốc và dễ coi. Những đầu mắt ở giữa các đọt lùn phún nhiều rễ phụ nhỏ và ngắn.

IV.— PHỤ-BẢN LIỆT-KÊ CÁC CHỮ, NHÓM CHỮ, PHẦN CÂU hoặc CÂU DÙNG THAY THẾ.

DANH-TỪ : Xác mít — đọt — vỏ — lóng — ruột — không-trung — giáo-đường — làng — bờ sông.

ĐỘNG-TỪ : quấy-phá — trồng — ép — săn-sóc — chặt

TÍNH-TỪ : trơn láng — nhạt — cong — non — bụ-bẫm — rậm-rạp — chênh-lệch — tua tủa — xơ-xác — tận-tụy — rảnh.

CÁC LOẠI-TỰ KHÁC :

Chung-quanh — với — đã thế — mỗi — độ — trái lại.

NHÓM CHỮ VÀ PHẦN CÂU ;

- Từng gánh mía nặng kiu-kịt.
- ... cạnh sắc, mặt nhám...
- ... sum-sê, vững gốc và dễ coi...
- ... một năm tay...
- ... tha-hồ ăn mía...

- CÂU :
- Có khi má tôi đi thăm bà con ở tỉnh lại chặt mía đem theo làm quà.
 - Khi mía đã lớn đẹp như đám rừng.
 - Khi trời nổi gió, lá mía đập vào nhau soàn-soạt nghe rộn cả người
 - Ở đâu có mía ở đó có trẻ nhỏ quấy phá, đòi ăn mía.
 - Những đầu mắt ở giữa các đọt, lùn-phún nhiều rễ phụ nhỏ và ngắn.

- Giữa mô đất nhỏ có vẻ màu mỡ và ẩm ướt quanh năm, lối hai chục cây mía chen-chúc như giành nhau đất đứng.
- Người nào cầm nó sơ-ý có thể bị cắt đứt tay.
- Đường mía có nhiều chất ngọt và bổ tuy nó không trắng bằng đường nhập-cảng.
- Ba em quý bụi mía ấy lắm.
- Nước mía ngọt thanh hơn nước đường, đã thế lại còn thơm và ngon.

V.— BÀI CHỮA :

Bản văn đúng cần dùng để chữa bài tập này chữa đựng trong phiếu làm bài số 16/THA 2 trang 105, 106 và 107.

PHIẾU LÀM BÀI SỐ 25/THA2

Của trò : _____	ĐIỂM SỐ : _____
Số : _____ Lớp Năm : _____	
Lời phê : _____	

I.— ĐỀ LUẬN :

Tả cây mít trong vườn em.

II.— CÁC LÀM BÀI :

Bản văn dùng làm bài tập kể sau có 35 chữ, nhóm chữ, phần câu hoặc câu không thích-dụng phải thay thế. Các chữ, nhóm chữ phải thay ở liền trước các đoạn chấm nhỏ. Các phần câu hoặc câu phải thay ở liền trước khoảng trống có nhiều chấm.

Học-sinh tìm trong Phụ-Bản những đơn-vị thích-dụng để THAY THẾ các đơn-vị không thích-dụng trong Bản Văn. Các chữ, nhóm chữ thay thế viết trên các đoạn chấm nhỏ, mỗi đoạn viết một chữ. Các phần câu hoặc câu thay thế viết trên các khoảng trống có nhiều chấm. Các đơn-vị đã được thay thế phải gạch bỏ.

(Xem lại phần hướng dẫn cách làm bài tập có ký-hiệu THA2 trang 18 và 19).

III.— BẢN VĂN DÙNG LÀM BÀI TẬP :

Vườn em trồng nhiều loại cây, nhưng cây lớn nhất là một cây mít. Nếu nhìn từ xa người ta có thể tưởng lầm nó là một cây mọc lâu năm _____ vì hình dáng to lớn kèn càng _____ của nó. Theo lời ba má em nói cho người khác biết _____ thì cây mít này do ông cố em trồng cách đây lối nửa trăm năm _____.

Nó cao độ tám thước. Có lần em ôm thử gốc cây thì thấy nó đúng trong lòng _____.

Thân cây không được thẳng lắm lại có nhiều mắt và cục cao
nổi lên. Vỏ cây không được trơn-tru, mốc meo, loang-lổ từng vệt đen, trắng hoặc xám. Thỉnh thoảng có vài nhánh mít nhỏ mọc từ gốc trở lên.

Chồi nào cũng mang những nụ non nà và lá xanh um. Ở độ cao lối ba thước, thân cây có ba cành to và dài. Mỗi cành lại nứt ra vô số cành nứt tí hon. Lá mít rậm rất nhiều, xòe ra tứ phía. Lá dày, cứng và to vừa bằng ngón tay của em. Lá non xanh mới tinh, xen lẫn vào một ít lá vàng úa. Khi trời có gió lá mít cọ xát nhau kêu tiếng ri-rào.

Những lá già rụng xuống phủ kín một vùng đất im mát cả 12 tháng quanh gốc cây. Rễ mít đâm sâu vào lòng đất, chỉ một phần ít rễ lớn tiếp-giáp với thân cây ở trên cao mặt đất.

Mỗi năm, cứ đến mùa mít là cây mít này treo lơ lửng những trái. Nếu đếm, cả cây có đến số nụ là nhiều trăm và lối trên dưới năm chục quả, lớn nhỏ có đủ thứ. Quả còn non to bằng đồ đựng nước trà. Mít già sắp chín, có trái to gấp bốn năm lần quả ban đầu. Quả nào cũng nhuộm màu xanh lục, chia ra rất nhiều những gai nhọn san sát nhau. Thỉnh thoảng vài quả chín, màu vỏ biến ra vàng nhạt. Có quả da bị xẻ ra từng vệt, tỏa một mùi thơm rất thơm.

Má em thường hái mít già về phơi nắng rồi đem ủ kín. Ba bốn hôm sau là mít chín. Bỏ mít ra, ta thấy trong tâm quả một cùi. Nó chứa nhiều chất dẻo trắng. Vớ ý để nó dính vào quần áo thì khó mà chà tẩy.

sạch! Quanh cùi có rất nhiều múi. Múi mít thì mềm, ngọt-vàng, múi nào cũng vậy.

Múi nào cũng to nhưng bóc bên trong ta chỉ thấy một hột nhỏ bằng đầu ngón tay cái. Xen giữa các múi là một vài cọng xơ trắng. Nhiều quả mít khá lớn, bóc ra, bóc vỏ và xơ bỏ đi, cũng còn một rổ to múi.

Cứ mỗi lần có mít chín là cả nhà tự-do ăn! Ăn múi, ăn hột đủ thứ.

Hột nó nấu chín ăn bùi và béo làm sao! Ngoài ra xơ mít còn là đồ ăn sang của gia-súc. Đồi khi mít chín quá nhiều ăn không hết, má em phải đem ra chợ bán. Có ngày tiền bà bán đếm được một hay ba ngàn đồng.

Mít là loại cây có nhiều lợi. Ngoài trái dùng để ăn, nó còn cho ta vật liệu để đóng đồ. Trái lại trồng nó quá dễ lắm! Vì thế ở làng em, hễ nhà nào có đất là người ta thường trồng mít.

IV.— PHỤ-BẢN LIỆT-KÊ CÁC CHỮ, NHÓM CHỮ, PHẦN CÂU
hoặc CÂU DÙNG ĐIỀN-KHUYẾT :

- DANH-TỪ : bưôu — bình trà — gỗ — cỏ-thu — thế-kỷ
- ĐỘNG-TỪ : nứt-nẻ — chia ra — trở nên — thuật lại
— ủ — giặt.
- TÍNH-TỪ : um-tùm — lũng-lằng — đồ-sộ — lỏm-
chồm — sẵn-sùi.
- TỰ-LOẠI KHÁC : mơn-mỏn — ngào-ngạt — tha-hồ.
- NHÓM CHỮ VÀ PHẦN CÂU :

- Nhiều nhánh nhỏ — hàng trăm nụ —
suốt năm — giữa lòng.
- ...món ăn rất hấp khẩu của heo, bò v.v...
- Vừa vịn trong vòng tay — to nhỏ đủ cỡ
- Bàn tay em — trôi lên trên.

— CÂU :

- Gặp cơn gió thổi lá mít đập vào nhau
xào-xạc.
- Mỗi mũi là một túi cơm vàng, dày, mềm,
chứa đầy mật ngọt thanh và thơm phức.
- Từ gốc trở lên, lác đác mọc vài chồi nhỏ.
- Hết ăn mũi em lại ăn hột mít luộc.
- Có bữa bà thu được bạc ngàn.
- Cùi này tiết ra chất mủ trắng.
- Hơn nữa, nó là loại cây dễ trồng.

V.— BÀI CHỮA :

Bản văn đúng cần dùng để chữa bài tập này chứa đựng
trong Phiếu làm bài số 17/TH2 trang 109 và 110.

PHIẾU LÀM BÀI SỐ 6/2D2

Của trò : _____	ĐIỂM SỐ : _____
Số : _____	Lớp Năm : _____
Lời phê _____	

I.— ĐỀ LUẬN :

Tả cây đa ở đình làng em.

II.— CÁCH LÀM BÀI :

Bản văn dùng làm bài tập kể sau không được chấm câu đầy đủ.

Học-sinh đọc thật kỹ Bản văn và dùng 45 dấu chấm câu ĐẶT vào
45 chỗ thích-nghĩ nhất. Nếu cần cũng phải sửa chữa các chữ liên-hệ đến
dấu chấm câu mới.

(Xem lại phần hướng dẫn cách bài tập có ký hiệu Đ2 trang 22).

III.— BẢN VĂN DÙNG LÀM BÀI TẬP :

Sừng sững đứng giữa cánh đồng tĩnh-mịch cạnh ngôi
đình cổ-kinh không biết mọc lên từ thuở nào cây đa cỏ-thu
làng tôi vươn lên trấn-áp cả một vùng rộng lớn.

Những cành lá sum-sê xanh tốt quanh năm nổi bật lên
như một khu rừng nhỏ che phủ gần hết những mái đình cong
cong ngôi đình làng thêm vẻ thiêng-liêng cổ kính có lẽ phần
lớn nhờ cây cỏ-thu này những trưa hè oi-ả gốc đa thường
là nơi lánh nắng của nhiều nông-dân và khách qua đường.

Thân cây to lớn, bốn người ôm mới giáp vòng tay nhau
nếu lấy thước đo bề cao thân cây có đến tám chín thước vỏ
cây xù-xi đen sạm lỗ chỗ những vũng rêu xanh hoặc mốc có
nơi vỏ bị mục, bề từng mảng ngoài ra, thân nó chỗ thì nổi lên
chỗ thì lõm xuống nhiều rễ phụ bám liền quanh thân, tạo
thành những khoảng trống trong cây giá có ai núp vào đó,
người ở xa khó mà trông thấy dưới gốc rễ đa to chẳng khác

gì cành cây nổi hẳn lên ăn lan trên một khoảnh đất khá rộng nhiều khúc rẽ nhẵn bóng vì hàng ngày chúng đã được chọn làm ghế ngồi cho khách thập-phương.

Cành cây tỏa ra từ phía như hình cái tán che rợp cả một khoảnh đất rộng lớn cành to cành nhỏ chen chúc hoặc đan vào nhau cành nhỏ nhất cũng to gấp đôi bắp chân tôi từ cành cây, nhiều rễ phụ rũ xuống có rễ đâm thủng mặt đất để rồi trở thành rễ chính, hút nhựa nuôi cây hoặc thành những cây cột chống đỡ cho cành thêm vững và vươn ra xa hơn nhiều rễ phụ khác treo lơ-lửng trên không trung hàng ngày nhiều trẻ chăn trâu tụ tập tại gốc đa, thi nhau bấu lấy các rễ phụ, tha-hồ đánh đu hoặc kết chúng lại thành những cái võng để nằm và đùa giỡn lá đa dày, to bằng bàn tay, mọc chỉ chít và xanh um trên cành, lợp kín khu đất quanh gốc. Tàn lá dày đến nỗi nhiều chỗ dưới gốc cây bị bóng râm rộng lớn bao trùm suốt ngày không có tia nắng nào sưởi ấm nhờ tàn lá rậm rạp mà đứng ở xa bốn cây số tôi đã nhận ra cây đa đó.

Trên ngọn đa, suốt ngày nhiều bầy chim chóc bay tới, làm tổ và kêu hót vang lừng chính dưới gốc đa đó, trong một buổi du-ngoạn xa xưa tôi đã cùng chúng bạn nằm nghỉ mát, khi nắng trưa hè oi bức le-lói chiếu.

Trải qua bao cơn bão táp cây đa vẫn hiên ngang, đồ sộ như bất chấp mọi biến-cố của dòng thời-gian bao lớp người đã đi qua hưng cây đa cũ vẫn còn có thể nói nó là một di-tích cổ cụ nhất của nơi chôn nhau cắn rún mà tôi còn trông thấy mỗi khi đi xa về, cách làng lổ ba bốn cây số nhìn thấy bóng cây đa lòng tôi lại rộn lên niềm vui vô-hạn.

IV.— BÀI CHỮA.

Bản văn đúng cần dùng để chữa bài tập này chứa đựng trong phiếu làm bài số 18/B2 trang 113, 114 và 115.

BÀI TẬP SỐ 27/S1

Của trò :	ĐIỂM SỐ
Số : Lớp Năm :	
Lời phê :	

I— ĐỀ LUẬN :

Tả cây dừa trong vườn nhà em.

II.— CÁCH LÀM BÀI :

Bản văn tả « cây dừa », dùng làm bài tập kể sau Dẫn bài chia làm 20 đoạn đánh số từ (1) đến (20). Thứ-tự các đoạn văn ấy sắp xếp lộn-xộn khiến bài luận hư hỏng. Học-sinh căn-cứ vào Dẫn bài kể sau và sự suy-luận của mình để sắp lại, sao cho ý-từ có mạch-lạc hợp-lý hầu tả đúng « cây dừa ».

Trong phiếu làm bài số 27/S1 có hai phần :

— PHẦN KIỂM SOÁT : có 20 ô liên tiếp đặt tên từ A,B,C, đến T,U,V (từ trái qua phải từ trên xuống dưới) Học-sinh lần-lượt viết danh-số các đoạn văn đã sắp theo trật-tự hợp-lý vào các ô ấy.

— PHẦN LÀM BÀI là phần giấy trắng có gạch sẵn học-sinh lần-lượt viết lại các đoạn văn sắp theo trật-tự mới. Sau mỗi đoạn văn đều phải xuống dòng. Đầu mỗi đoạn phải viết danh-số của nó trôi ra ngoài lề.

CHÚ Ý : Khi chép lại các đoạn văn phải chép thật đúng chữ và dấu chấm câu. Cố-gắng trình-bày sạch-sẽ và đẹp.

(Xem lại phần hướng dẫn cách làm bài tập có ký hiệu S1 trang 22 và 23).

III.— DÀN BÀI CHI-TIẾT :

NHẬP ĐỀ :

- A— Cây dừa của ai ? Trồng lúc nào ?
- B— Cây dừa trò tả ở đâu ? Có đặc điểm gì ?

THÂN BÀI :

- C— Đất trồng dừa thế nào ? Dừa có tốt không ?
- D— Gốc dừa thế nào ?
- E— Thân cây dừa cao và to bao nhiêu ?
- G— Có bao nhiêu đốt ? Mỗi đốt dài cỡ nào ?

- H— Vỏ cây thế nào ?
 I— Ngọn dừa thế nào ?
 K— Lá dừa thế nào ?
 L— Lá ứa khô thế nào ? Lá đọt thế nào ?
 M— Áo dừa thế nào ?
 N— Buồng dừa thế nào ?
 O— Quả dừa to bằng gì ?
 P— Dừa có sai trái không ?
 Q— Dừa cho ta thức ăn gì độc-đáo ?
 R— Quả, xơ, sọ dừa dùng làm gì ?
 S— Bẹ và áo dừa có phải đồ vô dụng không ?

KẾT LUẬN :

- T— Trồng dừa có nhiều lợi không ?
 U— Cây dừa có ích lợi gì cho đường sá và quang-cảnh ?
 V— Nhà trò có trồng thêm nhiều dừa không ?

IV.— BÀN VĂN DÙNG LÀM BÀI TẬP :

- (1) Bầu vuu vào một vũng đất ẩm-ướt, phì-nhiều, rộng không đầy một mét vuông, cây dừa sum-sê, tươi tốt quanh năm.
- (2) Từng buồng dừa lủng-lẳng trên các bẹ. Nụ dừa mới lú nhỏ bằng ngón chân cái. Các buồng dừa lớn nặng trĩu những trái đủ cỡ.
- (3) Xem thế, cây dừa cho ta nhiều lợi. Nhưng theo lời ba tôi thì nó là loại cây rất dễ trồng.
- (4) Trời nóng bức mà được một quả dừa nạo giải-khát thì còn gì bằng ! Có lần ba em hái một quả dừa nạo ở cây ấy. Chặt ra, nước đổ vào hai ly to không hết. Nạo cơm dừa bỏ vào ly là ta có một món giải-khát độc-đáo ! Nước dừa uống đã ngọt lại mát tới ruột ! Cơm nó vừa béo, vừa thơm lại vừa bùi. Vào mùa nắng, cây dừa đó thường rụng trái vì hễ có buồng dừa nào vừa ăn là bị hái ngay.

- (5) Thân dừa có thể bắt cầu hoặc làm cột, kèo nhà. Cả đến bẹ và xơ đều là loại củi bán rất có giá.
- (6) Chung quanh nhà, lối vài chục năm về trước, ông tôi trồng hàng chục cây dừa. Đến nay, cây nào cây nấy đã khá cao. Mái tranh của gia-đình tôi đã trở nên thấp lè-lè, núp dưới bóng mát suốt ngày của chúng.
- (7) Thân cây thẳng tắp nhưng vỏ cây không được trơn-tru. Dày đặc những đường răn li-ti, da cây dừa nham-nhám và có nhiều u gồ-ghề nên dù không có cành và mắt, người ta cũng có thể leo dễ-dàng. Ngoài ra, thân cây còn loang-lổ, chỗ thì xám, chỗ thì đen...
- (8) Hơn nữa dừa còn cho ta bóng mát, giữ cho đường sá đỡ bị xoi lỗ và làm cho quang-cảnh thêm đẹp.
- (9) Cây dừa cao độ tám thước. Có lần em ôm thử mới thấy thân nó to gấp rưỡi vòng tay. Thân cây suôn đuột, hơi ngã về phía bờ ao.
- (10) Trên ngọn, những tàu dừa tủa ra chung-quanh như cái lọng. Tàu dừa gần giống tàu cau nhưng to hơn nhiều. Mỗi tàu dài trên dưới hai thước.
- (11) Những lớp lá áo xám, mềm-mại như những tấm bố, nhét đầy nách các bẹ dừa.
- (12) Quả dừa già cũng dùng làm việc : nạo nấu dầu, làm xà-phòng; nạo làm bánh, làm mực v.v... Xơ dừa ngoài việc dùng làm củi còn làm dây thừng. Sọ dừa thì làm gáo hoặc nấu bẹp rất đượm. Lá dừa lợp nhà khá bền hoặc nhóm lửa rất dễ cháy.
- (13) Có lẽ, đó là những lý-do khiến ba em mới đây đã trồng thêm trong vườn hai chục cây dừa con.
- (14) Gốc nó lồi lên trên mặt đất lối nửa thước và lún-phún những rễ. Rễ nào rễ nấy to bằng ngón tay út. Hoặc dài, hoặc ngắn, từng lớp chúng lợp kín gốc dừa tròn.

- (15) Từ gốc đến ngọn có hàng trăm đốt. Đốt nọ cách đốt kia độ nửa gang. Cứ mỗi lần có một bẹ dừa rụng là một đốt mới hiện ra.
- (16) Có trái bằng quả bóng đá, có trái gấp rưỡi quả dừa hấu to. Trái nào cũng tròn-trịa, vỏ nhẵn mịn, màu xanh biếc.
- (17) Hàng trăm chiếc lá mọc đối xứng nhau từng cặp ở hai bên bẹ. Lá dài nhất lối sáu bảy tấc. Càng gần ngọn tàu dừa, lá càng ngắn dần. Lá nào cũng có hai má, giữa sống có một cọng gân cứng. Thân lá dày, màu xanh, cạnh sắc.
- (18) Trong chòm dừa ấy chỉ có cây đứng cạnh bờ ao là cao và sai trái nhất.
- (19) Buồng sai nhất có đến mười lăm quả, quăng xuống bẹ. Khi gió lớn chúng đung đưa qua lại.
- (20) Vài tàu lá già ứa vàng hoặc chết khô. Thẽ mà chúng cũng cố bám víu vào đốt. Chót vót trên đốt cây, một tàu lá non xanh nhạt còn cuộn tròn gọn-ghẽ, chọc thẳng lên trời.

V.— BÀI CHỮA.

Bầu văn đúng cần dùng để chữa bài tập này chứa đựng trong Phiếu làm bài số 19/Đ2 trang 117 và 118.

PHIẾU LÀM BÀI SỐ 27/S1

Của trò : _____	ĐIỂM SỐ : _____
Số : _____ Lớp Năm : _____	
Lời phê : _____	

ĐỀ-LUẬN : Tả cây dừa trong vườn em.

PHẦN KIỂM SOÁT :

A	B	C	D	E	G
H	I	K	L	M	N
O	P	Q	R	S	T
				U	V

PHẦN BÀI LÀM :

[] (1) _____

- (1).— Điền giữa hai ngoặc này danh-số của đoạn văn sẽ viết vào các hàng gạch ngang bên phải. Ngoài ra, mỗi khi bắt đầu viết một đoạn văn nào phải viết danh-số đoạn-văn ấy giữa 2 ngoặc đơn, đặt trời ra ngoài lề, ngay hàng dọc với danh-số đầu tiên này.

Lề đề danh-số
các đoạn văn.

Phần trình-bày các đoạn văn

[]

TRANG 3 TÊN HỌC-SINH _____

Lề đề danh-số
các đoạn văn.

Phần trình-bày các đoạn văn

[]

Đường để xé

PHIẾU LÀM BÀI SỐ 28/L2

Của trò : _____	ĐIỂM SỐ : _____
Số : _____ Lớp Năm : _____	
Lời phê : _____	

I.— ĐỀ-LUẬN :

Tả khóm tre gai trò có dịp trông thấy.

II — CÁCH LÀM BÀI :

Bản văn dùng làm bài tập kể sau có 40 CẶP chữ, nhóm chữ, phần câu hoặc câu đề chọn LỰA. Mỗi cặp đề chọn lựa có 2 đơn-vị. Hai đơn-vị này có thể ở cạnh hoặc cách xa nhau nhưng cùng ở trong một câu hoặc một đoạn văn. Chỉ có một đơn-vị được chỉ-định rõ ràng bằng chữ in đậm nét. Chữ, nhóm chữ, phần câu hoặc câu in đậm nét có thể được lựa hoặc gạch bỏ.

Học-sinh đọc thật kỹ đề chọn lấy 40 chữ, nhóm chữ, phần câu hoặc câu thích-dụng đề lại và gạch dưới nếu nó không phải là chữ in đậm nét. Đồng thời gạch bỏ chữ, nhóm chữ, phần câu hoặc câu không thích-dụng.

(Xem lại Phần hướng dẫn cách làm loại Bài tập có ký hiệu L2 trang 17).

III.— BẢN-VĂN DÙNG LÀM BÀI TẬP :

Nếu có người lạ không biết nhà tôi muốn tìm nhà tôi thì vết tích dấu hiệu đặc-biệt để họ tìm dễ dàng là một đống khóm tre gai khá cao đứng núp nép mình trong hàng rào gần ngõ nơi ra vào. Vì ở ngay trước nhà nên ngoài việc lấy tre làm đồ dùng, cha tôi còn dọn dẹp sắp-đặt chu-vi chung-quanh gốc rất rảnh rang khiến nó trở thành một loại cây kiểng không-lỡ, trang điểm cho khu vườn.

Chôn chân trong mô đất khu vườn nhỏ hẹp không đầy một thước vuông, mười mấy cây tre vừa già, vừa non già non đủ thứ trộn lại chen nhau chỗ đứng. Cây này chen và lấn nhau.

Chúng chen lấn nhau. Những nhánh tre gai đan lung-tung **chằng chịt**, uốn theo các kẽ trống còn sót lại, khiến cho cả khóm tre thành một bó **khối**. Chặt cho được cây tre ở giữa bụi khó lắm chứ không dễ. **Thật khó mà chặt lấy những cây tre trong bụi**. Vì bụi tre quá rậm nên mỗi lần chặt tre ở đây là một lần vất-vả. **Chặt tre ở bụi này là việc vất-vả của cha tôi, có lẽ người ngại sợ sự rậm-rạp của nó**. Dưới gốc tre, từ độ cao hai ba mươi phân trở xuống, cây nào cũng tua-tủa những rễ trắng và cứng. Từng lớp rễ bám chặt vào thân cây, ăn sâu vào lòng đất để giữ cho tre trông **chặt đứng vững**.

Thân tre hình ống, dài và tròn, vừa nắm hết **gọn** trong lòng đôi bàn tay chấp lại. Càng gần gốc thân càng to; càng về ngọn thân càng nhỏ. Cây nào cây ấy cũng **gốc to ngọn nhỏ dần và cao suôn đuột**, cao chín tầng trời **ngất ngểu**, thi nhau vượt lên chiếm khoảng cao để tha-hồ là nơi với gió. Tất cả **Toàn** thân tre phủ một lớp cật da màu xanh sẫm. Có nơi xám xịt vì rêu rong và bụi bặm. **Những phần tre cọ nhau trở nên bóng loáng**. Cây tre nào bóng loáng là có cọ nhau. Vài cây tre già, đôi lông ửng màu đỏ tía. Cây tre cao độ năm thước cũng có lối ba bốn chục đốt. Những mắt tre ở **giữa** trung tâm các đốt tựa hồ những vòng gân nổi đều, bó chặt thân tre. Tại mỗi đốt thường có một cành gai, hoặc dài hoặc ngắn, tua tủa như những cánh tay nhỏ vươn ra chung-quanh, chiếm lấy một ít chiều ngang cho cân **xứng** công bình với chiều cao vôi-vọi của cây tre.

Lá tre hình dài, nhọn, cạnh nhám, mọc thành chùm, hình ngòai bút đối-xứng nhau qua các cuốn. Lá tre hình ngòai bút, dài, thon, cạnh nhám, đầu nhọn, mọc thành chùm, đối xứng nhau qua các cuốn. Từng chòm xanh thắm **chi-chít** đông-đảo bu quanh đọt tre, rườm-rà, sum-sê, đến đôi ngọn cây nào cũng gây **quảng** xuống.

Những cây tre bị chặt còn trơ lại gốc. Những bụi tre đã chặt rồi còn trơ lại gốc. Đầu sần-sùi vì những **dấu rựa** cưa. Hoặc cao hoặc thấp, gốc nào cũng trụi-trụi. Có gốc chết khô trở **màu trắng xám**,

Từ vài vũng còn lại trong lòng khóm hoặc các vùng đất xộp quanh bụi, những **mặt măng** mọc-mơn xé đất chui lên, đâm thẳng lên không trung hoặc uốn-éo giành lấy các khoảng trống còn sót lại. Chúng vượt lên cao, tiếp nối đời sống **trường-thọ** lâu dài của bụi tre.

Thường ngày, em thấy từng bầy cầm thú **chim, sáo hoặc quạ...** bay đi, lượn lại, nhảy nhót hết cảnh này đến cảnh khác, kêu hót riu-rit, làm **rộn-rịp** bận-bịu bụi tre suốt ngày. Những **đêm trắng** hư-vô **thanh-vắng**, khi trời **thời nổi** gió, các cây tre **cọ-xát** vào nhau, phát ra chuỗi tiếng « **kèo-kẻ** », hòa với tiếng lá **chạm** vào nhau **xào-xạc**, làm cho cảnh vật thêm vẻ **mơ-màng**, huyền-ảo **long-trọng**.

Tre rất có ích nhiều lắm. Chỉ có một bụi tre ấy mà ba tôi đã **dùng** giúp làm nhiều việc. Khi cần đan thúng, rổ, **phên, gàu...** người thường chặt tre ở đó. Cả đến khi bện **sáo, làm rào, cất nhà, đóng giường ...** ông cũng dùng đến tre. **Nhiều lúc** ba tôi còn **bán tre cho người hàng xóm**. Có **cây bán được** **bạc trăm**. Thường ba tôi bán tre cho người hàng xóm luôn được **đắt tiền** lắm.

Mặc dù ngày nay với **đà tiến-bộ** của khoa-học, những đồ thông dụng trên được **chế-tạo** **làm** bằng « ni - lông », nhựa hoặc các chất khác; nhưng tre cũng không trở thành vô-ích. Hơn nữa, tre còn được dùng làm một vài sản-phẩm **tiểu-công-nghệ** Việt-Nam, một loại hàng rất được ngoại-quốc **ra chuộng**. **Và lại, tre còn làm tiểu-công-nghệ Việt-Nam, một loại hàng được ngoại-bang yêu mến** lắm.

Có lần phải đi xa vài hôm, tôi cảm thấy nhớ nhà vô hạn! Tôi không khỏi **liên-tưởng** đến hình ảnh **khóm tre** quá **quen thuộc** đó. Nhớ mãi hình khóm tre quen biết mà cảm thấy nao-nao. Nó trở thành một vật **khả-ái** nhất tại nơi chôn nhau cắt rún mà tôi khó quên được!

IV— BÀI CHỮA:

Bản văn đúng cần dùng để chữa Bài tập này chứa đựng trong Phiếu làm bài số 20/S1 các trang 119, 120, 121, 122, 123.

PHẦN III

BÀI CHỮA



● TẬP BÀI CHÍNH

BÀI CHỮA SỐ 01/L1

Về Đề : « Tả tấm bảng đen trong lớp em » ở trang 45 và 46

Thứ tự	Hàng	Bỏ	Chọn	Giải thích
TRANG 45				
1	1	trường	lớp	Trong trường có nhiều bảng. Nếu dùng tiếng trường không giới thiệu rõ tấm bảng được tả là tấm nào. Đề bài lại nói rõ « tả tấm bảng trong lớp » nên dùng tiếng LỚP thích-hợp hơn.
2	1	gần	oạnh	Tránh lặp lại chữ GẦN 2 lần trong một câu.
3	2	em	học-sinh	Tấm bảng ở trước mặt tất cả học-sinh chứ không riêng gì em.
4	4	độ	chừng	Trong câu đã có sẵn chữ ĐỘ.
5	4	Mặt bảng	Nó	Câu kể trước đã dùng chữ MẶT BẢNG. Dùng chữ NÓ thay chữ MẶT BẢNG để tránh lặp lại và câu được gọn hơn.
6	4	là	gồm	Chữ GỒM diễn-tả được ý gom góp nhiều vật hợp lại mà thành. Ba mảnh ván là nhiều vật gom lại để làm thành tấm bảng nên dùng tiếng GỒM mới đúng.
TRANG 46				
7	8	rõ ràng	nổi bật	Chữ RÕ RÀNG nghĩa quá yếu không lột hết ý. Chữ NỔI BẬT nghĩa mạnh và diễn-tả hết ý.
8	10	những	từng	Chữ NHỮNG có nghĩa mờ hồ chữ TỪNG nói được ý : « tất cả các nét chữ đều thấy rõ không sót nét nào ».

Thứ tự	Hàng	Bỏ	Chọn	Giải thích
9	11	mảnh	nẹp	Chữ NẸP diễn-tả được hình ảnh thanh gỗ mỏng và có chiều dài đồng ở 4 mép bảng. Chữ MẢNH có nghĩa là miếng vụn do vật lớn bề ra nên dùng ở đây không được.
10	12	cái khung	đường chỉ	Chủ-từ « đường chỉ » thích-hợp với động-từ « viền » hơn.
11	12+13 +14	Câu bắt đầu ở hàng 12	Câu bắt đầu ở hàng 13	Câu đứng trước hỏng vì có chữ « bản » viết sai chính-tả.
12	14	quanh	quần	Chữ QUANH QUẦN thường dùng để chỉ sự lân-la, đi qua lại chung quanh một nơi nào nên nghĩa khác xa với nghĩa cần có trong câu. Chữ quanh đủ diễn-tả ý chung quanh và vòng tròn.
13	16	bảng	của nó	Tránh lặp lại chữ bảng hai lần trong câu.
14	16	gồ ghề	Phẳng bóng	Mặt bảng để viết không thể gồ ghề được.
15	18	phải	cũng	Chữ PHẢI có nghĩa bắt buộc nên không dùng được ở đây.
16	18	vẽ	viết	Chữ VIẾT có nghĩa tổng-quát hơn, vẽ chỉ là một lối viết. Không phải bảng lúc nào cũng dùng để vẽ.
17	19→22	Câu bắt đầu ở hàng 20	Câu bắt đầu ở hàng 19	Câu bỏ có nhiều chỗ sai vì dài dòng, lộn xộn dùng chữ « chế tạo » sai và dùng chữ « được » khiến câu văn không được tự nhiên.

Thứ tự	Hàng	Bỏ	Chọn	Giải thích
18	23	cô	thầy	Nhập-đề (hàng 1) đã nói bằng đen được kê cạnh bàn thầy giáo. Ý trong bài luận trước sau phải thống-nhất, nên ở đây phải chọn chữ THẦY.
19	23	từ từ	lần lượt	Nghĩa chữ lần lượt diễn-tả đúng ý câu : trong khi giảng bài thầy hết viết lại vẽ hoặc hết vẽ lại viết. Viết vẽ xen kẽ nhau. Trái lại chữ từ từ diễn-tả ý chậm-chạp, dần dà. Không phải lúc nào thầy cũng viết chậm rãi.
20	25	rất ít	gần hết	Dùng chữ « gần hết » nói được ích lợi của tấm bảng. Trái lại chữ « rất ít » chỉ nói lên sự vô ích của tấm bảng mà thôi.
21	26	bàn thầy	bảng	Ở đây không phải tả « bàn thầy » dùng chữ « bảng » nói được công-dụng của tấm bảng. Trái lại chữ BÀN THẦY không nói được ý ấy.
22	26+27	và	hoặc	Khi lên bảng chỉ có thể làm một trong hai việc : làm tính hay viết chính tả. Không thể vừa làm tính vừa viết chính-tả một lúc được nên không dùng chữ VÀ.
23	27	ngày	lần	Thầy khen một lúc, một lần nào thôi, chứ không thể khen cả ngày nên không dùng chữ NGÀY.
24	3	kiêu-ngạo	sung sướng	Kiêu-ngạo là tính xấu. Hơn nữa không ai nói cảm thấy kiêu-ngạo lắm » bao giờ. « Trái lại người ta thường nói « cảm thấy sung sướng lắm ».

Thứ tự	Hàng	Bỏ	Chọn	Giải thích
TRANG 46				
25	31	quanh tấm bảng	lớp học	Khi bụi phấn tung bay thì bầu không khí cả lớp bị bắn chứ không riêng gì không khí quanh tấm bảng. Không có tấm màn nào chia ngăn không khí quanh tấm bảng với không khí trong lớp học. Còn phải tránh dùng chữ QUANH TẤM BẢNG đề không lập lại chữ BẢNG trong câu.
26	32	lắm	rất	Nếu bỏ chữ RẤT thì câu còn sẽ là: « Bảng là cần-thiết lắm », đọc rất khó nghe.
27	32→35	Câu bắt đầu ở hàng 34	Câu bắt đầu ở hàng 32	Câu bỏ dài và dư các chữ: nếu, đều, như nhau.
28	37	đi	đến	Chữ ĐẾN gồm cả ý ĐI trong đó. Không ai nói ĐI LỚP mà nói ĐẾN LỚP.
29	38	thuộc lòng	không quên	Chữ THUỘC LÒNG diễn-tả sự cố ý học để nhớ. Không ai học thuộc lòng mặt bảng bao giờ.
30	40+41	tai em thường nghe	mắt em thường thấy	Ta chỉ thấy, chứ không nghe được các dòng chữ viết trên bảng.
31	41	đắt tiền	quí báu	Điều hay lẽ phải thường không trị giá trực tiếp bằng tiền nên không thể dùng chữ đắt tiền.

BÀI CHỮA SỐ 02/THA1

Về đề: « Tả cây bút **chì** » ở trang 47 và 48

Thứ tự	Hàng	Bỏ	Thay	Giải thích
Trang 47				
1	1+2	đi học đầu niên-khóa	tựu-trường	Chữ tựu-trường diễn tả đủ ý đi học đầu niên-khóa lại ngắn, gọn hơn.
2	3+4	Sách vở, bút mực v.v... mà trò thường dùng.	đồ dùng học-sinh	Nhóm chữ thay diễn-tả đủ ý nhóm chữ bị thay lại làm cho câu ngắn gọn hơn.
3	6+7	Tìm mua theo ý thích của mình.	lựa mua	Như lời giải-thích số 2.
4	9	bóng và sáng chói	óng ánh	Chữ thay diễn-tả đủ nghĩa nhóm chữ bị thay lại ngắn, gọn và gọi được hình ảnh vật được tả.
5	9+10+11	Câu bắt đầu ở hàng 9	Câu 2 trong Phụ-bản	Cùng diễn một ý nhưng câu bị thay dài dòng, lộn-xộn, tối nghĩa, dùng sai chữ vừa đúng. Còn câu thay ngắn, gọn, rõ ràng.
6	12+13	Sáu cạnh bằng nhau	Lục-giác đều	Nghĩa của nhóm chữ bị thay có thể diễn-tả bằng từ-ngữ thay ngắn, gọn hơn.
Trang 48				
7	15+16	Nhỏ và rõ từng góc cạnh	sắc-sảo	Như lời giải-thích số 4.
8	17	người làm bút chì	nhà sản-xuất	Như lời giải-thích số 6

Thứ tự	Hàng	Bỏ	Thay	Giải thích
9	18	giống	loại	Chữ giống chỉ dùng cho sinh-vật có sinh đẻ, di-truyền, không thích-dụng cho cây bút chì.
10	19	cho ta	tiết ra	Mùi thơm do một vật tự tiết ra, không cố ý cho ai cả.
11	19	ngon ngọt	địu-dàng	Mùi thơm không thể nếm được cũng không có vị ngon-ngọt.
12	20	phải	nhảm	Chữ « PHẢI » diễn ý rủi ro, bắt buộc, không vừa ý. Chữ nhảm diễn tả may mắn vì vật ta lựa rất hợp ý, nên thích dụng hơn.
13	20+21	đẹp	tốt	Đẹp là vẻ bề ngoài biết rõ ngay không thể lựa nhảm. Tốt bao gồm thể-chất bên trong khó biết rõ, nên có vấn đề lựa nhảm vật tốt hay không tốt.
14	23+24	khối	mảnh	Gỗ thân cây bút chì không thể bề thành khối hoặc cục được.
15	24	nhỏ	nhọn	Tính-từ chọn diễn được hình ảnh đầu chì mức rất nhỏ như đầu kim nên thích-dụng hơn.
16	25	coi xem sao	thử	Chữ thay diễn tả đủ nghĩa nhóm chữ bị thay lại làm cho câu ngắn gọn hơn.
17	27+28	đẻo và mềm	mềm dẻo	Như lời giải thích số 16.
18	29	bề	gãy	Khi chuốt bút chì dĩ nhiên ruột chì phải bị bề, nhưng ruột chì xấu có thể bị gãy, ruột chì tốt thì không.
19	30	cao-su	gôm	Khúc cao-su ở đầu bút chì có tên riêng là GÔM. Phải dùng đúng tên của nó.

Thứ tự	Hàng	Bỏ	Thay	Giải thích
20	31	vòng	khâu	Phần thiếc gắn chặt gồm vào đầu bút chì gọi là KHÂU.
21	33	cao	lên	Dùng chữ « LÊN » cho đối-xứng với chữ « XUỐNG » trong câu.
22	35	viết lại cho đúng	chữ	Chữ thay, ngắn, gọn, súc tích diễn-tả đúng ý muốn nói.
23	37	chưa gạch	trình-trắng	Chữ thay diễn-tả được ý của nhóm chữ bị thay lại gọi hình ảnh mới mẽ của tờ giấy.
24	38+39	câu bắt đầu hàng 38	câu số 1 trong Phụ-bản	Câu bị thay lung-củng vì có 2 chữ trùng nghĩa : « hàng ngày, luôn » và diễn-tả ý sai : « Ai cũng cần dùng bút chì ».
25	42+43	ngồi im lìm không làm gì được	bó tay	Thành-ngữ « BÓ TAY » diễn-tả được ý nhóm chữ bị thay khiến câu văn ngắn gọn, súc-tích và gọi hình hơn.
26	43	la rầy và phạt	quở-phạt	Động-từ « QUỞ PHẠT » đủ diễn-tả ý của nhóm chữ bị thay lại ngắn gọn hơn.
27	45	ngày nào cũng vậy	hàng ngày	Thành-ngữ « HÀNG NGÀY » diễn-tả được ý nhóm chữ bị thay khiến câu văn ngắn gọn hơn.
28	46+47+48	nó khỏi bị mất mát và rơi mạnh xuống đất, trái lại nó luôn luôn ở trong cặp.	khỏi bị mất mát và rơi mạnh xuống đất	Phần câu bị thay dài, lung-củng lập lại chữ NÓ, dư nhóm chữ trái lại nó luôn ở trong cặp
29	49	rất tốt	có tốt cách mấy	Dùng thành-ngữ : « có tốt cách mấy » để nhấn mạnh tai hại của sự bất cần, để bút chì rơi mạnh.
30	51	cẩn	ngậm	Ta thường có thói xấu « NGẬM », chứ ít khi « CẨN » đầu viết chì.
31	53	nhắc đi nhắc lại	căn-dặn	Động-từ « CĂN-DẶN » diễn-tả đúng ý muốn nói, lại ngắn gọn hơn

BÀI CHỮA SỐ 03/TH1

Về Đề : « Tả quyển sách học quá cũ » ở trang 51 và 52.

Thứ tự	Hàng	Thêm	Giải thích
TRANG 51			
1	1	vừa rồi	Nhóm chữ đi trước khoảng trống chưa cho người đọc biết rõ sáng chủ-nhật nào. Ta đoán 2 chữ còn thiếu sẽ định rõ ngày chủ-nhật như « tuần trước, tuần qua, tuần này, vừa rồi ». Tìm trong Phụ-bản có chữ VỪA RỒI là thích-dụng.
2	2	phơi	Sau động-từ ĐEM có 1 gạch. Động-từ ĐEM thường cần một động-từ đơn khác đi theo để bổ nghĩa. Trong Phụ-bản có tiếng PHƠI thích-dụng nhất vì trong câu có nói trời nắng tốt và sách ẩm mốc.
3	3	tủ	Sau chữ ĐÁY cần một danh-từ đơn bổ nghĩa. Câu trước đã cho biết sách đựng trong tủ. Trong phụ bản lại có danh từ TỦ. Vậy ở đây phải thêm chữ TỦ.
4	4	vỡ lòng	Sau chữ QUYỀN SÁCH cần dùng một từ-ngữ chỉ rõ quyền sách gì. Vì có 2 gạch trống nên từ-ngữ này phải có 2 chữ. Theo nghĩa của câu chỉ có từ-ngữ VỠ LÒNG là thích-dụng.
5	5	năm	Theo nghĩa câu thì sau chữ NĂM cần một danh-từ chỉ thời-gian. Trong Phụ-bản chỉ có chữ NĂM là thích-dụng.

Thứ tự	Hàng	Thêm	Giải thích
TRANG 51 6	6	chữ-nhật	Sau chữ HÌNH cần một từ-ngữ chỉ rõ hình ấy thuộc loại nào. Tìm trong Phụ-bản có từ-ngữ CHỮ-NHẬT là thích-dụng.
7	7	rộng chừng một tác	Sau khi kẻ chiều dài, phải nói đến chiều rộng hình chữ-nhật mới đủ kích thước của khổ sách.
8	9	ngụch-ngoạc	Sau NÉT CHỮ cần một tính-từ kép chỉ rõ sự vụng-về của một học sinh lớp vỡ lòng. Tính-từ NGỤCH-NGOẠC rất thích-dụng ở đây.
9	10	vững	Sau chữ TỪNG có một gạch nên cần dùng một danh từ đơn. Theo ý câu danh-từ VỮNG là thích-dụng nhất.
10	10+11	Câu 3 trong Phụ-bản	Sau khoảng trống để điền-khuyết, có câu tả bìa sách. Câu 3 trong Phụ-bản cũng tả bìa sách. Trong bài luận ý-tứ phải liên-tục. Vậy chính câu 3 là câu phải điền ở đó.
11	12+13	loang-lổ	Sau DẤU MỤC có 2 gạch nên cần tính-từ kép để tả dấu mục. Tính-từ LOANG-LỔ rất thích-dụng ở đây.
12	15→17	Câu 4 trong Phụ-bản	Ý-tứ trong bài phải liên-tục. Trước khoảng trống để điền câu thiếu là câu đề-cập đến tên sách. Trong Phụ-bản, câu 4 tả rõ hơn tên sách. Vậy câu 4 chính là câu dùng để điền ở đó.

Thứ tự	Hàng	Thêm	Giải thích
TRANG 52 13	20	Chú-ý	Theo ý các chữ còn lại của câu gọi ra thì sau chữ PHẢI có chữ CHỮ Ý là thích-dụng để điền-khuyết.
14	20+21	rách toe-toét	Nhóm chữ 3 tiếng RÁCH TOE TOÉT rất thích-dụng để tả gáy sách.
15	21	dán	Khoảng trống cần một động-từ đơn. Trong Phụ-bản chỉ còn một động-từ đơn DÁN. Điền chữ DÁN vào đây, câu rất trọn nghĩa và hợp lý.
16	23+24	ít nhiều tờ nào cũng	Vì có 5 gạch phải điền một nhóm chữ có 5 tiếng. Trong Phụ-bản có 2 nhóm chữ có 5 tiếng. Chỉ có nhóm chữ «ít nhiều tờ nào cũng» là thích-dụng.
17	25	lỗ-chỗ	Trong Phụ-bản tính-từ kép LỖ-CHỖ rất thích-dụng ở đây để tả rõ những lỗ dán nhăm rai rác.
18	27+28	nào chữ in, chữ viết; nào chữ thường, chữ hoa	Theo nghĩa phần câu đi trước dấu 2 chấm, phần câu còn thiếu phải tả rõ hơn các kiểu chữ trong sách.
19	28+29	vết tay bản	Cái gì bôi mờ các dòng chữ? Nhóm chữ VẾT TAY BẢN trả lời được câu hỏi ấy nên là nhóm chữ được chọn dùng để điền-khuyết.
20	30	đủ màu	Khoảng trống phải điền nhóm chữ có 2 gạch. Sau nhóm chữ phải điền có 2 chấm và phần câu kể màu sắc được tô. Vậy nhóm chữ ĐỦ MÀU chính là nhóm chữ dùng để điền-khuyết.

Thứ tự	Hàng	Thêm	Giải thích
TRANG 52 21	31	lệch-lạc	Nét tô của học-sinh lớp võ lòng thường không đúng với hình, Tính-từ kép LỆCH-LẠC tả đúng hình ảnh ấy của nét tô.
22	33	xác-xơ	Tính-từ XÁC-XƠ tả đúng hình-ảnh của mép giấy bị xé.
23	34	mới ngày nào	Nhóm chữ MỚI NGÀY NÀO bổ-túc được nghĩa của các tiếng đi trước và phần câu đi sau nó.
24	35+36	i-tờ, tờ-i-ti	Trong Phụ-bản chỉ còn một nhóm chữ có 5 chữ "i tờ tờ i ti". Nhóm chữ này đã được giới thiệu do nhóm tiếng đi trước MIỆNG ĐỌC OANG-OANG và dấu mở đóng ngoặc kép.
25	38	Thế mà	Nhóm chữ THẾ MÀ nổi được ý câu đi trước và câu do nó dẫn đầu.
26	39+40	Câu 1 trong Phụ-bản	Đoạn văn trước khoảng trống nói đến sự mau chóng của thời gian. Chọn trong Phụ-bản chỉ có câu 1 là câu có ý-từ tóm tắt được đoạn văn đó.
27	41	sống lại	Động-từ LÀM thường được các động-từ khác phụ nghĩa. Trong Phụ-bản chỉ còn động-từ SỐNG LẠI điền vào đây rất hợp.
28	42	kỷ-niệm	Sau chữ Ỉ-HIỆU có 2 gạch nên cần một danh-từ kép. Danh-từ KỶ-NIỆM còn lại trong Phụ-bản rất hợp với nghĩa trong câu.
29	42+43	thơ-ấu	Tiếng còn lại trong Phụ-bản rất hợp với nghĩa trong câu.
30	44 48	Câu 2 trong Phụ-bản	Trong phụ-bản chỉ còn lại câu 2. Câu này lại có nghĩa liên-quan với câu đứng trước khoảng trống nên rất thích-hợp để điền ở đây.

BÀI CHỮA SỐ 04/B1

Về Đề : « Tả chiếc xe đạp » ở trang 55 và 56

Thứ tự	Hàng	Bỏ	Giải thích
TRANG 55 1	2	Trường tiểu-học	Nói lớp năm là đủ nghĩa rồi vì ai cũng biết lớp ấy thuộc trường tiểu-học. Trái lại trong phần câu "... dịp khai-giảng các trường tiểu-học..." chữ TRƯỜNG TIỂU-HỌC không bỏ được vì ngày khai-giảng các trường tiểu-học, trung-học có thể khác nhau.
2	6	màu	Nói SƯỜN XE XANH LỤC là đủ nghĩa. Không cần thêm chữ MAU cho câu bớt dài dòng.
3	6+7	Câu 6 trong Phụ-bản	Các câu trước và sau câu bị bỏ đều tả chiếc xe đạp. Đề ý-từ được liên tục không thiếu chen vào giữa hai câu ấy một câu thuật lại chuyện cho bạn mượn xe.
4	8+9	Câu 5 trong Phụ-bản	Đang tả từng bộ-phận chiếc xe không thể xen vào giữa một câu tả bày cảm-tưởng chẳng liên-quan gì đến các phần đang tả.
5	9	cái	Chỉ nói BÀN ĐẠP cũng đủ nghĩa lại nghe câu văn nhẹ nhàng hơn.
6	12	từ lâu	"Gắn đèn màu và dây điện xanh đỏ chiếc xe nổi hẳn lên" Đó là việc dĩ-nhiên, lúc nào cũng vậy, chứ không có việc nổi bật lâu hay mau, TỪ LÂU hay MỚI ĐÂY.

Thứ tự	Hàng	Bỏ	Giải thích
TRANG 55+56			
7	13-15	Câu 7 trong Phụ bản	Đang tả từng bộ-phận chiếc xe (đèn, dây điện, bánh) không thể xen vào giữa 1 câu thuật lại sự việc, cảm-tưởng không đáng gì đến ý của câu trước và câu sau.
8	16	nước	Chữ NƯỚC dư vì khi gần bánh xe mới toanh ta thường ngửi thấy mùi cao su. Không ai biết nước cao su có mùi như thế nào ?!
9	18	ba má	Ở trường làm gì có sẵn BA MÁ của mình hoặc BA MÁ của các bạn mà xem xe ?!
10	19	là	Nói KHEN CHIẾC XE ĐẸP đã đủ nghĩa lại ngắn, gọn, đọc dễ nghe hơn mà câu không còn nặng nề.
11	20	đạp	Giữa bài không cần nhắc lại chữ ĐẠP ai cũng biết chiếc chiếc xe được khen là chiếc xe đạp. Bỏ chữ ĐẠP câu trở nên ngắn gọn hơn.
12	20	tốt	Chữ TỐT bao gồm phẩm-chất bên trong, khó có thể biết ngay mà khen được.
13	22	xe	Bỏ chữ XE câu vẫn đủ nghĩa lại ngắn gọn hơn.
14	22	ấn	Nói BÓP TAY THẮNG là đủ nghĩa rồi mà câu lại gọn. Không ai nói ẤN bóp tay thắng cả.

Thứ tự	Hàng	Bỏ	Giải thích
TRANG 55+56			
15	23	thấy	Chữ XEM ở đây có nghĩa là thử không nhằm chỉ một động-tác của mắt nên dùng chữ THẤY sẽ làm sai nghĩa chữ XEM và nghĩa câu.
16	23	Thế là	Nhóm chữ THẾ LÀ chỉ dùng ở đầu câu có nghĩa chỉ hậu quả của sự việc do câu trước diễn tả. Việc «tò-mò đánh vần...» không phải là hậu quả của việc bóp tay thắng nên dùng THẾ LÀ không được.
17	25	hứa	Phần câu sau chứng tỏ việc cho bạn thân đi dạo xe đã thực-hiện nên chữ «HỨA» dùng ở câu này thừa.
18	27	Lần đầu tiên	Đi học không vất-vả lại còn thích-thú nhờ có xe mới là sự việc có thật kể từ ngày có chiếc xe trở đi chứ không phải chỉ có một LẦN ĐẦU TIÊN.
19	28	nhọc-nhàn	Chữ NHỌC-NHÀN thừa vì trước đó đã có chữ vất-vả đủ diễn-tả ý nhọc-nhàn rồi.
20	29	cũng	Chữ CŨNG diễn-tả một sự việc gần giống sự việc trước, có ý nhấn mạnh, thường nối liền 2 chữ đồng tự loại (đồng-từ, tính-từ, danh-từ) hoặc 2 nhóm chữ, trước nó không bao giờ phết. Các điều-kiện đó ở đây không có điều kiện nào nên phải bỏ chữ CŨNG.

Thứ tự	Hàng	Bỏ	Giải thích
21	30+31	Phần câu thứ 2 trong Phụ bản	Giữa 2 câu diễn-tả nhận xét và thái-độ đối với chiếc xe không thể xen vào phần câu kể một sự việc không liên-quan gì đến các câu trước và sau.
22	31	trầm-trồ	TRẦM TRỒ không phải là một việc làm cần có để chứng-minh việc quý chiếc xe của mình.
23	33	Phần câu thứ 3 trong Phụ bản	Không nói ai cũng biết lau chùi xe là việc làm sau khi đã có xe. Trong bài ta còn gặp phần câu phải bỏ ấy trong câu: "Từ hôm có xe mới em đi học không những không vất vả...". Trong câu ấy, nếu bỏ các chữ "Từ hôm có xe mới", câu sẽ trở nên thiếu ý ngay.
24	34	quay tít	QUAT TÍT không phải là việc làm cần có để sẵn-sóc xe nên phải bỏ. Trái lại muốn thử thắng ăn hay không, cần phải QUAT TÍT bánh xe rồi bóp thắng mới biết.
25	35+36	Câu 1 trong Phụ bản	Đang vào phần kết-luận không được xen vào một câu tả màu sắc chiếc xe. Câu này chỉ nên xếp vào phần tả hình-dáng chung chiếc xe ở phần đầu của thân bài.
26	37	chữ EM thứ hai	Bỏ chữ EM thứ hai để tránh lặp lại một chữ hai lần trong 1 câu và câu được ngắn gọn hơn. Câu cũng không vì thế mà tối nghĩa.

Thứ tự	Hàng	Bỏ	Giải thích
27	38	tò-mò	Chữ TÒ MÒ diễn ý muốn tìm hiểu những điều chưa biết. Cha mẹ cố làm việc và tiền tặng để dành tiền mua xe không có gì là TÒ MÒ cả.
28	39+40	Câu 4 trong Phụ-bản	Căn cứ nội dung thì câu bị bỏ chỉ là câu chuyển ý từ nhập-đề đến thân bài, chứ không thể là câu nằm trong phần kết-luận.
29	41	chữ ĐỀ thứ hai	Tránh lặp lại một chữ hai lần trong câu. Hai túc-từ chỉ mục-đích có thể dùng chung một chữ ĐỀ ở trước và cách nhau một dấu phẩy là đủ rồi.
30	42	các ngài	Trong một đoạn văn cũng nên tránh lặp lại một tiếng nhiều lần, nếu có thể được. Chữ ẤY cũng đủ chỉ-định rõ công ơn cha mẹ đã nói ở cả trước rồi.

BÀI CHỮA SỐ 05/Đ1

Về Đề : « Tả chiếc máy thu-thanh » ở trang 59, 60 và 61

Thứ tự	Hàng	Dấu dùng	Nơi đặt		Chữ phải viết hoa	Giải thích
			Sau chữ	Trước chữ		
TRANG 59						
1	2	phẩy	...tay	hiệu...		Phẩy để phân biệt 2 nhóm chữ cùng làm túc-từ: «Loại máy xách tay» và «hiệu National».
2	4	phẩy	...em	nó...		Phẩy để phân cách túc từ chỉ nguyên có đi trước mệnh đề chính.
3	5	hai chấm	...nhật	mặt...		Dùng dấu hai chấm báo hiệu đoạn văn sau sẽ kể kích-tức dài, rộng, cao của khối chữ-nhật.
4	8	phẩy	bóng...	một...		Phẩy để phân cách nhóm chữ bổ nghĩa cho «màu đen»
5	11	chấm	...chỉ	đó...	Đó	Nhóm chữ từ dấu chấm có sẵn đến chỗ định đặt dấu chấm đã đủ câu: chủ từ, động hay tính từ và túc từ (nếu động hay tính từ cần túc từ). Nhóm chữ sau dấu chấm mới, có thể chỉ thành câu khác.
TRANG 60						
6	13	chấm	...máy	trên...	Trên	Như lời giải-thích số 5.

Thứ tự	Hàng	Dấu dùng	Nơi đặt		Chữ phải viết hoa	Giải thích
			Sau chữ	Trước chữ		
TRANG 60						
7	15	chấm	... ra	nếu...	Nếu	Như lời giải-thích số 5.
8	16	chấm	...đỉnh	mặt...	Mặt	Như lời giải-thích số 5.
9	18	chấm	...mịn	những...	Những	Như lời giải-thích số 5.
10	20 +21	chấm	...nhau	chung...	Chung	Như lời giải-thích số 5.
11	23	hai chấm	...ba tôi	(cuối hàng)		Dùng dấu hai chấm để giới-thiệu một lời sắp nói.
12	24	gạch đầu hàng	(đầu hàng)	Ba...		Gạch đầu hàng để giới-thiệu lời nói riêng-rẽ của một người đối-thoại.
13	25	chấm hỏi	... hỏi ba	Ba tôi...		Dùng dấu chấm hỏi sau các câu hỏi trực-tiếp.
14	26	gạch đầu hàng	(đầu hàng)	Nhờ...		Như lời giải-thích số 12.
15	28	hai chấm	...núm	(cuối hàng)		Như lời giải-thích số 11.
16	29	chấm	...tắt máy	tắt thì...	Tắt	Như lời giải-thích số 5.
17	31	chấm	...thời	mở...	Mở	Như lời giải-thích số 5.
18	31	chấm	...trái lại	nếu...	Nếu	Như lời giải-thích số 5.
19	33	mở đóng ngoặc kép	...chữ	núm...		Các chữ không phải tiếng Việt dùng trong bản văn phải mở và đóng ngoặc kép ở hai bên chữ.
20	33	chấm	...loud	núm...	Núm	Như lời giải-thích số 5.
21	36	chấm	... đỏ	ấn...	Ấn	Như lời giải-thích số 5.
22	37	phẩy	...ấy	tôi...		Phẩy để phân biệt phần câu dẫn đầu bằng động-từ có chung chủ từ "tôi" đi sau.

Thứ tứ	Hàng	Dấu dòng	Nơi đặt		Chữ phải viết hoa	Giải thích
			Sau chữ	Trước chữ		
23	41	60 chấm	...suốt	góc...	Góc	Như lời giải-thích số 5.
24	42	chấm	...lánh	góc...	Góc	Như lời giải-thích số 5.
25	43	chấm	...út	thân...	Thân	Như lời giải-thích số 5.
26	46	61 chấm	...nhau	dọc...	Dọc	Như lời giải-thích số 5.
27	48	phẩy	...ràng	thứ...		Phẩy để phân-biệt 2 tính-từ rõ ràng và thứ tự đứng kế nhau.
28	49	chấm	...mica	nếu...	Nếu	Như lời giải-thích số 5.
29	52	hai chấm	...thanh	từ...		Dùng dấu 2 chấm để báo trước những đại phát-thanh sắp kể.
30	53	phẩy	...Đồn	đại...		Phẩy để phân-biệt 2 đại phát-thanh : Hoa-thịnh-Đồn và Luân-Đôn.
31	53	ba chấm	...Luân-Đôn	(Cuối hàng)		Dùng dấu ba chấm để diễn ý các đại phát-thanh nghe được kể chưa hết.
32	54	phẩy	...vắng	tôi...		Phẩy để phân-biệt túc-từ chỉ thời-gian đứng trước câu chính.
33	56	chấm than	...ôi	trong...	Trong	Dùng dấu than để tỏ ý ngạc nhiên.
34	57	phẩy	...chịt	bóng đèn...		Phẩy để phân-biệt 2 túc-từ : dây chằng-chịt và bóng đèn dọc ngang.

Thứ tứ	Hàng	Dấu dòng	Nơi đặt		Chữ phải viết hoa	Giải thích
			Sau chữ	Trước chữ		
35	57	61 chấm	...ngang	nhiều...	Nhiều	Như lời giải-thích số 5.
36	59	phẩy	...lại	đặt...		Phẩy để phân-biệt hai việc làm (hay hai động-từ) khác nhau của chủ-từ TÔI.
37	65	chấm	...luận	má...	Má	Như lời giải-thích số 5.
38	68	hai chấm	...tôi	Ngày...		Như lời giải-thích số 5.
39	68	phẩy	...dô	tao...		Phẩy để phân-biệt hai mệnh-đề.
40	71	chấm	...loáng	lâu...	Lâu	Như lời giải-thích số 6.

BÀI CHỮA SỐ 06/S1

Về Đề: «Tả chiếc đồng hồ quả lắc» ở trang 63, 64, 65, 66 và 67

DÀN BÀI		Tên ở trong phần kiểm soát (3)	Danh số đoạn văn phải viết vào ở có tên ghi ở cột (3)
Phần (1)	Tiểu - Mục (2)		
Nhập-đề :	— Cha em mua đồng-hồ khi nào?	A	4
	— Mua ở đâu? Giá bao nhiêu?	B	6
Thân bài :	— Cái đồng-hồ hình gì? Bao to?	C	2
	— Mặt kính như thế nào?	D	8
	— Bên trong mặt kính có gì? Tả ra.	E	10
	— Mặt đồng-hồ như thế nào? Có gì?	G	12
	— Có những số nào? Các số ấy nằm ở đâu?	H	15
	— Giữa mặt đồng-hồ có gì?	I	5
	— Công-dụng và chuyển-động của hai cây kim?	K	11
	— Phía sau mặt đồng-hồ có gì? Tả ra.	L	17
	— Phía dưới bộ máy có gì? Tả ra.	M	9
	— Đồng-hồ điềm khi nào?	N	18
	— Nhờ tiếng chuông điềm mà ta biết gì?	O	16
	— Đồng-hồ có cần-thiết và ích-lợi không?	P	1
	— Đối với ba má, anh chị và em, đồng-hồ ấy có ích-lợi gì?	Q	18
Kết-luận :	— Ba em giữ gìn đồng-hồ như thế nào?	R	3
	— Bao lâu mới lên dây và lau chùi?	S	7
	— Khi nghe đồng-hồ điềm, em nghĩ gì?	T	14

BÀI CHỮA SỐ 15/L2

Về Đề: «Tả bụi chuối» ở trang 103 và 104

Thứ tự	Hàng	Bỏ	Chọn gạch dưới nếu chữ nhỏ nét	Giải thích
TRANG 103				
1	1	ao	hào	Ao không thể trồng chuối được. Câu kể sau có chữ HÀO. Câu trước không thể dùng chữ AO.
2	1+2	Trên	Dưới	Đào hào để trồng chuối dưới đó. Không lẽ đào hào xong lại trồng chuối ở bên bờ. Trên hào còn là khoảng trống làm sao trồng chuối được?
3	2	cây	bụi	Đầu đề và các câu sau nói đến BỤI chuối vậy phải chọn chữ BỤI cho nghĩa cả bài được đồng-nhất.
4	3	chảy	tấp	Động từ TẮP có thể dùng chung cho nước, rác và giấy vụn. Trái lại động từ CHẢY chỉ dùng riêng cho nước mà thôi.
5	1+5+6	Câu bắt đầu bằng chữ BỤI CHUỐI	Câu bắt đầu bằng chữ NHỜ VẬY	Câu được chọn ngắn, gọn và đủ nghĩa. Câu bị bỏ dài dòng, dềnh ý vụng lại dư nhiều chữ, nhóm chữ như "mười hai tháng".
6	8	cái	con	Dùng chữ MẸ thì phải dùng chữ CON cho đối nhau. Không bao giờ ta nghe nói cây chuối cái.
7	9	pho tượng	cột nhà	Thân cây chuối giống cột nhà chứ không giống pho tượng. Vì CỘT NHÀ chỉ có một hình dạng còn tượng thì mỗi pho lại có một hình thù khác nhau.

Thứ tự	Hàng	Bỏ	Chọn gạch dưới nếu chữ nhỏ nét	Giải thích
8	9→11	Câu bắt đầu hàng 9	Câu bắt đầu hàng 10	Câu bị bỏ dài dòng, dùng chữ sai như «bề ngoài của nó, thấy». Làm sao thấy được sự mát mẻ? Câu được chọn ngắn, gọn, dùng chữ đúng.
9	12	y hết	tựa	TỰA và Y HẾT có nghĩa giống nhau. Chọn chữ TỰA câu mới ngắn gọn hơn. Hơn nữa động từ y hết đứng sai chỗ (sau túc từ).
10	14	nhà tôi	giếng	Bóng bụi chuối không thể bao quanh nhà. Nhập-đề lại nói bụi chuối trồng gần giếng nên chọn chữ GIẾNG thích hợp hơn.
11	15	chung quanh	trời	Chữ CHUNG QUANH thường cần một túc-từ theo sau: «chung quanh nhà, chung quanh tôi». Dùng tiếng TRỜI mới hợp với ý CHỌC THẮNG của đợt chuối.
12	16	tháng	ngày	Đợt chuối chỉ nở sau một ít NGÀY chứ không lâu đến hàng THÁNG.
TRANG 104 13	17	hết chỗ nói	tuyệt	Dùng chữ TUYỆT đã đủ nghĩa lại ngắn gọn hơn.
14	17+18	các bạn	Bạn	Câu kể sau dùng chữ BẠN. Đề cho ý được thống nhất câu trước không thể dùng nhóm chữ CÁC BẠN được.
15	18+19	khi	đêm khuya	Dùng chữ ĐÊM KHUYA để chỉ rõ trường-hợp mưa rơi trên tàu chuối và dễ gọi cảm hơn là dùng chữ KHI.
16	19+20	ở ngoài vườn	nằm trong nhà	Ở NGOÀI VƯỜN bị mưa ướt chắc chắn không còn gì thú-vị! Câu sau diễn ý thú-vị về cây chuối nên không chọn nhóm chữ ở ngoài vườn được.

Thứ tự	Hàng	Bỏ	Chọn gạch dưới nếu chữ nhỏ nét	Giải thích
17	21→23	Câu bắt đầu ở hàng 22	Câu bắt đầu ở hàng 21	Trong câu bị bỏ động-từ ĐEM LẠI và THẤY không có chủ-từ, không nói rõ cảm-giác đem lại là cảm-giác gì nên bị hỏng hoàn-toàn.
18	24	ấy	nhà tôi	Các câu kể trước không xác định bụi chuối nên câu này không dùng được chữ ẤY mà phải dùng nhóm chữ NHÀ TÔI mới rõ nghĩa.
19	25	đỏ au	tím sậm	Màu của bắp chuối TÍM SẬM chứ không phải ĐỎ AU.
20	25→27	Câu bắt đầu ở hàng 26	Câu bắt đầu ở hàng 25	Phần trước có nói bụi chuối chỉ có năm cây mẹ. Câu bị bỏ nói tám chín cây trở buồng là mâu-thuẫn.
21	28	chồng chất	chen-chúc	CHỒNG CHẤT gợi hình ảnh số nhiều được sắp xếp lớp trên lớp dưới nên không thích-dụng đối với các trái chuối từ cùi buồng trở ra. Chữ CHEN-CHỨC gợi được hình ảnh các trái chuối ép sát với nhau.
22	28	nhiều hoa	những trái	Ta thường thấy nải chuối có những trái chứ ít khi thấy có nhiều hoa. Hoa chỉ có ở đầu quả chuối mới lú ra mà thôi.
23	31	7 ngày	một tuần	Trong bài luận không nên viết số, trừ trường-hợp viết y lại số của một đầu đề nào trong các ngoặc kép.
24	32	vườn	cây	Chữ VƯỜN có nghĩa mong lung quá. Chữ CÂY nghĩa xác-định rõ ràng hơn.

Thứ tự	Hàng	Bỏ	Chọn gạch dưới nếu chữ nhỏ nét	Giải thích
TRANG 104				
25	33	chẳng người nào am tường	không ai biết	Nhóm chữ bị bỏ dài dòng và dùng chữ AM-TƯỜNG không được chính.
26	34	bay	tòa	Động-từ TỎA thích-dụng hơn đối với mùi hương vì gọi được ý từ một chỗ bay đi khắp bốn phía.
27	34	ông	ba em	Chữ ÔNG chỉ dùng để gọi thay một người đàn ông nào nếu kể trước đó có nói đến.
28	35→37	Câu bắt đầu ở hàng 36	Câu bắt đầu ở hàng 35	Câu bị bỏ hỏng vì động-từ THẤY không có chủ-từ, dùng sai chữ ăn tiêu. Hình ảnh nửa nải chuối bị giới ăn không phải là một CẢNH ?
29	37	cả nhà	má và anh em	Theo câu chọn kể sau, chỉ có hai người phụ đỡ để chặt buồng chuối mà thôi.
30	39→41	Câu bắt đầu ở hàng 40	Câu bắt đầu ở hàng 39	Câu được chọn đủ nghĩa và đặt câu đúng. Trái lại câu bị loại diễn-ý không rõ ràng (ai khỏe mạnh? Ai muốn ngã?) lại dư chữ TRÊN.
31	42+43	người ấy	họ	Bỏ nhóm chữ NGƯỜI ẤY để tránh lặp lại chữ NGƯỜI hai lần trong câu. Thay chữ HỌ để câu được ngắn gọn hơn.
32	43+44	thông cảm	để ý	Chữ THÔNG CẢM có nghĩa là hiểu biết nhau qua tình cảm nên dùng ở đây sai.

Thứ tự	Hàng	Bỏ	Chọn gạch dưới nếu chữ nhỏ nét	Giải thích
TRANG 104				
33	46+47	Câu bắt đầu bằng chữ NHỜ THE	Câu bắt đầu bằng chữ NHỜ VẬY	Câu bị bỏ diễn ý sai: Chuối không có sai buồng vì cây nào dù tốt cách mấy cũng chỉ có một buồng mà thôi. Hơn nữa cần tránh dùng chữ MÀ vì nó làm nặng câu. Câu bỏ lại có chữ «sinh» sai chính tả.
34	48→51	Câu bắt đầu ở hàng 48	Câu bắt đầu ở hàng 49	Câu bị bỏ diễn-tả một ý hai lần: ĂN KHÔNG HẾT và CÒN THỪA. Túc-từ của động-từ «đem ra... bán» không có. Câu được chọn diễn ý đúng, gọn và rõ ràng.
35	52	hại	lợi	Chuối có LỢI chứ không có gì HẠI đáng nói. Phải nói LỢI để hợp với ý để trồng và đưa đến kết-luận đề-cao giá-trị cây chuối.

BÀI CHỮA SỐ 16/THA2

Về Đề : « Tả bụi mía » ở trang 105, 106 và 107

Thứ tự	Hàng	Bỏ	Thay	Giải thích
TRANG 105				
1	2... 6	Câu bắt đầu ở hàng 2	Câu 4 trong Phụ-bản	Câu bị bỏ dùng sai chữ VÙNG, CHEN NHAU lại thiếu dấu chấm câu, không tả rõ ràng bằng câu được chọn để thay.
2	7	to lớn	bụ-bẫm	Tìm trong Phụ-bản chỉ có tính-từ BỤ-BẨM diễn-tả đúng hình ảnh to mập của cây mía hơn là tính-từ TO LỚN đứng trước hai gạch trống.
TRANG 105+106				
3	8+9	nắm gọn trong lòng một bàn tay	một nắm tay	Trong Phụ-bản chữ MỘT NẮM TAY ngắn gọn lại gọi được hình ảnh và diễn đủ ý để thay vào nhóm chữ dài dòng đứng trước : NẮM GỌN TRONG LÒNG MỘT BÀN TAY.
TRANG 106				
4	9+10	cao thấp không bằng	chênh-lệch	Lấy nghĩa của 4 tiếng đứng kế trước 2 gạch trống làm chuẩn để tìm trong Phụ-bản một từ-ngữ được đoán là tính-từ gồm 2 chữ có nghĩa tương đương. Ta thấy chữ CHÊNH-LỆCH hợp với nghĩa ấy lại gọn hơn.
5	12	sần-sùi	trơn láng	Tính-từ đứng trước 2 gạch trống tả sai hình ảnh vỏ cây mía. Hai tiếng được thay có nghĩa trái lại nhưng tả rất đúng hình ảnh vỏ cây mía.
6	12	hẹp	nhật	Chữ bị thay dùng sai nghĩa : HẸP chỉ nói về diện-tích, muốn nói chiều dài đốt cây phải dùng chữ NHẬT, ngắn...

Thứ tự	Hàng	Bỏ	Thay	Giải thích
7	14...17	Câu bắt đầu ở hàng 14	Câu 3 trong Phụ-bản	Câu bị thay diễn-ý quá tầm thường : «Giữa các đốt là những đầu mắt» và tối nghĩa. Câu thay đã làm mất cảm tưởng diễn ý tầm thường đó lại rõ hơn.
8	18	tòa	tua tua	Chữ TÒA thường dùng để nói về khối và hơi... Tính-từ TUA TUA thay vào gọi được hình ảnh các lá mía bén nhọn đâm lên trời.
9	18	không-khí	không-trung	Chữ bị thay dùng sai nghĩa, không xác-định được vị-trí và hướng lá mía vươn tới. Chỗ nào chả có không khí ?
10	19+20	mép như đao bén lựng không tròn tru như các thứ lá khác.	cạnh sắc, mặt nhám	Phần câu bị thay dài, lập lại hai chữ NHU. Các thứ lá khác chưa hẳn hoàn toàn lựng tròn tru ? Phần câu thay ngắn, gọn lại diễn đủ hình ảnh muốn tả.
11	21+22	Câu ở hàng 21	Câu 5 trong Phụ-bản	Câu bị thay tuy ngắn nhưng diễn ý sai : không phải ai vô tình cầm lá mía cũng đều bị đứt tay tức khắc.
12	22+23	ngọn	đọt	Chữ ĐỌT chính là tên của phần ở chót đỉnh cây.
13	23	cây	giáo	Lá đọt cây mía không thể so sánh với ngọn cây. Nói ngọn CÂY quá trống nghe ra vẻ ngớ ngẩn vì mía cũng là một loại cây. Đọt mía bén nhọn nên dùng chữ giáo thích hợp hơn.
14	24	hai bên	chung-quanh	Chữ bị thay dùng sai. Không có gì định rõ cây mía có hai mặt rõ rệt và lá mía không phải chỉ tua ra làm hai mà tua ra khắp bốn phía.

Thứ tự	Hàng	Bỏ	Thay	Giải thích
TRANG 106				
15	25	hoang-vu	rậm-rạp	Tính-từ HOANG-VU chỉ dùng để tả cảnh rừng rú, đất đai chưa khai-thác, không có người lui tới. Tính-từ RẬM RẠP tả đúng hình ảnh cây cối có rất nhiều lá, hoặc đất đai có nhiều cây cối.
16	25...29	Câu bắt đầu ở hàng 25	Câu 2 trong Phụ-bản	Câu bị thay đặt sai, diễn không được cảm-giác khi nghe lá mía chạm nhau. Câu thay tuy dài hơn nhưng đặt câu đúng và diễn-tả được cảm-giác khi nghe lá mía chạm nhau.
17	29+30	không thẳng	cong	Khi tả nên gắng chọn tiếng dùng cho đúng. Không nên lấy một chữ đã dùng (THẰNG) ghép với chữ KHÔNG để diễn-tả hình ảnh trái lại (KHÔNG THẰNG).
18	30	trái lại	Đã thế	Nhóm tiếng TRÁI LẠI chỉ đứng đầu câu hoặc phần câu có nghĩa hoặc hình ảnh đối nghịch với nghĩa hoặc hình ảnh của câu hoặc phần câu đứng kế trước.
19	32	vào	với	Chữ VÀO chỉ dùng khi một vật nhỏ lồng vào một vật lớn. Nếu 2 vật đặt kế nhau không thể dùng chữ VÀO được.
20	33	sắp được	non	Chữ thay ngắn gọn hơn ta thường dùng chữ NON để nói những thời-gian phòng định là chưa đầy đủ.
21	34	da	vỏ	Da cây mía có tên riêng là VỎ.

Thứ tự	Hàng	Bỏ	Thay	Giải thích
22	34	chỗ	đường	Vỏ mía rạn nứt từng ĐƯỜNG dọc thân cây không phải nứt từng vung riêng rẽ nên không được dùng chữ CHỖ.
23	36+37	bên trong cây	ruột	Nhóm chữ bị thay rất vụng về dài dòng. Từ-ngữ BÊN TRONG chỉ dùng để nói trong lòng một vật có thể-tích lớn.
24	37...41	Câu bắt đầu ở hàng 37	Câu 8 trong Phụ-bản	Câu bị thay dùng chữ sai như nhóm chữ «ĐÃ THỂ LẠI CÒN» và chữ : «NỮA».
TRANG 107				
25	44...46	Câu bắt đầu ở hàng 44	Câu 6 trong Phụ-bản	Cây bị thay dùng chữ BẮNG sai, khiến nghĩa câu quá mù mờ và mâu-thuân với ý phần câu sau. Tại sao đã không BẮNG lại còn HƠN về chất ngọt và bồ ?
26	47	cấy	trồng	Động-từ CẤY thường dùng để nói việc trồng lúa hoặc vài loại cây nhỏ.
27	49	kết-quả	lợi	Chữ KẾT QUẢ thường dùng để chỉ thành-tích tốt của việc làm nên nghĩa quá tổng-quát. Dùng chữ LỢI nghĩa rõ và dễ hiểu hơn.
28	50	tặng	làm	Chữ TẶNG thường dùng để chỉ việc biếu quà của kẻ nhỏ đối với người lớn.
29	52+53	la rầy	quấy phá	Chữ bị thay dùng sai ngữ. Trẻ nhỏ chỉ la khóc để QUẤY PHÁ người lớn mà thôi chứ không được phép LA RẦY người lớn.

Thứ tự	Hàng	Bỏ	Chọn	Giải thích
TRANG 107				
30	53+54	từng	mỗi	Chữ bị thay khiến câu đọc chỏi tai và nghĩa dùng ở đây không được chính.
31	54+55	binh-tĩnh	yên tâm	BÌNH-TĨNH bao hàm nghĩa chấm dứt sự bối rối, sợ sệt không thích-dụng đối với bà mẹ bị con nhỏ quấy rầy.
32	55...59	Câu bắt đầu ở hàng 55	Câu 1 trong Phụ-bản	Câu bị thay dài dòng có nhiều chữ thừa, ý thừa (ví dụ : không có gì). Câu 1 trong Phụ-bản có nghĩa tương-đương lại ngắn gọn hơn.
33	60+61	Câu ở hàng 60	Câu 7 trong Phụ-bản	Câu bị thay dùng các chữ QUÍ-TRỌNG và MẤY sai.
34	62	làm việc lo lắng cho	sân-sóc	Nhóm chữ bị thay dài dòng. Chữ thay ngắn, gọn lại diễn đủ ý của nhóm chữ bị thay.
35	66...	tốt đẹp gió không ngã và dễ coi	sum-sê, vững gốc và dễ coi	Nhóm chữ bị thay làm cho câu dài, lợm-thuộm, trục-trắc. Nhóm chữ dùng thay vào là nhóm chữ duy nhất còn lại trong Phụ-bản. Thay vào, câu trở nên ngắn gọn mà nghĩa vẫn đủ.

BÀI CHỮA SỐ 17/TH2

Về Đề : « Tả cây mít » ở trang 109 và 110

Thứ tự	Hàng	Thêm	Giải thích
TRANG 109			
1	3	đồ-sộ	chữ cần đi sau danh-từ hình dáng là tính-từ để tả hình dáng cho rõ hơn. Trong Phụ-bản chỉ có tính-từ ĐỒ-SỘ thích hợp để tả hình dáng cây cổ-thụ hơn là tính-từ UM-TUM. Còn các tính-từ khác nếu dùng thì vô nghĩa.
2	4	thuật lại	Sau danh-từ BA MẮC cần động-từ. Theo ý đoạn văn và các động-từ chứa trong Phụ-bản chỉ có động-từ THUẬT LẠI là thích-dụng hơn cả.
3	5	thế-kỷ	Theo ý phần câu ở trước, sau chữ NỮA cần một danh-từ chỉ thời-gian. Trong Phụ-bản chỉ có một danh-từ chỉ thời gian là THẾ-KỶ.
4	7	vừa vắn trong vòng tay	Động-từ ÔM trong câu báo hiệu kích tức to lớn của thân cây sắp tả. Nhóm chữ dùng điền-khuyết ở đây phải có nội-dung đó.
5	9	bướu	Các chữ MẮT ở trước và NỒI LÊN ở sau khoảng trống phải điền-khuyết hé mở cho ta biết chữ phải điền vào là danh-từ chỉ những chỗ ở thân cây nổi cao lên. Chọn trong Phụ-bản ta thấy có chữ BƯỚU rất thích-dụng.
6	9	sần-sùi	Theo sau danh-từ VỎ CÂY là tính-từ tả vỏ cây. Hình ảnh vỏ cây mít thường thấy khiến ta chọn trong Phụ-bản tiếng SẦN SÙI vì nó thích-dụng hơn các tính-từ khác.

Thứ tự	Hàng	Thêm	Giải thích
TRANG 109			
7	10	rêu	Sau chữ VỪNG cần một danh-từ. Trong Phụ-bản chỉ chọn được chữ RÊU là thích-dụng và hợp với nghĩa các tiếng còn lại.
8	11+12	Câu 3 trong Phụ-bản	Thấy khoảng trống quá dài ta biết là dùng điền-khuyết câu. Trong Phụ-bản có 7 câu, ta tìm câu nào có liên-quan đến nội-dung câu trước hoặc câu sau khoảng trống. Sau khi tìm ta thấy câu 3 tả «các chồi mọc rải rác trên thân cây», đề rồi câu kể sau tả các chồi kỹ hơn.
9	14	chìa ra	Sau danh-từ thường là động-từ hoặc tính-từ. Động-từ CHÌA RA điền-khuyết ở đây sẽ hợp với các chữ còn lại làm cho câu văn đủ nghĩa và đúng hơn các động hoặc tính-từ khác có trong Phụ-bản.
10	15+16	nhiều nhánh nhỏ	Sau động-từ thường là túc-từ. Khoảng trống dài ta đoán ở đó cần điền một nhóm chữ. Trong các nhóm chữ còn lại ta chọn được nhóm chữ NHIỀU NHÁNH NHỎ làm cho câu văn đủ nghĩa và đúng hơn.
11	16	um-tùm	Sau danh-từ thường là động-từ hoặc tính-từ. Danh từ LÁ MÍT cần tính-từ để tả tập hợp các lá mít. Tính từ UM-TÙM rất thích-dụng.
12	17	bàn tay em	Sau nhóm chữ so sánh là nhóm chữ hoặc danh từ chỉ một vật. Nhóm tiếng BÀN TAY EM rất thích hợp để so sánh với bề to lá mít.

Thứ tự	Hàng	Thêm	Giải thích
13	18	mơn mơn	Sau tính-từ XANH là một tiếng phụ nghĩa để tả rõ màu xanh. Tiếng phụ nghĩa cho tính-từ là trạng từ được liệt kê trong mục tự loại khác của Phụ-bản. Chữ MƠN MƠN rất thích dụng ở đây.
TRANG 110			
14	19+20	Câu 1 trong Phụ-bản	Khoảng trống dài dùng điền khuyết câu. Khoảng này ở giữa 2 câu tả lá mít. Vậy câu điền khuyết phải có nội dung liên quan đến lá mít. Câu được chọn điền đã có nội dung ấy.
15	22	suốt năm	Sau tiếng IM MÁT là một tiếng hoặc một nhóm tiếng khác phụ nghĩa cho nó. Sau khi chọn các chữ còn lại chỉ có SUỐT NĂM phụ nghĩa thời gian là thích dụng nhất.
16	24	trời lên trên	Sau danh từ THÂN CÂY có thể là tính từ, động từ hoặc nhóm chữ có nghĩa hợp với nghĩa chữ mặt đất tiếp sau. Nhóm chữ TRỜI LÊN TRÊN rất thích dụng ở đây.
17	25	lùng-lẳng	Căn cứ vào nghĩa của các phần chữ còn lại trong câu tính từ LÙNG LẮNG được chọn vì nó hợp được nghĩa với các chữ có sẵn.
18	26	hàng trăm nụ	Động từ ĐẾM trong câu cần có con số. Nhóm chữ được chọn điền khuyết cho biết con số đó nên hợp được nghĩa với các chữ có sẵn khiến cho câu đầy đủ và đúng.

Thứ tự	Hàng	Thêm	Giải thích
TRANG 110			
19	27	to nhỏ đủ cỡ	Nhóm chữ đi cuối câu và sau dấu phẩy phải có nội-dung bổ nghĩa cho túc từ NĂM CHỤC QUẢ. Nhóm chữ TO NHỎ ĐỦ CỠ làm được việc đó.
20	28	bình trà	Sau chữ TO BẰNG phải là một danh-từ chỉ vật có độ lớn có thể so sánh với quả mít.
21	29	bốn năm lần	Sau chữ gấp thường là số lần. Nhóm chữ BỐN NĂM LẦN hợp được nghĩa với chữ GẤP,
22	30	lốm-chốm	Chữ QUẢ (mít) và chữ GAI ở trước và sau khoảng trống khiến ta liên-tưởng đến tính-từ LỘM CHỒM để tả da quả mít.
23	32	trở nên	Sau danh-từ MÀU VỎ và trước tính-từ chỉ màu sắc là động-từ nói việc đổi màu vỏ mít. Động-từ TRỞ NÊN rất thích-dụng.
24	32	nứt nẻ	Động-từ NÚT NẼ rất hợp với ý của chủ-từ DA và túc-từ TỪNG VẾT.
25	33	ngào ngạt	Tính-từ NGÀO NGẠT rất thích-dụng vì phụ nghĩa cho danh-từ MÙI THƠM đứng kể trước.
26	35	ủ	Sau động-từ ĐEM thường có động-từ khác đi kèm. Nghĩa của phần câu có sẵn gợi ý ta tìm ra động-từ « Ủ » rất thích-dụng để điền-khuyết ở đây.

Thứ tự	Hàng	Thêm	Giải thích
TRANG 110			
27	35	Bỏ	Với phần câu còn lại, ta thấy khoảng trống đầu câu còn thiếu một động-từ. Động từ BỎ trong Phụ-bản hợp được nghĩa của phần câu còn lại.
28	36+37	Câu 6 trong Phụ-bản	Câu kể tiếp đề cập đến cùi mít. Câu 6 trong Phụ-bản tả rõ mủ của cùi mít. Câu kể sau khoảng trống nói đặc-tính của mủ mít. Theo sự liên-tục của ý, câu 6 rất thích-dụng để điền-khuyết ở đây.
29	39→41	Câu 2 trong Phụ-bản	Câu kể trước khoảng trống bắt đầu tả múi mít. Câu sau khoảng trống cũng tả múi mít. Câu 2 trong Phụ-bản tả múi mít rõ hơn nên chính là câu dùng để điền-khuyết ở khoảng trống này.
30	46	tha-hồ	Cuối câu có dấu than biểu-lộ một tình-cảm. Đề hợp với nghĩa phần câu còn lại phải điền vào chữ THA-HỒ câu mới diễn-tả đúng và đủ ý muốn nói.
31	47	Câu 4 trong Phụ-bản	Đề nối ý câu kể trước với câu kể sau khoảng trống, ta chọn câu 4 trong Phụ-bản.
32	49+50	món ăn rất hợp khẩu của heo, bò v v...	Phần câu chọn thêm vào khoảng trống là phần câu còn lại sau cùng trong Phụ-bản, rất hợp với nghĩa của phần câu có sẵn.
33	51+52	Câu 5 trong Phụ-bản	Câu chọn thêm vào khoảng trống diễn tiếp ý của câu đứng trước khoảng trống và chứng-minh được ý câu kể sau.

Thứ tự	Hàng	Thêm	Giải thích
TRANG 110 34	54	gỗ	Danh-từ GỖ còn lại sau cùng trong Phụ-bản rất hợp với nghĩa của phần câu có sẵn.
35	54+55	Câu 7 trong Phụ-bản	Câu điền-khuyết phải có nội-dung tiếp nối ý của câu trước và liên hệ đến ý câu sau khoảng trống. Vì ở phần kết-luận, câu điền-khuyết cũng phải có nội-dung nói về cái lợi của cây mít. Câu 7 còn lại trong Phụ-bản có nội-dung ấy nên là câu dùng điền-khuyết ở đây.

BÀI CHỮA SỐ 18/B2

Về Đề : « Tả cây đa » ở trang 113, 114 và 115

Thứ tự	Hàng	Bớt	Giải thích
TRANG 113 1	1	trấn-áp	TRẤN-ÁP là ngự-trị. đề nên thường dùng cho những vật cao lớn, có oai, hung tợn. Ngôi đình làng so với cây đa không có gì cao, lớn, hung tợn nên không dùng được.
2	1+2	không một tiếng động	Chữ TĨNH-MỊCH đứng trước bao hàm đủ nghĩa KHÔNG MỘT TIẾNG ĐỘNG rồi.
3	2	sum-sê	Tĩnh-từ SUM-SÊ thường dùng tả tàn lá cây cối, không thể dùng tả ngôi đình được.
4	6	cây đa cổ-thụ	Theo nghĩa của câu thì cành lá cây đa nổi bật lên. Động-từ nổi bật trong câu không cần túc-từ nào khác. Nhóm tiếng CÂY ĐA CỔ-THỤ dư.
5	7	sùng-sững	Tĩnh-từ SỪNG - SỪNG chỉ dùng tả những vật quá to, cao, vững chắc. Không thể dùng tả mái đình thường được xây cất thấp.
6	9	cổ-kính	Chữ CỒ-KÍNH ở đây dùng sai. Trưa hè không có gì đáng gọi là CỒ-KÍNH cả. Trái lại chữ cồ-kính ở hàng 8 rất thích-dụng để tả ngôi đình.
7	11	rộng lớn	KHÁCH QUA ĐƯỜNG là nhóm tiếng chỉ những người đi đường. RỘNG LỚN chỉ tả con đường, không dùng tả người được. Ở đây không cần phải tả CON ĐƯỜNG.

Thứ tự	Hàng	Bỏ	Giải thích
8	12	thiên-liêng	Tính-từ THIÊN-LIÊNG dùng sai. Thân cây không có gì THIÊN-LIÊNG cả. Ý cả câu tả kích-tức của thân cây nên chữ THIÊN-LIÊNG dư.
9	12	nông-dân	Tại sao lại chọn tầm tay của người nông-dân để lượng chiều to của thân cây? Tầm tay của nông dân không có gì đặc-biệt. Bỏ chữ NÔNG-DÂN câu ngắn gọn hơn mà vẫn đủ ý.
10	14+15	Câu 1 trong Phụ bản	Tả thân cây đã chưa hết (vì còn vỏ, rễ phụ...) lại xen vào một câu tả lá cây làm ý-tư lộn-xộn. Câu bị bỏ nên sắp vào phần khác trong bài.
11	15+16	Câu 4 trong Phụ bản	Tả thân đã chưa hết lại dùng câu 4 trong Phụ bản nói chuyện chim chóc trên ngọn cây làm lạc ý đoạn văn nên phải bỏ.
TRANG 114			
12	17	cong cong	Tính-từ CONG CONG không phải là hình ảnh của mảng vỏ cây bị bề mà là hình ảnh của mái đình.
13	18	có lẽ	Khi tả những vật cụ-thể có sao nói vậy, không thể dùng chữ CÓ LẼ. Chữ CÓ LẼ dùng trong những câu nói những điều suy-đoán, dè-dặt chưa biết đúng hay sai.
14	21	thân cây to lớn	Túc-từ của động-từ TRÔNG THẤY là AI NÚP VÀO KHOẢNG TRÔNG ĐÓ chứ không phải là THÂN CÂY TO LỚN. Vì thân cây to lớn trông thấy rất dễ-dàng, trái với ý khó trông thấy trong câu.

Thứ tự	Hàng	Bỏ	Giải thích
TRANG 114			
15	22+23	thành những cây cột	Hình ảnh CÂY CỘT để ví những vật dựng đứng trong không-gian. Rễ ở gốc cây đã nổi lên nhưng bám sát mặt đất không thể ví như cây cột được.
16	24	tinh-mịch	Tính-từ TĨNH-MỊCH không thích-hợp để tả khoảng đất ở đây vì nó không giúp làm nổi bật ý chính của câu là tả rễ đa.
17	24	liền vào thân cây	LIỀN VÀO THÂN CÂY không phải là lý do để khúc rễ trở nên nhẵn bóng.
18	26	mỗi khi đi xa về	Nhóm chữ MỖI KHI ĐI XA VỀ không cần thiết cho ý trong câu. Khách thập-phương là những người xa lạ ở khắp nơi ghé qua cây đa. Nơi cây đa mọc không phải là quê họ nên dùng chữ ĐI XA VỀ là vô-lý.
19	27	thập-phương	Chữ TỬ PHÍA đứng trước chữ THẬP-PHƯƠNG tự nó đã đủ nghĩa. Dùng chữ THẬP-PHƯƠNG ở đây là phạm lặp lại một ý hai lần. Hơn nữa, chữ thập-phương không dùng để chỉ phương hướng.
20	28	sừng-sừng đứng giữa cánh đồng	Trong bài có hai nhóm chữ SỪNG-SỪNG ĐỨNG GIỮA CÁNH ĐỒNG. Nhóm chữ ở đây bài không thể bỏ được vì bỏ như vậy câu sẽ hỏng nên phải bỏ nhóm chữ ấy ở đây.
21	29+30	Câu 13 trong Phụ bản	Giữa đoạn văn tả cảnh cây, không thể xen vào một câu tả rễ cây làm gián đoạn ý.

Thứ tự	Hàng	Bò	Giải thích
TRANG 114			
22	31	khó mà trông thấy	Khó mà trông thấy cái gì ? Nếu khó mà trông thấy cảnh to cảnh nhỏ thì câu có ý mâu-thuần. Tại sao KHÓ TRÔNG THẤY mà biết "cảnh to, cảnh nhỏ chen chúc hoặc đan vào nhau" để tả.
23	32	hàng ngày	Bắp chân của tôi lúc nào cũng vậy, có lúc nào to, lúc nào nhỏ đâu mà phải dùng chữ HÀNG NGÀY để xác định, làm cho câu trở nên ngớ ngẩn !
24	35	che phủ	Cây cột suôn đuột đâu có tàn mà che phủ được ? !
25	39	kêu hót	Động-từ KÊU HÓT chỉ dùng cho thú vật, không dùng cho người được.
26	39	lánh nắng	Theo nghĩa câu thì rẽ đã không thể dùng để lánh nắng được. Trong bài ta gặp chữ LÁNH NẮNG hai lần. Lần đầu ở hàng thứ 10 nếu bỏ thì câu sẽ hỏng. Vậy phải bỏ chữ LÁNH NẮNG ở đây.
27	40+41	Câu 2 trong Phụ bản	Tả hết rẽ đã phải tả tiếp các phần còn lại như lá, ngọn chẳng hạn. Không thể xen vào giữa một câu nhận xét về sức sống cây đa ở đây. Nên đề câu này ở phần kết luận.
28	45	Câu 5 trong Phụ bản	Giữa đoạn văn tả tàn lá cây đa không thể xen vào một câu nói về ngôi đình đáng lẽ phải nói ở phần trước. Ở phần trước ta gặp câu này ở các hàng 7, 8, 9 nhưng không bỏ được vì nó diễn tiếp ý của câu đứng kể trước.

Thứ tự	Hàng	Bò	Giải thích
TRANG 115			
29	52	ngôi đình	Nắng trưa hè le lói chiếu trùm khắp nơi chứ không riêng gì NGÔI ĐÌNH. Chữ NGÔI ĐÌNH ở đây vô-dụng.
30	52+53	Câu 9 trong Phụ bản	Ta gặp câu 9 trong Phụ-bản 2 lần : một lần ở hàng 52+53, một lần ở hàng 59+60. Câu ở hàng 59+60 không bỏ được vì nó diễn- tiếp ý của 2 câu đứng kể trước và liên hệ chặt chẽ với câu cuối bài. Trái lại câu hàng 52+53 không có tính chất đó nên bỏ được.
31	53+54	Câu 7 trong Phụ bản	Gần cuối thân bài không thể có một câu nói về rẽ đã đáng lẽ phải đặt ở giữa thân bài.
32	55	di-tích	Cây đa vẫn còn nguyên vẹn trước mắt để ta tả nên không dùng chữ DI-TÍCH cây đa được. DI-TÍCH có nghĩa là dấu vết còn lại của vật gì đã mất.
33	55+56	cách làng lối ba bốn cây số	Nhóm chữ bị bỏ đã làm cho câu văn trở nên vô nghĩa.
34	57+58	Câu 11 trong Phụ bản	Giữa 2 câu đang nói về sức sống dẻo dai của cây đa không thể xen vào một câu tả hình dáng to lớn của nó làm ý tứ đoạn văn mất liên tục.
35	60+61	Câu 8 trong Phụ-bản	Câu bị bỏ "tả thân cây" cần phải nói vào đoạn văn tả thân cây chứ không thể nói ở phần áp chót của kết- luận.

BÀI CHỮA SỐ 19/Đ2

Về Đề : « Tả cây dừa » ở trang 117 và 118

Thứ tự	Hàng	Dấu dùng	Nơi đặt		Chữ phải viết hoa	Giải thích
			Sau chữ	Trước chữ		
TRANG 117						
1	1	phẩy	.trước	ông...		Phẩy để phân cách túc-từ chỉ thời-gian và mệnh-đề chính.
2	2	chấm	..dựa	đến...	Đến	Nhóm chữ trước dấu chấm mới đặt đã đủ câu: chủ-từ, động-từ, các loại túc-từ. Nhóm chữ sau dấu chấm có thể chia thành câu khác.
3	4	phẩy	...tê	núp...		Phẩy để phân cách 2 tình-trạng của mái tranh: trở nên thấp và núp dưới bóng mát.
4	4	chấm	...chúng	trong...	Trong	Nhóm chữ trước dấu chấm mới đặt đã đủ câu. Nhóm chữ sau dấu chấm có thể chia thành câu khác. Đủ câu khi phân-tích ta thấy nó có: chủ-từ, động-từ (hoặc tính-từ) và túc-từ nếu động-từ (hoặc tính-từ) cần đến.
5	7	phẩy	...ướt	phi...		Phẩy để phân biệt 2 tính-từ chỉ chất (đất: ẩm-ướt và phi nhiều.
6	7	phẩy	...nhiều	rộng...		Phẩy để phân cách phần câu chỉ phẩm-chất và diện-tích mảnh đất.
7	8	phẩy	...vuông	cây...		Phẩy để phân cách túc-từ và mệnh-đề chính.

Thứ tự	Hàng	Dấu dùng	Nơi đặt		Chữ phải viết hoa	Giải thích
			Sau chữ	Trước chữ		
TRANG 117						
8	10	chấm	...những rễ	rễ nào...	Chữ «Rễ» thứ hai	Như lời giải-thích số 4
9	11	chấm	...út	hoặc dài...	Chữ «Hoặc» thứ 1	Như lời giải-thích số 4
10	13	chấm	... thước	có...	Có	Như lời giải-thích số 4
11	14	chấm	... tay	thân...	Thân	Như lời giải-thích số 4
12	14	phẩy	... đuột	hơi...		Phẩy để phân cách 2 đặc- điểm khác nhau của thân cây dừa.
13	15	chấm	...ao	từ...	Từ	Như lời giải-thích số 4
14	15 + 16	chấm	...trăm đốt	đốt nọ...	Chữ «Đốt,đầu hàng 16	Như lời giải-thích số 4.
15	19	phẩy	... ti	da...		Phẩy để phân cách phần câu tả da thân cây dừa đứng trước chủ-từ với phần câu chính.
TRANG 118						
16	21	chấm	...dàng	ngoài..	Ngoài	Như lời giải-thích số 4
17	21	phẩy	...ra	thân...		Phẩy để phân cách nhóm tiếng «ngoài ra» chuyển ý từ câu trước sang câu sau.
18	22	phẩy	...xám	chỗ...		Phẩy để phân chia 2 từ ngữ chỉ màu sắc làm thân dừa loang-lổ.
19	24	chấm	...lọng	tàu...	Tàu	Như lời giải-thích số 4.

Thứ tứ	Hàng	Dấu dùng	Nơi đặt		Chữ phải viết hoa	Giải thích
			Sau chữ	Trước chữ		
20	24 + 25	chấm	...nhiều	mỗi...	Mỗi	Như lời giải-thích số 4.
21	25	chấm	...thước	hàng...	Hàng	Như lời giải-thích số 4.
22	27	chấm	...tắc	càng...	Càng	Như lời giải-thích số 4.
23	29	chấm	...cứng	thân...	Thân	Như lời giải-thích số 4.
24	29	chấm	...sắc	vải...	Vải	Như lời giải-thích số 4.
25	31	chấm	...đọt	chót...	Chót	Như lời giải-thích số 4.
26	32	phẩy	...ghê	chọc...		Phẩy để phân cách 2 đặc- điểm của tàu dừa trên đọt.
27	32	chấm	...trời	những..	Những	Như lời giải-thích số 4.
28	34	chấm	...bẹ	nụ...	Nụ	Như lời giải-thích số 4.
29	37 + 38	phẩy	...trẻ	vỏ...		Phẩy để phân cách 2 đặc- điểm bên ngoài của quả dừa.
30	38	phẩy	...thín	màu...		Như lời giải-thích số 29 kể trên.
31	39	phẩy	...quả	quảng...		Phẩy để phân cách 2 đặc- điểm của buồng dừa sai trái.
32	39	phẩy	...lớn	chúng...		Phẩy để phân-cách từ-cứ chỉ thời gian đi đầu câu, với phần câu chính.
33	42	chấm than	...bằng	có...	Có	Chấm than để tỏ ý vui thích khi trời nắng mà được uống nước dừa.
34	43	chấm	..hết	nào...	Nào	Như lời giải-thích số 4.

Thứ tứ	Hàng	Dấu dùng	Nơi đặt		Chữ phải viết hoa	Giải thích
			Sau chữ	Trước chữ		
35	46	phẩy	...vừa béo	vừa thơm...		Phẩy để phân cách hai nhóm tiếng tả hai phẩm chất đồng thời của cơm dừa.
36	46	chấm	...bùn	vào...	Vào	Như lời giải-thích số 4.
37	48	hai chấm	...việc	nào...		Hai chấm để báo trước các công-dụng của quả dừa gà sắp kể.
38	49	ba chấm	v.v	xơ...		Ba chấm ngụ ý các công- dụng của quả dừa gà kể chưa hết. Sau chữ vân vân (v.v) bao giờ cũng có ba chấm.
39	50	chấm	...thùng	sọ...	Sọ	— Như lời giải-thích số 4. — Từ số 39 đến số 41 mỗi nhóm chữ diễn tả công- dụng một bộ-phận cây dừa nên đã trọn câu phải chấm để phân biệt.
40	51	chấm	...đọt	lá...	Lá	Như lời giải-thích số 39
41	52	chấm	...cháy	thân...	Thân	Như lời giải-thích số 39.
42	53	phẩy	...cột	kéo...		Phẩy để phân-biệt 2 vật có thể làm bằng thân cây dừa.
43	55	chấm	...lợi	nhưng..	Nhưng	Như lời giải-thích số 4.
44	57	phẩy	...mát	giữ...		Phẩy để phân-biệt 2 ích lợi của cây dừa.
45	58	chấm	...đẹp	có...	Có	Như lời giải-thích số 4.

BÀI CHỮA SỐ 20/S1

Về Đề : «Tả khóm tre gai» ở trang 119, 120, 121, 122, 123...

D A N B A I		Tên ở trong phần kiểm soát (3)	Danh-số đoạn văn phải viết vào ô có tên ghi ở cột (3)
Phần chính (1)	Tiểu - Mục (2)		
Nhập-đề :	— Khóm tre gai ở đâu ?	A	3
	— Nhìn chung, khóm tre ấy như thế nào ? Có rậm rạp, đẹp để không ?	B	5
Thân bài :	— Khóm tre ấy có mấy cây ? Mọc trên khoảng đất rộng hay hẹp ?	C	11
	— Các cây tre mọc rời rạc hay tụ thành một khóm ?	D	14
	— Chặt tre ở bụi ấy có dễ không ?	E	10
	— Gốc tre như thế nào ?	G	15
	— Thân tre như thế nào ?	H	7
	— Màu của thân cây ra sao ?	I	13
	— Đốt và mắt tre thế nào ?	K	1
	— Cành gai ra sao ?	L	4
	— Lá tre thế nào ?	M	20
	— Lá tre mọc nhiều ở đâu ?	N	19
	— Những cây tre bị chặt, gốc còn lại như thế nào ?	O	9
	— Các mọt mặng mọc ở đâu ? Như thế nào ?	P	16
	— Ban ngày trên ngọn tre có gì ?	Q	17
	— Ban đêm, khi trời nổi gió, bụi tre phát ra tiếng gì ?	R	13
	— Bụi tre ấy có ích lợi không ? Kể vài ích lợi của nó.	S	6
	— Ngoài việc đan thúng rỏ..., tre còn dùng làm việc gì khác ? Bán được nhiều tiền không ?	T	8
	— Ngày nay nhiều đồ dùng không làm bằng tre, vậy tre có trở thành vô ích không ?	U	2
Kết-luận :	Trò có cảm-tưởng gì về bụi tre ?	V	12

○ CÁCH CHỮA CÁC BÀI TẬP CÓ ĐỀ TƯƠNG-TỰ.

Các Bài tập tương tự gồm có :

- Tả đồ vật (từ trang 72 đến 100) : Các bài số 9/THA 1 — 10/L1 — 11/B1 — 12/Đ1 — 13/S1 và 14/TH1.
- Tả cây cối (từ trang 129 đến 155) : Các bài số 23/TH2 — 24/B2 — 25/THA2 — 26/Đ2 — 27/S1 và 28/L2.

Muốn chữa một bài tập có đề tương tự nào, học-sinh phải xem lời chú thích về BÀI CHỮA ở cuối Phiếu làm bài ấy để biết rõ Bài tập CHÍNH có CÙNG ĐỀ số mấy ? Ở trang nào ? Đoạn LÀM bài tập chính đó trước và dùng Bài chữa của nó mà CHỮA THẬT KỸ để có BẢN VĂN ĐÚNG. Sau đó, lấy Bản văn đúng mà CHỮA BÀI TẬP TƯƠNG-TỰ có CÙNG ĐỀ.

Thí dụ :

Sau khi làm Bài tập tương tự số 09/THA1 «tả tấm bảng đen trong lớp» ở trang 75 - 76, muốn chữa nó, ta xem ở mục «V — BÀI CHỮA» (cuối trang 77) chỉ dẫn như sau :

«Xem Bản văn đúng chữa đựng trong Phiếu làm bài số 01/L1 trang 45 và 46 để chữa bài tập này».

Vậy, ta lật trang 45 — 46 để làm bài tập 01/L1 trước đã (nếu chưa làm). Làm xong dùng Bài chữa liên-hệ (cũng có ghi rõ ở cuối mỗi Phiếu làm bài tập chính) số 01/L1 ở các trang 158, 159, 160 và 161 mà chữa Bài tập chính số 01/L1

THẬT KỸ. Chữa xong, ta có trong Phiếu làm bài số 01/L1 BẢN VĂN ĐÚNG đề tả «tấm bảng đen trong lớp». Đoạn dùng Bản văn ấy mà chữa bài tập số 09/THA1.

Lần lượt đọc từng câu ĐÚNG trong Bài tập chính, mà DÒ SỬA TỪNG CÂU trong Bài tập tương-tự.

Sau đây là một thí dụ về lối chữa này :

Sau khi làm và chữa cần-thận ta có câu văn đúng đầu tiên trong Bài tập số 01/L1 là :

«Trong lớp em, bảng đen được kê cạnh bàn thầy giáo, gần vách tường, đối diện với học sinh».

Đối-chiếu với câu đầu bài tương tự số 09/THA1, ta thấy 3 thiếu-nghiệm-điểm ở câu đó trong bài này phải làm như sau mới đúng :

1— Phải bỏ nhóm chữ in đậm căn phòng em học mà thay vào khoảng trống có 2 gạch kẻ đó nhóm chữ lớp em rút trong Phụ-bản trang 77.

2— Phải bỏ nhóm chữ in đậm ông giáo dạy học mà thay vào khoảng trống có 2 gạch kẻ đó danh từ thầy giáo rút trong Phụ-bản trang 77.

3— Phải bỏ nhóm chữ in đậm những em nhỏ đi học mà thay vào khoảng trống có 2 gạch kẻ đó danh từ học-sinh rút trong Phụ bản trang 77.

Và từ đó chữa từng câu như thế cho đến hết bài.

MỤC - LỤC

DANH - MỤC	TRANG
PHẦN MỞ ĐẦU : Đặc-điểm của sách	5
PHẦN I : GIÁO KHOA CĂN BẢN	9-41
— Khái-niệm căn-bản về môn Tập làm văn và giới-thiệu sách	9
— Hướng dẫn chung về cách làm bài « Tập làm Văn » soạn theo diễn-pháp	24
— Văn miêu-tả	29
* Tả tĩnh-vật (đồ vật)	31
* Tả thực-vật (cây cối, hoa, quả...)	34
PHẦN II : BÀI TẬP	43-156
— Tả tĩnh vật hay đồ vật.	43-100
I — Đề bài chính.	43-71
1)— (L1) Tả tấm bảng đen trong lớp em	45
2)— (THA1) Tả cây bút chì	47
3)— (TH1) Em vừa tìm thấy một quyển sách học quá cũ của mình. Hãy tả nó	51
4)— (B1) Nhân ngày tựu-trường, ba má mua cho em một chiếc xe đạp để đi học đỡ vất vả. Hãy tả chiếc xe đó.	51
5)— (B1) Tả chiếc máy thu thanh	5
6)— (S1) Ba em vừa mua một đồng hồ quả lắc. Hãy tả chiếc đồng hồ đó.	63
7)— (D1) Tả chiếc xe Honda	70
8)— (D1) Tả bản đồ Việt-Nam	17

THẬT KỸ. CH
BẢN VĂN ĐU
Bản văn ấy m

Lần lượ
DÒ SỬA TỪN

Sau đây
Sau khi
tiên trong Bài

«Trong
gần vách tường

Đối-chiếu
3 trắc-nghiệm-d
mới đúng :

1— Phải
thay vào khoảng
trong Phụ-bản t

2— Phải l
vào khoảng trổn
Phụ-bản trang 77

3— Phải b
thay vào khoảng
trong Phụ bản tra

Và từ đó

II— Đề bài tương-tự.

- 9) — (THA1) Tả tấm bảng đen trong lớp em
- 10) — (L1) Tả cây bút chì
- 11) — (B1) Em vừa tìm thấy quyển sách học quá cũ của mình. Hãy tả nó
- 12) — (Đ1) Nhân ngày tựu-trường, ba má mua cho em chiếc xe đạp để đi học đỡ vất vả. Hãy tả chiếc xe đó.
- 13) — (S1) Tả chiếc máy thu-thanh
- 14) — (TH1) Ba em vừa mua một đồng hồ quả lắc. Hãy tả chiếc đồng hồ đó.

— Tả thực vật hay cây cối.

I— Đề bài chính.

- 15) — (L2) Tả bụi chuối ba em trồng trong vườn
- 16) — (THA2) Tả bụi mía và nói ích lợi của cây mía
- 17) — (TH2) Tả cây mít trong vườn em
- 18) — (B2) Tả cây đa ở đình làng em
- 19) — (Đ2) Tả cây dừa trong vườn nhà em
- 20) — (S1) Tả khóm tre gai trò có dịp trong thấy
- 21) — (D1) Tả cây cam trò có dịp quan sát kỹ
- 22) — (D1) Tả quả mít

II— Đề bài tương-tự.

- 23) — (TH2) Tả bụi chuối ba em trồng trong vườn
- 24) — (B2) Tả bụi mía em có lần trông thấy và nói ích lợi của cây mía
- 25) — (THA2) Tả cây mít trong vườn em
- 26) — (Đ2) Tả cây đa ở đình làng em
- 27) — (S1) Tả cây dừa trong vườn nhà em
- 28) — (L2) Tả khóm tre gai trò có dịp trông thấy

PHẦN III : CHỮA BÀI TẬP

— Đề bài chính.

I— Tả đồ vật

II— Tả cây cối

— Đề bài tương-tự

MỤC - LỤC

ĐÍNH CHÁNH

GIẤY PHÉP XUẤT BẢN SỐ
4233/BTT/PHNT ngày 3-10-1970,
Triển - Hạn ngày 26 - 7 - 1971

ĐÍNH-CHÍNH

Vì những sơ-xuất ngoài ý muốn, trước khi dùng sách xin vui lòng lưu-ý sửa chữa các lỗi sau :

TRANG	HÀNG (DÒNG) THỨ	IN SAI LÀ :	SỬA LẠI LÀ :
7	4	KIỂM-SOÁT	KIỂM SOÁT
10	18	tóm tắt	tóm tắt
10	32	thấu ho	thấu hoặc
11	5	đề gỏi môn	đề giới môn
11	11	vỡ riêng	vỡ riêng
12	10	vào vỡ riêng	vào vỡ riêng
12	25	lại nhữnt gì	lại những gì
12	35	tinh-thầu	tinh-thần
13	3	hoặc không có	hoặc không có
13	5	trở thanh	trở thành
15	23	còn nhiều	còn nhiều
15	35	tiệm tiến	tiệm tiến
16	17	làm ài	làm bài
21	24	Phụ-b	Phụ-bản
30	8	thúi, béo...-	thúi, khó chịu...
35	1	phươcg-pháp	phương pháp
38	31	Hoặc Kỷ-niệm	Hoặc kỷ-niệm
40	18	mà àm mắt	mà làm mắt
40	28	các điều này	các đề này
48	4	góc cậhh	góc cạnh
49	1	các chữ, nhóm chữ	các chữ, nhóm chữ
55	19	trườg Tiều-học	trường Tiều-học
55	28	có vẽ	có vẽ
57	23	còn thi	còn thích
59	14	21 dấu chấm	19 dấu chấm
59	15	8 dấu phảy	10 dấu phẩy
59	30	nổi bật	nổi bật
60	9	dày đặt	day đặc
61	2	16	46
61	9	Luân-Đôn.	Luân-Đôn
61	15	cục « Pin »	cục « pin »
61	28	nếu « Pin » yếu	nếu « pin » yếu
65	6	dịp rãnh	dịp rãnh
66	2	nửa giờ	nửa giờ
71	13	Thân bai	Thân bài
71	31	cởi êm	cởi êm
77	8	phẫg phóng	phẳng bóng

TRANG	HÀNG (DÒNG) THỨ	IN SAI LÀ :	SỬA LẠI LÀ :
79	36	sâng lạn	sáng lạn
80	5	dịu dàag	dịu-dàng
82	8	xem kỹ lại	xem kỹ lại
83	16	nét vẽ — giản-dị	nét vẽ giản-dị
86	4	nhờ găng thêm	nhờ gán thêm
86	21	đã l m	đã làm
87	17	lần lược	lần lượt
87	19	mỗi đoạn văn	mỗi đoạn văn
87	26	thu thanh	thu thanh ?
89	3	dày đặt	dày đặc
89	25	có mặt	có mặt
90	6	« Lloud »	« loud »
90	22	làm gì	làm gì
97	15	Riêug	Riêng
103	14	phầu câu	phần câu
106	17	rũ xuốn	rũ xuống
108	22	ướt quan	ướt quanh
111	9	lồm chồm	lồm chồm —
113	12	những chữ nhóm chữ	những chữ, nhóm chữ
113	13	phần câu hoặc không	phần câu hoặc câu không
113	15	phần cân	phần câu
113	16	traug 21	trang 21
115	9	đa cũ	đa cũ
115	26	vi-đại	vi-đại
115	27	tiếng động	tiếng động —
116	13	thần cây	thân cây
117	31	chăm đốt	trăm đốt
117	34	dày đặt	dày đặc
117	36	dù không có	dù không có
121	20	mỗi lần chặt ở	mỗi lần chặt tre ở
128	8	làm tập	làm bài tập
135	11	câu hoặc câu dư	câu hoặc câu dư
135	20	Giữa mô đất	Giữa mô đất
135	30	dài bằ g	dài bằng
135	34	Lá mía dà	Lá mía dài
135	35	sơ-y cói	sơ-y có
136	27	quí buội mía	quí bụi mía
143	2	số 6/2Đ2	số 26/Đ2
144	25	đi quan hưng	đi qua nhưng
144	30	cần dùng	cần dùng
157	3	Tập Bài Chính	Bài Tập Chính
177	1	(dưới tính lên) số 6	số 5
177	4	(dưới tính lên) số 5	số 11